

Tác Giả và Tác Phẩm

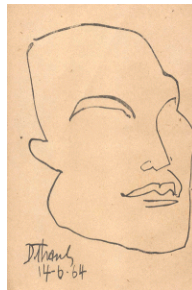
Thanh Tâm Tuyên (II)

Tiểu sử

Sinh ngày 15.3.1936 tại Vinh, Nghệ An.
Mất ngày 22.3.2006 tại Minnesota, Hoa Kỳ.

Tác phẩm

Bốn tiểu thuyết : Cát Lầy (1966), Mù Khơi (1970),
Tiếng Động (1970) Một Chủ Nhật Khác (thang 2, 1975).



tranh Duy Thanh

Mục Lục

Trong đất trời nhau – Mai Thảo – 2
Nói thêm về Thanh Tâm Tuyên – Phan Lạc Phúc – 5
Thanh tâm Tuyên – Thụy Khuê - 10
Thơ giữa chiến trang và trại tù – Nguyễn Quốc Trụ - 12
Kinh nghiệm sáng tác trong tù - 17
Kỷ niệm 5 năm ngày mất Bùi Giáng – 20
Thanh Tâm Tuyên, người đi tìm tiếng nói – Đỗ Lai Thúy - 24
Nhân vật tiểu thuyết Thanh Tâm Tuyên - Nguyễn Vy Khanh - 27

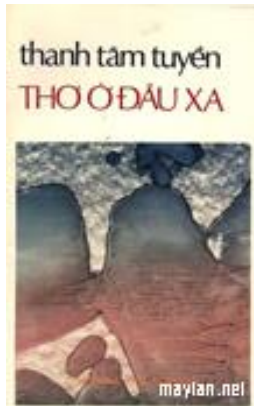
Phụ đính :

Người gác cổng - Ông ánh hư ngụy
Le Poète Maudit - Giai đề: Chữ trình còn một chút này
Vẫn còn mùa xuân - Tư - Đại lộ - Isabelle – Một chủ nhật khác

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Trong đất trời nhau.... Mai Thảo

Trong đất trời nhau mình vẫn gần.
Mai Thảo



Khu lều bạt Thăng Long, nơi tạm trú sinh viên Hà Nội di cư, nằm ngay trung tâm thành phố trên đất KháM Lớn Sài Gòn cũ, thoáng đẹp. Sinh viên chuyển vào Đại Học Xá Minh Mạng, dù công trình xây cất chưa hoàn tất. Đặc san Lửa Việt của Hội Sinh Viên Đại Học Hà Nội, do anh Trần Thanh Hiệp làm chủ nhiệm, anh Nguyễn Sỹ Tế làm chủ bút, sau số Xuân Chuyển Hương, cũng ngưng xuất bản.

Bấy giờ là năm 1955. Di cư đã đến hồi văn cuộc. Hà Nội khuất biệt từ tháng Mười năm trước. Sài Gòn vẫn còn xô bồ những mới mẻ, những hứa hẹn trong con mắt người di cư.

Chúng tôi - các anh Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sỹ Tế, Doãn Quốc Sỹ, và tôi - gặp nhau, cùng làm việc, quen dần nhau qua mấy số Lửa Việt - nơi đã in vở kịch *Trắng Chiều* của anh Tế viết khi còn ở Hà Nội, các truyện ngắn *Chàng Nhạc Sĩ*, *Gìn Vàng Giữ Ngọc* của anh Sỹ và một vài bài thơ của tôi - , đồng ý cần có tờ báo của mình để viết cho sướng tay, để may ra đóng góp được cái gì cho công cuộc chung.

Trong khi chờ anh Hiệp tìm kiếm nguồn tài trợ, chúng tôi nhận hợp tác với nhật báo Hòa Bình của anh Vũ Ngọc Các, làm trang Văn Nghệ hàng tuần cho tờ báo. Tôi được giao phó công việc đầu bếp lo việc sắp xếp bài vở cho trang báo vì rành thì giờ nhất và được nét chịu khó đọc. Nhờ trang báo chúng tôi gặp thêm bạn: Giao Thanh và Mai Thảo.

*

Giao Thanh, một nhà giáo bị gọi vào khoá 2 Thủ Đức, chết năm 79 hoặc 80 tại K5, trại Tân Lập, Vĩnh Phú. Những năm còn ở Sài Gòn, Sài Gòn, Anh và Chị thỉnh thoảng cùng nhau thả bộ từ nhà ở chung cư Sĩ Quan trên đường Trần Hưng Đạo gần Đồng Khánh sang nhà tôi chơi ở Bà Chiểu; năm 70, khi tôi lên Trường Võ Bị Đà Lạt, chúng tôi gần nhau hơn: anh chỉ ao ước làm sao in được tập truyện viết từ nhiều năm của anh mà không được.

Nhớ một truyện ngắn của anh gửi đến chúng tôi kể về một đôi vợ chồng trẻ di cư ở trên một nhà - thuyền, đêm thao thức, cùng nhau nỉ non tâm sự, cùng mơ ngày có căn nhà trên đất liền cho con cái ở; để tả cảnh sông nước Hậu Giang, anh cho nhân vật ra đứng trên mũi thuyền tiểu tiện xuống sông. Nhớ, sau khi đăng truyện, gặp anh Vũ Khắc Khoan đã bị trách: "mấy cậu *avant-gardiste* này nhảm quá..."

*

Mai Thảo gửi tới chúng tôi *Đêm Giã Từ Hà Nội*.

Tôi nhận được một thư dày cộm, không địa chỉ người gửi, trong đựng xấp bản thảo đánh

máy. Bút hiệu Mai Thảo hoàn toàn xa lạ với tôi.
Liếc nhìn dòng chữ đầu tiên của bài gửi, tôi giật mình kinh ngạc:
Phượng nhìn xuống vực thẳm: Hànội ở dưới ấy.

Câu trích đề của truyện đột ngột khác thường. Nó không trích ra từ một tác phẩm khác đã có. Nó như tự trên trời rớt xuống, hay nói như Mai Thảo là câu “bắt được của trời”. Cái chiều sâu của nó làm chóng mặt.

Tưởng nên nhắc nhớ rằng ẩn dụ “vực thẳm”, cứ theo chỗ tôi biết, cho đến lúc bấy giờ chưa thấy được dùng trong văn chương Việt Nam. Phải đợi vài năm sau, khi Phạm Công Thiện xuất hiện với ảnh hưởng của Nietzsche, văn từ “hố thẳm” mới tràn lan và trở thành sáo ngữ.
Đọc hết truyện thì rõ câu trích đề là một câu ở trong truyện. Phượng là tên nhân vật.

*

Đây là một truyện không cốt truyện.

Sự hấp dẫn bắt đọc là ở lời, giọng kể, ở ma lực của tiếng nói bắt lắng nghe – theo bước di chuyển của nhân vật giữa thành phố bỏ ngõ trong đêm, sự vật ẩn hiện nổi chìm trong giấc kín bùng triền miên của chúng - , ở sự dồn đẩy khôn người của chữ nghĩa tưởng chừng không sao dứt tạo thành những vận tiết mê mải tới chốn nhòa tất mọi tiếng.

Gọi *Đêm Giã Từ Hànội* là truyện hay tùy bút đều được. Cứ theo ký ức cùng cảm thức của riêng tôi, trong và sau khi đọc, thì đó là một bài thơ. Thơ là thứ tiếng nói tàng ẩn trong quên lãng bất chợt vắng dội, đòi được nghe lại (nghĩa là đọc lại, lập lại). Người ta nghĩ đến một truyện ngắn, một bài tùy bút, một quyển tiểu thuyết đã đọc, nhưng người ta nhớ đồng thời nghe và gặp lại một câu thơ, một bài thơ.

Đêm Giã Từ Hà Nội là một bài thơ thỉnh thoảng vẫn vắng dội trong tôi mà tôi không thể nhớ toàn vẹn - tỷ như lúc này đang viết đây tôi không cách nào tìm đọc bài thơ ấy trừ cách tưởng tượng dựa vào ý ức và cảm thức còn sót đọng, trừ câu trích đề.

*

Nhớ trong buổi họp kiểm bài vở trước khi chuyển xuống nhà in, tôi đã không thể ngăn nổi mình yêu cầu các anh Hiệp, Sỹ, Tế nghe tôi đọc *Đêm Giã Từ Hànội* đăng trọn trong một kỳ báo, không cần lời giới thiệu. Và tôi đọc say sưa, *hùng hồn* liên hồi. Và các anh *chịu khó* ngồi nghe trên căn gác lửng tối chật của tòa báo. Anh Tế kết thúc buổi họp nói đùa "Anh làm chúng tôi mất cái thú tự mình khám phá".

Năm di cư thứ hai mươi [1974], khi viết bài *Từ Địa*, nghĩ đến những đứa con tư sinh của đất Bắc ở cả hai miền lúc ấy, tôi đã mở bài bằng câu trích đề của Anh, tuyên xưng nó là câu văn bất hủ. [Người ta có thể nghĩ tôi quá lời, sử dụng "ngoạ ngôn". Nabokov còn "ngoạ" hơn nhiều khi ông bảo: "Cả sự nghiệp của triều đại Sa Hoàng Đại Đế sánh không bằng nửa văn thơ của Pushkin."]

Khi từ Phú Thọ ra, ghé lại Hànội chờ tàu về Nam, lúc chiều tối đứng trên ga Hàng Cỏ, trông xuống phố Hàng Lọng, phố Trần Hưng Đạo sâu hoắm bóng đêm rét lạnh của một ngày cuối năm, tôi thềm nhắc thành tiếng bên tai "... *Nhìn xuống vực thẳm... dưới ấy..*", câu của anh vắng ngân như là một câu thơ. [Câu văn là một câu gắn liền trong mạch văn, tách ra khỏi mạch không ít thì nhiều cũng bất toàn. Câu thơ tách ra khỏi mạch vẫn tự đầy đủ, tự lập trên cái nền thiếu vắng nó gọi nhắc].

*

Đăng bài Anh, tôi viết lời nhắn mời anh đến chơi tòa soạn. Mai Thảo đến.

Anh đi chiếc xe đạp đằm sơn trắng, đầu còn đội mũ *phốt* kiểu *Hà Thành Công Tử*. Yên xe đạp được nâng lên cao hết cỡ vẫn chưa vừa với tầm chân của anh. Chúng tôi rủ nhau ra quán cà phê đầu hẻm gần đấy, ngồi trên ghế thấp trên lề đường Lê Lai trông sang bờ tường rào của nhà ga Sài Gòn nói chuyện. Hồi ấy anh mới vào Nam, còn ở chung với gia đình anh Viên trong một căn phố đường Jacques Duclos, thuộc khu Tân Định (đường này song song với đường Trần Quang Khải, trong khoảng từ nhà hát bội đến lối vào Xóm Chùa. Tôi nói bỡn: "Anh ở trùng vào con đường mang tên một tay tổ Cộng Sản Pháp").

Chuyện giữa hai chúng tôi xoay quanh văn chương, thi ca. Anh đọc và nhớ khá nhiều thơ Việt Nam thời hiện đại kể cả loại thơ ít người đọc như thơ Nguyễn Xuân Xanh trong *Xuân Thu Nhã Tập*. Anh rất *chịu* thơ Chế Lan Viên. Nhân đề cập đến thơ ở Hà Nội rồi Sài Gòn lúc ấy, tôi nhắc đến một bài thơ gần đây tình cờ đọc trong một trang Văn Nghệ của một tờ báo mới xuất bản: một bài thơ mới, lạ, chữ chặc, dưới ký tên lạ hoặc chưa từng thấy: Nhị; một bài thơ *lạnh*, tôi rất thích chất *lạnh* của thơ, và cách biểu hiện cảm thức bằng những hình ảnh dở dang, trở đi trở lại dưới những ánh rọi khác nhau, đồng thời với cái tiết điệu biến hoá được nối kết lại bằng những câu trùng; tôi đọc những câu thích nhất, có hơi thơ gần *siêu thực*:

*Lại thấy con đường như lặng
Những đỉnh cây xanh
Và những ngón tay trên phím dương cầm
Đôi guốc mộc trong căn phòng trừu tượng.*

Cúi đầu xuống cúi đầu xuống.

Anh lặng nghe tôi bình phẩm, đọc thơ, rồi nói: Nhị là tôi.
Chúng tôi thân thiết nhau ngay từ buổi gặp gỡ ấy.

*

Cúi Đầu

Cúi đầu xuống cúi đầu xuống
Mà đi vào chiều xanh đỉnh cây
Một đẹp lên khối hai đẹp lên hình
Người cúi đầu đi vào chiều mình
Thảm cỏ non cánh cổng thấp
Lớp đá đường rồi thảm cỏ non
Hướng chiều thăm thăm phố hoang vu
Người tuổi ấy hát chiều sao ấy
Tiếng hát xuôi trong hàng mi liễu buồn
Mắt tròn im lặng.

Tôi chọn tình yêu làm biển trời

Cúi đầu xuống cúi đầu xuống
Mà thương trở lại nhớ nhung về
Hàng hiên xưa, trang sách mở, cánh tay ngọc
Chiếc dây chuyền và sợi len đỏ
Mái tóc dài của người trong vườn
Cột điện đầu tường lá rụng
Rào rào mái dựng mùa thu
Phố đêm chân đi về mãi mãi
Điều thuốc lá, chiếc khăn quàng, vành mũ lệch
Đổ xuống bờ vai bóng tối núi rừng
Mưa phùn ngô nhớ nghiêng lưng
Lối đi là lối dương cầm
Đôi guốc mộc căn phòng trừu tượng

Tôi chọn tình yêu làm biển trời

Cúi đầu xuống cúi đầu xuống
Mà dựng tình yêu thành thế giới
Cây những chùm sao lên nền trời

Hát nghìn năm biển đầy vịnh viễn
Lại thấy con đường im lặng
Những đỉnh cây xanh
Và những ngón tay trên phím dương cầm
Đôi guốc mộc căn phòng trừu tượng

Cúi đầu xuống cúi đầu xuống
NHỊ

*

Trong nhiều năm anh viết văn, bằng lòng làm nhà văn, không làm thơ. Trên Sáng Tạo chỉ một lần anh đăng hai bài thơ ngắn – *Nghe Đất, Ý Thức* – cũng ký tên Nhị. Cả ba bài thơ của thời trẻ này được giữ lại trong tập *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền* gồm những bài thơ anh làm sau ngày anh bắt buộc phải lìa bỏ Sài Gòn. Chẳng rõ anh Khánh có tìm thấy những trang thảo để lại trên bàn viết của Anh bài thơ nào sót không? Câu thơ trích làm nhan cho bài viết này lấy từ một bài thơ anh gửi tôi khi tôi còn ở nhà sau chuyến đi Bắc.

Ở *Người Việt rời Sáng Tạo*, anh viết truyện ngắn, tùy bút, lý luận... Những bài tùy bút như *Phương Sao, Tiếng Còi Trên Sông Hồng* đánh dấu một bước mới mẻ của câu văn Việt. Tuy nhiên, đối với tôi, anh lúc nào cũng là một thi sĩ cho dù anh không làm thơ.

Đầu năm 78, ở Lao Kay lần đầu tiên nhận được thơ nhà, biết tin anh đi xa. (Vợ tôi viết: "Bố nuôi của Thái về quê ngoại sống, không ở Sài Gòn nữa") tôi như người chợt tỉnh sau giấc hôn thuy. *Bài Nhớ Thi Sĩ* viết vào lúc ấy đề tặng một thi sĩ đã mất và gửi Anh, một thi sĩ lưu lạc khi chúng tôi nghĩ chắc không còn ngày gặp lại. Trong những lời thơ vắng trong tôi bấy giờ có cả lời thơ của anh.

*

Như mọi thi sĩ của một thời điều đứng, anh chạy trốn thơ cho đến lúc không thể trốn được nữa, bởi anh đã rõ:

Cõi không là thơ, Không còn gì hết là Thơ. Nơi không còn gì nữa hết là Thơ. Một xóa bỏ tận cùng. Từ sự xóa bỏ chính nó. Tôi xóa bỏ xong tôi. Không còn gì nữa hết. Tôi thơ.

Và như thế...?

06.10.2003

Nói thêm về Thanh Tâm Tuyền Phan Lạc Phúc

(TTT, nhà thơ, nhà văn chủ lực của Sáng Tạo và cũng là nhà giáo, người tù cải tạo Dzur văn Tâm). Loạt bài này được đăng tải ở Úc, Mỹ, Canada và may mắn cho người viết có một số "phản ứng" vọng về. Do vậy nên kẻ viết bài này xin được "nói thêm về TTT" để hi vọng giải tỏa được phần nào những nghi vấn còn đọng lại. Như đã thưa trước, tôi chỉ là người bạn "đời thường" của Dzur văn Tâm, nên biết đến đâu, xin thưa đến đó mà thôi.

Một người bạn "lính" và cũng là bạn tù tù bên Mỹ phone sang hỏi rằng "tôi đi HO 1 cùng với gia đình TTT năm 1990 tới Louisiana mà sao bạn lại nói TTT định cư ở Minnesota". Chất vấn của bạn đúng nhưng thưa bạn chỉ đứng ở giai đoạn đầu. Bà TTT có người anh làm phi công lập nghiệp ở Louisiana. Ông anh này bảo lãnh cho gia đình bà em nên khi đi HO 1 cả gia đình TTT tới Louisiana như ông bạn nói. Nhưng một thời gian sau, những người bạn của TTT ở Minnesota như Cung Tiến, Nguyễn Cao Đàm mới thuyết phục TTT từ Louisiana sang Minnesota. Cung Tiến lúc đó, ngoài tính cách một nhà soạn nhạc, anh còn là nhà nghiên cứu và phân tích trong viện bảo toàn kinh tế Minnesota (Minnesota Department of Economics

Security). Cung Tiến cũng còn là một thành viên tích cực trong Hội Nhân quyền Quốc tế (International Federation of Human Rights) và là một nhà hoạt động không mệt mỏi của cộng đồng người Việt Tự Do bắt đầu đông đảo ở St Paul. Còn người bạn cũ Nguyễn Cao Đàm ở Tổng cục CTCT và trường Cao đẳng Quốc phòng lúc bấy giờ cũng đang làm cho chính quyền tiểu bang vì ngày xưa anh học PH.D ở đây. Vì những người bạn này nên khi định cư ở Mỹ, nhiều anh em văn nghệ đã dừng chân ở Minnesota như Vũ Khắc Khoan, Võ Phiến, sau này như Cung Trầm Tưởng, Tô Thùy Yên. Đây là "đất lành" vì ngoài những anh em văn nghệ TTT còn có những người bạn thân từ thời đi học ở đây như các anh Nguyễn Văn Vỹ (dạy học), anh Nguyễn Ngọc Diễm (bộ Ngoại giao). Gia đình TTT từ Louisiana chuyển sang Minnesota có lẽ vì nơi này nhiều bạn bè hơn, đông vui hơn, dễ sống hơn.

Tôi không có những kỷ niệm về "đi dạy" với TTT nhưng các bạn trong nghề này như Nguyễn Sĩ Tế, Doãn Quốc Sĩ, Vũ Khắc Khoan... đều nhận định rằng "tuy mang danh là 'người nổi loạn' ('l'homme révolté) nhưng bài giảng quốc văn của TTT trong lớp lúc nào cũng đúng chương trình, nhiệt thành và mới lạ. Tôi mới được đọc một đoạn hồi ức của nhà văn miền châu thổ sông Đồng Nai Võ Kỳ Điền (VKĐ) viết về "TTT tỉnh Bình Dương và những ngày dạy học". Tôi cũng không ngờ VKĐ lại là học trò cũ của TTT vì hai người tuổi tác không xa nhau bao nhiêu. Nhưng tôi chợt nhớ ra TTT đậu tú tài rất sớm (16 tuổi rưỡi) và cũng "thân lập thân" khi vừa mới lớn lên. VKĐ đã viết về ông thầy học cũ với những lời lẽ chân thành, xúc động. "TTT đã viết những dòng chữ lạ thường giữa một thời đại cũng hết sức lạ thường của dân tộc VN... Nhưng đối với riêng tôi, mãi mãi, TTT là một thầy giáo phẩm hạnh được học trò thương yêu và kính mến. Thầy cực kỳ thông minh, nhiều tài năng, kiến thức sâu rộng... Tác phẩm của TTT càng bị đả kích, càng sáng chói. Nhờ thầy Tuyên mà tôi biết mê cái thế giới văn chương với những nhận xét độc đáo, kỳ lạ... Những lúc thầy giảng bài, cả lớp ở dưới trông lên, không nháy mắt... tôi nhìn bằng cả một cõi lòng say mê, kính phục... Mà đâu phải chỉ có mình tôi thấy như vậy. Hình như các chị ở trong trường ai cũng đều ái mộ thầy hết... Tôi ước ao mai sau vừa được làm thầy giáo, vừa viết văn, làm thơ'.

Ở cuối bài, VKĐ có ghi lại một nhận xét thế này "Nhà văn Kiệt Tấn cho biết TTT cưới vợ là người đẹp Bình Dương ở miệt Búng. Tôi chưa từng nghe ai nói về việc này. Tôi hoàn toàn không biết gì về cô. Nếu cô thật là người Búng thì thi sĩ TTT và đất Bình Dương quả thật có duyên nợ, ân tình".

Thưa ông Kiệt Tấn, người bạn cũ năm ngoái từ Paris sang đây chơi, chúng ta không có dịp nào nhắc đến TTT; không biết ông dựa vào nguồn tin nào mà ông nói bà TTT là người ở Búng. Theo chỗ tôi được biết, ông thân với Cung Tiến, gần với Nguyễn Sa mà khá xa với TTT. Bà TTT, không phải "người đẹp Bình Dương" mà là "tiểu thư Hậu Giang" lên Sài Gòn học, tôi không còn nhớ tại trường Nguyễn Bá Tông hay Trường Sơn. Nhưng đã là học trò ông TTT thì theo như ông VKĐ vừa kể ở trên, từ sự cảm phục chuyển sang sự say mê là một chuyện rất gần. Và chẳng bà TTT luôn luôn có một sự trân trọng đối với nghề dạy học. Tôi còn nghe kể bà chọn trường cho cậu con trai lớn Dzur Minh Trí khi Trí vừa học xong trung học lúc TTT chưa được tha về. "Bây giờ con học cái gì hở mẹ?" - "Ngày xưa ông nội con làm nghề dạy học, bố con cũng thế thì bây giờ con vào trường Cao đẳng Sư phạm đi" (Sở dĩ phải vào Cao đẳng mà không vào Đại học vì "con ngụ" lý lịch kém không được vô Đại học).

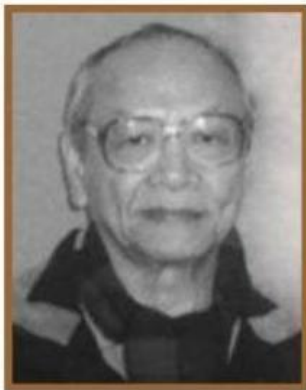
Cậu con đầu này cũng ngang tàng, gai gạnh không kém. Cậu học chuyên văn, các giảng sư thường từ Hà Nội chuyển vào. Cao trào khi ấy là hạ nhục miền Nam trên mọi phương diện: xã hội chó sói, kinh tế ăn mày, văn hóa nô dịch. Các văn nghệ sĩ bị cầm tù hay đày đọa triền miên. Thân sinh ra Dzur Minh Trí là một trong những cái tên bị thóa mạ nặng nề. Cậu sinh viên "con ngụ" nghiện răng chờ đợi. Mãn khóa (2 năm) Dzur Minh Trí nhận một nhiệm sở đầu sóng ngọn gió Cần Giờ. Một bữa cậu về trường đứng đợi. Giảng sư "chửi bố" cậu vừa ra, cậu đâm xe vào

honda của người ấy. Trong cơn cãi vã, Trí "đục sặc máu mũi" nhà giảng sư kia rồi chuồn thẳng. Tình hình như vậy, Trí không thể nào ở lại được nữa, phải vượt biên ngay. Nhưng chuyến vượt biên vội vàng ấy, như trong bài trước đã nói, không xong. Ngày 29 Tết năm 1987, TTT lên Trung Chánh hỏi thăm thì nhận được tin "chuyến tàu vừa bị CA bắt".

Tôi đã vô cùng lo lắng cho gia đình bạn nhưng nhờ Trời "cùng tác biến, biến tác thông". Thời "mở cửa" cứ có "cây", có "chỉ" là muôn sự đâu vào đấy hết. Minh Trí lại được về, mưu tìm một chuyến đi khác nữa.

Nhưng bây giờ có một chuyện không biết giải quyết cách nào? Tôi gần đây mới hỏi Dzur Văn Chắt (em ruột TTT) là cụ bà (thân mẫu TTT và Chắt) đã biết tin về TTT chưa? Chắt trả lời: "Em và các cháu chưa dám cho cụ biết. Cụ đã trên 90 rồi, yếu lắm. Không biết em phải làm thế nào đây?".

Năm 1965 vì thời cuộc Hội đồng Tướng lãnh nhận nhiệm vụ trước quốc dân. Ủy ban Hành pháp Trung ương được ủy nhiệm lập chính phủ. Theo cơ chế mới, chính phủ quân nhân cần phải có một cơ quan ngôn luận để nói lên "tiếng nói" của mình. Vì có đi học khóa báo chí ở Mỹ nên tôi được đề cử phụ trách biên tập tờ TIỀN TUYẾN (TT), nhật báo chính thức của quân đội.



Nhà Văn Phan Lạc Phúc

Nhà Văn Phan Lạc Phúc

Tôi dời TTHL/ CTTL ra nhận nhiệm vụ mới. Chủ nhiệm đầu tiên của TT là thiếu tá Lê Đình Thạch bút hiệu Thạch Lê. Năm sau, chủ nhiệm là trung tá Phạm Xuân Ninh tức nhà thơ Hà Thượng Nhân, chúng tôi thường gọi đùa là "Hà chường môn". Thời kỳ này, TT từ 4 trang lên 8 trang, tòa soạn chúng tôi được tăng cường. Trung úy Dzur Văn Tâm gia nhập TT; công việc hằng ngày của anh là dịch tin AFP (tiếng Pháp) và sau đó cùng tôi bàn bạc làm tin "vedette" trong

ngày. Tuy TTT là thi sĩ "mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây" nhưng anh có khá nhiều "étincelle" (sự phát sáng) về thời cuộc. Nó giúp cho tin chính 8 cột thêm phần hấp dẫn.

Hằng tuần TTT phụ trách trang kinh tế - chính trị (KT-CT) và tham gia trang văn nghệ (VN). Trang KT-CT của TT ngày ấy tương đối khởi sắc vì có khá nhiều bạn cũ của TTT ở trường Luật tham gia như Phạm Văn Thuyết, Nguyễn Văn Phong. Có nhiều bài của nhân viên cơ hữu trong tòa soạn nói về "đồng đô la xanh, đồng đô la đỏ", về "sự thử nghiệm vũ khí mới của Mỹ trên chiến trường Đông Dương xét về phương diện kinh tế" v.v... rất được bạn đọc theo dõi. Trên trang VN có nhiều bài phê bình, nhận định giá trị do TTT và bạn hữu viết. Kiến văn và sự làm việc tích cực của TTT đã làm cho tòa soạn "sáng lên" khá nhiều.

Ngày ấy ngoài việc phụ trách biên tập cho tờ báo, tôi còn có bổn phận viết TẠP GHI (TG) hằng ngày. Khi làm trang nhất xong, trong tiếng rì rầm của máy in tôi ngồi kiểm bài trang trong và viết TG. Trong khi đó TTT ngồi viết feuilleton cho chuyện dài đăng từng kỳ trên báo (tôi không còn nhớ rõ đó là Cát lầy hay Dọc đường). Có tác giả viết sẵn từ ở nhà, có tác giả đến tòa soạn mới viết. Thảo Trường, Lam Giang đến là đưa bài ngay. Mai Thảo, Nguyễn đình Toàn đến tòa soạn mới viết. TTT là người viết kỹ nhất, chậm nhất, bản nháp của anh dập xóa, sửa chữa nhiều lần. Anh không chỉ là một văn nghệ sĩ, anh là một nhà trí thức khó khăn với bản thân mình trước

hết.

Trong "nghề" viết TG, tôi rất cần thông tin. Một giảng viên ở khóa học bên Mỹ nói về việc viết column "Information, information, information". Tôi nhiều khi bí rì. Ở tòa soạn, tôi có 3 nguồn tiếp tế. Nếu cần hỏi về Đông Phương hay Sử, Địa có "ông đồ bần chữ như châu chát" Lam Giang; cần hỏi về triết sử hay văn học Tây phương có bạn TTT người đọc sách chuyên sâu và kỹ lưỡng; cần hỏi về thơ, văn tiền chiến có Hà "chường môn" hiểu rộng, biết nhiều. Đúng là trường hợp "học thầy không tày học bạn".

Có thể nói từ ngày TTT vô quân đội (1961 hay 1962), trừ một thời gian ngắn giải ngũ và sau này có gần hai năm anh làm việc trên trường Võ bị Quốc gia Đà Lạt, lúc nào tôi cũng làm việc gần gũi TTT. Đặc biệt thời kỳ Tết Mậu Thân (1968), anh bị động viên trở lại và hội nhập với anh em TT chúng tôi. Ngày ấy "nhà banh" là "trăm phần trăm" ở trong trại 24/24. Chúng tôi là "kỳ giả" nhưng cũng phải cảm sung, tối đến đi phục kích, kiểm soát hay canh gác. Trong bài thơ Đường luật TTT có nhĩa ý tặng tôi sau này (dưới bút hiệu Trần Kha) có 2 câu kết "Mong ngày gặp gỡ năm chung chiếu, Đẩu lão qua đêm như đạo nào" là nói đến thời kỳ này.

TTT và tôi thường đem chăn, chiếu tối tối sang đài QĐ ngủ nhờ vì nơi ấy được bảo vệ chống pháo kích kỹ nhất khiến cho đài QĐ không bao giờ "mất tiếng". Chúng tôi kể cho nhau nghe nhiều chuyện. Tôi kể bạn nghe cậu học trò nhà quê là tôi ra tỉnh ngẩn ngơ như thế nào, các ông thầy học của tôi ra sao? Bạn kể tôi nghe thời niên thiếu của bạn, ông thân của bạn làm nghề dạy học kiêm viết báo La Volonté Indochinoise. Nhưng ông thân của bạn mất sớm năm ông 29 tuổi trong một tai nạn trên hồ Trúc Bạch khi bạn ta mới 5 tuổi, người em ruột của bạn Dzur văn Chát mới 2 tuổi rưỡi. Bà thân của bạn còn trẻ 24 tuổi. Bạn không kể tiếp nhưng tôi được biết rằng TTT là một người "thân lập thân" rất sớm. "Anh có thể tưởng tượng được không, năm tôi 13 tuổi, tôi đã bị bắt nhốt vào khám Catinat như một người tù chính trị. Tôi ở với bà cô làm nghề đan áo len thuê. Tôi có bốn phận đi giao áo, nhận len và tiền. Một hôm tới giao hàng tôi bị 'mã tà' bắt giữ vì nhà ấy bị nghi là trạm giao liên của CS. Tôi ăn cơm tù, bị giam rất sớm. Nhưng chừng 10 hôm sau tôi được thả ra, quay trở về Hà Nội".

Tôi, kể viết bài này, có may mắn quen biết cả người em, ông dự thẩm Dzur văn Chát (DVC) của quân đoàn 3. DVC cho hay là TTT về Hà Nội học Văn Lang, thầy Ngô Duy Cầu (vị giáo sư uống thuốc độc tự tử ít ngày sau khi Cộng sản vào Sài Gòn). Năm 1951 đi thi tú tài 1, TTT phải xin miễn tuổi vì lúc đó mới 15 tuổi rưỡi. Năm sau 1952, TTT xong tú tài toàn phần và bắt đầu đi dạy. Trong 'Bếp Lửa', tác giả kể "tôi" tên Tâm đi dạy tại Bắc Ninh có thể là chuyện thật.

Những khi tôi đến chơi nhà ở sau tòa bố Gia Định, ông em DVC dù rằng chỉ xa nhau có vài tuổi vẫn thưa gửi với ông anh rất lễ phép. Máy ông quân cảnh thường nói rằng ông tòa DVC rất nghiêm. Nhưng tôi thấy ông tòa thường không dám ngồi ngang với ông anh, khễ kéo ghế ngồi né ra sau một chút. Ít khi anh em "mò côi" lại thủ lễ với nhau như thế.

Thời thập niên 50 (thế kỷ trước), nếu tôi nhớ không nhầm, sinh viên đậu tú tài có thể học bất cứ phân khoa nào ưa thích. Không ngần ngại TTT đã ghi tên học Luật, một khoa học nhân văn và đi theo con đường của thân sinh ngày xưa: đi dạy học. Ông không muốn theo học ngành khoa học thực nghiệm trở nên bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ có một tương lai rạng rỡ. TTT đã chọn lựa làm một trí thức có thể nghèo về vật chất nhưng giàu có về phương diện tâm hồn...

Thêm:

Đầu Xuân Đọc Tạp Ghi Của Kỳ Giả Lô Răng

Câu thơ "Nhớ bạn như đang nhớ thuốc Lào", [bạn ở đây là Phan Lạc Phúc, tức ký giả Lô Răng], của Thanh Tâm Tuyền, tuy thoát thai từ ca dao (nhớ ai như nhớ thuốc Lào, đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên), nhưng chỉ những ai đã từng ở tù vi xi, thì mới cảm thấy hết được cái nỗi nhớ, và cùng với nó, là cái nỗi say, và kẻ hèn này cũng đã từng có một kỷ niệm huy hoàng (kinh hoàng, đúng hơn), về nó.

Ở trong tù hút thuốc Lào bằng khẩu ba zô ka, và, tôi không biết trại tù miền bắc ra sao, chứ ở trại tù miền nam, thường là cả lán chỉ có một khẩu, và, bạn biết rồi đấy, cái bi thuốc Lào đầu tiên buổi sáng, khi đang còn mắt nhắm mắt mở (đang còn say ke), nó mới ngon làm sao, say làm sao, và mới nhớ làm sao, những ngày sau này, khi không còn được ở trong trại tù!

Nhà văn gốc Do Thái viết văn bằng tiếng Hung, Imre Kertész, được giải Nobel năm rồi, đã nói đến những giây phút hạnh phúc ngắn ngủi, ở một nơi thỉnh thoảng có mặt trời là Lò Thiêu, tôi cứ thử tưởng tượng, nếu ông đi tù vi xi, chắc chắn phải thêm vào "một chỗ dưới mặt trời" - mượn cái tên phim có cô đào Taylor và chàng Monty Cliff - tức khoảnh khắc hạnh phúc mà điếu thuốc Lào mang lại.

Như trên đã viết, cả phòng chỉ có một khẩu ba zô ka, thành thử trước khi đi ngủ, "trại viên" thường tìm cách giấu khẩu súng, riêng cho mình, để sáng sớm hôm sau, là người đầu tiên nhét bi thuốc, châm que diêm bắn một phát, rồi ngã lăn đùng ra, mặc kệ trời đất xoay vòng vòng... Nhà thơ Thanh Tâm Tuyền cũng đã tả cái thú bắn thuốc Lào này, trong Thơ Ở Đâu Xa:

Thơ thuốc Lào

Ngồi chơi hút điếu thuốc Lào
Tạm quên những lúc gian lao ưu phiền
Điếu thông đóm nổ thuốc êm (1)
Thử coi sẽ thấy đảo điên đất trời
Bạn tù ơi lửa châm rồi
Rít cho ròn rã mê toi cõi lòng
Tựa lưng nhả khói thông dong
Tít say lú lúp cả mong với chờ
Kể chi vợ dại con thơ
Sá gì chuyện cửa chuyện nhà mai sau
Sá gì mấy cuộc bể dâu
Loay hoay chỉ tổ bạc đầu mà thôi
Này đây trà đậm chén mời (2)
Long Giao còn thú tuyệt vời nào hơn (3).

Sáng bữa đó, "bạn tù", "trại viên", tức kẻ hèn này hân hạnh là người đầu tiên nạp đạn. Vừa nhả khẩu súng ra, chưa kịp ngã lăn đùng ra để phê, thì tiếng keng "tập hợp, chào cờ!" rùng rợn đã ré lên!

Thế là "chàng" cứ thế bò lẩn, lê, mắt nhắm tít, để "kìm" cơn say, nhằm hướng sân trại, đâu biết rằng tất cả bạn tù, lẫn quản giáo, đang "chiêm ngưỡng" từng bước "lấn trầm" của "chàng"!

Trong Tuyển Tập Tạp Ghi của Lô Răng, cũng có những dòng "sám hối, giải oan cho một trận thuốc Lào này," của Lô Răng, khi cô con gái khuyên ông, "Đừng hút thuốc Lào nữa bố ơi, con chịu không nổi." (Tuyển Tập Tạp Ghi, trang 66).

Đấy là cô "lịch sự", không nói thêm, "... vì nó "hôi" lắm"!

Nguyễn Quốc Trụ

Chú thích:

(1) Ngược thuốc êm, là thuốc xóc, ép tim, có thể đi đong, ngay khi vừa rời súng. "Nhà dịch thuật" Tú "Lé", dịch BỐ Già, đã đi luôn, sau bị thuốc tại trại Phú Văn.

(2) Trà đậm còn thua trà quạo, thứ trà bột xanh.
Long Giao, tên một trại tù, nghĩa đen là rỗng "ăn nằm".

Thanh Tâm Tuyền Thụy Khuê

LGT: *"Thụy Khuê là một nhà phê bình văn học Việt Nam sắc sảo ở Pháp"* (Trần Đình Sử, Văn học Việt Nam thế kỷ XX, NXBGD Hà Nội, 2005) Bà đã viết về mục tác giả Bùi Giáng và một số tác giả miền Nam trước 1975 cho "Tự điển văn học" bộ mới. Bài viết về Thanh Tâm Tuyền cũng dành cho bộ Từ điển nói trên. Chúng tôi đăng bài viết này để tưởng nhớ nhà thơ Thanh Tâm Tuyền vừa mới qua đời.

Thanh Tâm Tuyền (1/3/1936-22/3/2006) là nhà thơ, nhà văn Việt, tên thật là Dzur Văn Tâm, sinh tại Vinh, bút hiệu khác: Đỗ Thạch Liên.

1952, 16 tuổi, bắt đầu dạy học tại trường Minh Tân (Hà Đông) và đăng những truyện ngắn đầu tiên trên tuần báo Thanh Niên (Hà Nội). 1954, hoạt động trong Tổng hội Sinh viên Hà Nội cùng với Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sỹ Tế, Doãn Quốc Sỹ, chủ trương nguyệt san Lửa Việt. Vào Sài Gòn, 1955, cùng các bạn làm tuần báo Dân Chủ mà Thanh Tâm Tuyền và Trần Thanh Hiệp phụ trách phần văn nghệ. Mai Thảo, lúc đó chưa nổi tiếng, gọi đoàn văn *Đêm giữa từ Hà Nội* đến, được đăng, được mời đến toà soạn. Từ đấy, "nhóm" có thêm Mai Thảo, chủ trương tuần báo Người Việt, tiền thân của tờ Sáng Tạo, sinh hoạt mở rộng thêm với Lữ Hồ, Ngọc Dũng, Duy Thanh, Quách Thoại. Từ 1956 đến 1960 cả nhóm làm nguyệt san Sáng Tạo với Mai Thảo, chủ bút. Thanh Tâm Tuyền cho in những tác phẩm đầu tay *Tôi không còn cô độc* (1956) rồi *Bếp lửa* (1957). 1962 nhập ngũ, 1966 giải ngũ, 1969 tái ngũ và ở trong quân đội đến 1975. Tháng tư năm 1990 sang tới Hoa Kỳ, sống ở tiểu bang Minnesota.

Tác phẩm đã in:

Tiểu thuyết: Bếp lửa (Nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng, Sài Gòn, 1957), Cát Lầy (NXB Giao Điểm, 1967), Mù khơi (1970), Tiếng động (1970), Một chủ nhật khác (Văn, 1975).

Truyện ngắn: Khuôn mặt (Sáng Tạo, 1964), Dọc đường (Tân Văn, 1966).

Thơ: *Tôi không còn cô độc* (Người Việt, 1956), *Liên đêm mặt trời nhìn thấy* (Sáng Tạo, 1964), *Thơ ở đâu xa* (Trần Phục Khắc xuất bản, California, 1990).

Kịch: Ba chị em (1967).

Phiếm luận: Tạp ghi (1970).

Trẻ nhất trong nhóm Sáng Tạo, ở tuổi 20, Thanh Tâm Tuyền đã xây dựng một tư chất văn học độc đáo với hai tác phẩm *Tôi không còn cô độc* (Thơ) và *Bếp lửa* (văn).

Trước hết, về văn, truyện vừa *Bếp lửa* cho thấy quan niệm mới về tiểu thuyết của tác giả, rất hiện sinh, rất Sartre: *Tiểu thuyết không nhằm giải quyết bất cứ một vấn đề gì mà qua đó nhà văn đòi hỏi việc đặt lại một số vấn đề*. Tác giả cũng không đi vào tâm lý nhân vật theo lối kể lể hoặc giải thích, mà ông chỉ quan sát, ghi lại tiếng nói và hành động của mỗi nhân vật với một lượng chữ cực tiểu, để cho chính những tiếng nói, những hành động hay những bất động ấy

tạo nên “bản sắc” nhân vật, toát ra những thao thức, dày vò, khắc khoải của một cuộc sống chưa định hình. Khung cảnh *Bếp lửa* là không khí Hà Nội - Bắc Ninh giữa 45 và 54. Tâm, vai chính, và một số bạn thân, hoang mang trước những lựa chọn vào đời: nghề nghiệp, chính trị, tư tưởng... Nhưng tất cả đều chịu nỗi ám ảnh của cô đơn, không định hướng, xa lạ với cuộc sống, không ai có lựa chọn dứt khoát, phía nào. Một sự *đứt đoạn* giữa nhân vật và thế giới chung quanh. Những người bạn rất thân, những người tình, những người trong gia đình của Tâm và Tâm muốn tìm đến nhau, tìm đến một “*bếp lửa*”, nhưng họ đều cảm thấy có một khoảng cách, một vết đứt không thể giải thích, không thể cứu vãn được, có thể đó là nỗi ám ảnh cô độc sâu xa nhất của con người trong *Bếp lửa*.

Những truyện đến sau, tập truyện ngắn *Độc đường* và tiểu thuyết *Cát lầy*, hai tác phẩm nổi trội của ông, Thanh Tâm Tuyền càng đi sâu vào những bí ẩn siêu hình, tìm cách truy lùng nhận thức, mô tả hiện tượng đến cùng, đào sâu cái thế giới đen tối, đố nát của những khắc khoải nội tâm. Ông đặt nhiều ống kính ở những vị trí khác nhau, để chiếu vào hiện tượng, những hiện tượng tâm thần đầy bí ẩn, dấu những ẩn ức dồn nén thẳm kín nhất của con người. Độc giả có thể tiếp nhận những nhân vật của Thanh Tâm Tuyền như những ám ảnh rất riêng tư toát ra từ tiềm thức, từ ký ức sống khốc liệt của tác giả. Văn phong độc đáo, cách tạo hình hội tụ thơ tự do, hội họa lập thể, siêu thực và nhạc Jazz, gây cho người đọc những vật vờ, những căng thẳng khó chịu lạ lùng.

Tư (trong tập *Độc đường*) là sự nhập đồng của ý thức Thanh Tâm Tuyền về nỗi cô đơn, nỗi chết, sự khốn nạn, lạc loài của những cuộc đời làm điếm. Lão Chà gác đàn (truyện *Người gác công* trong *Độc đường*) mang những ẩn ức dục tình của một đời nhược tiêu, kiếp “chà và”, hèn mọn cô độc, khốn cùng, không ai thương xót, như “Một con chó thiếu”; lão cố chống lại định mệnh nhưng vấp phải cõi chết, một cái chết tức tưởi, phi lý, u tối không kém cuộc đời lão đã sống. Truyện ngắn *Độc đường* trình bày bối cảnh một người đàn ông lái xe đò đi thăm em ở một đồn điền cao su, nhưng anh ta xuống nhằm trạm, hay đi nhằm xe, đến một nơi hẻo lánh, có dăm ba hàng quán, cạnh quốc lộ xuyên rừng cao su ở một vùng xôi đậu. Có thể sắp có một trận đánh. Trời tối hắt hờ cửa một quán ăn, muốn ăn tối, ngủ trọ. Mụ chủ từ chối, Hấn đi lần qua những nhà khác nài nỉ. Không ai mở cửa. Hấn đứng im bên một lu nước, nhìn hoả châu bắt đầu sáng. Tất cả chỉ có vậy. “Không ai chứa người lạ trong nhà”. Bi kịch của kẻ xa lạ dội trong lòng người đọc như tiếng gào thét vô vọng về sự lãnh đạm, ích kỷ của con người. Về nỗi sợ. Về chiến tranh. Về bất trắc. Về tai họa. Về mệnh ai cứu lấy mình. Không thể tương trợ. Không thể có tình người, chỉ có *Nỗi sợ và nỗi chết*.

Tiểu thuyết *Cát lầy*, tác phẩm chủ yếu của Thanh Tâm Tuyền, một cuốn truyện có nhiều chuyện, một nhân vật ẩn nhiều nhân vật khác. Trí, vai chính, là một nhân vật đầy bí ẩn, có thể mắc bệnh tâm thần nhưng lại mang một ý thức rất sáng suốt chống lại “sự điên”. Ở đây, những yếu tố bệnh não, mặc cảm, ẩn ức, dục tình, loạn luân, gia truyền, chiến tranh, chống Pháp, chia cắt đất nước... đều có mặt và đều được pha trộn trong một bi kịch gia đình rất Freud, rất Dostoevski) cực kỳ đớng đau và tàn khốc. Người đọc, mỗi lần đọc lại *Cát lầy* sẽ còn khám phá ra nhiều cái mới, và lại ngạc nhiên trước một tác phẩm bí mật viết về những thác loạn của con người. *Con người cô độc*.

Thanh Tâm Tuyền là cha đẻ của thơ tự do tại Việt . Tập *Tôi không còn cô độc*, xuất hiện tháng 10-1956, cùng với tạp chí *Sáng Tạo*, gây những dư luận cực kỳ tương phản. Cùng thời với ông, Quách Thoại, Đoàn Thêm, Nguyễn sỹ Tế, Trần Thanh Hiệp... cũng làm thơ tự do, nhưng Thanh Tâm Tuyền là chủ soái, có đường lối, có lý luận.

Bài tiểu luận *Nỗi buồn trong thơ hôm nay* (1956) là bản tuyên ngôn về thơ tự do của Thanh Tâm Tuyền. Dựa vào phương pháp luận của Nietzsche (trong *Nguồn gốc bi kịch*) phân biệt hai

quan niệm nghệ thuật: nghệ thuật Apollon (thần của ánh sáng và mực thước, yêu cái đẹp hoàn chỉnh, toàn bộ) và nghệ thuật Dionysos (thần của sức sống say sưa, phá vỡ các hình thức sẵn có) Thanh Tâm Tuyền lựa chọn sự “căng thẳng phá vỡ hết mọi hình dáng để sự vật hiện ra với cái thực chất hỗn loạn không che đậy” (Nỗi buồn trong thơ hôm nay), và đó là đường đi của thơ tự do. Thơ Thanh Tâm Tuyền, trong hai tập *Tôi không còn cô độc* và *Liên Đêm mặt trời tìm thấy* (1964) biểu hiện những đặc điểm:

1. Tìm đến tận cùng của nhận thức,
2. Phá vỡ cấu trúc hoàn chỉnh vần, điệu, bố cục trong thơ cũ,
3. Dùng biện pháp siêu thực để tạo hình, coi tiềm thức là nguồn sáng tạo,
4. Tạo nhạc thầm trong nội tâm và âm thanh của chữ.

Xin nhắc lại: Biện pháp siêu thực của Breton chủ trương:

1. Về mặt nội dung tư tưởng: Con người tự phá vỡ hàng rào “kiểm soát” của lý trí để đưa ra những hình ảnh “cấm kỵ” sâu sắc trong tiềm thức,
2. Về mặt hình thức: Đặt những hình ảnh hoàn toàn khác nhau, nằm cạnh nhau, gây sốc, trái ngược với thơ cũ, theo nguyên lý song song, đặt những yếu tố giống nhau cạnh nhau, qua những biện pháp tu từ như: so sánh, liên tưởng, ẩn dụ, hoán dụ, v.v...

Ví dụ: Trong câu thơ: *Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông!* Bích Khê đem những yếu tố: (lá), vàng, mùa thu, để nói về nỗi buồn, đó là những yếu tố tương đương, song song, đồng chiều... Ngược lại, khi Thanh Tâm Tuyền viết “Đêm giao thừa thế kỷ mưa sao rơi” hay “Bàn tay mây mắt trắng môi nhiệt đới”, “Lệ đá xanh”, v.v... ông đã đặt những yếu tố hoàn toàn khác nhau như đêm giao thừa và thế kỷ, bàn tay và mây. mắt và trắng, môi và nhiệt đới, lệ và đá, v.v... cạnh nhau. Nếu nói đến nỗi buồn thì nỗi buồn trong thơ Bích Khê man mác, mênh mông, trải rộng trong không gian một cách tuyệt vời; nhưng nỗi buồn trong thơ hôm nay của Thanh Tâm Tuyền “lệ là những viên đá xanh tím rữ rượi” khóc liệt hơn: lệ hoá đá, đá có tim, và tim của đá cũng phải rữ rượi... Ở đây không chỉ có buồn mà còn cô đơn, héo úa, chết chóc. Thơ Thanh Tâm Tuyền mở đường cho ca từ Trịnh Công Sơn. Từ ảnh hưởng hiện sinh, Thanh Tâm Tuyền tìm đến xương tuỷ của nhận thức, đưa ra những hình ảnh cực thực, đốn đau. Về một tiếng kèn của người da đen, ông viết:

*Một người da đen một khúc hát đen
bầu trời đen sâu không cùng
những dòng nước mắt
xé nát thân thể bằng tiếng kèn đồng
bằng giọng của máu của tuỷ của hờn bắt đầu ngày tháng.*

Ở đây âm nhạc và khổ đau nằm trong nội tâm của mỗi chữ, như thể nhà thơ ở dưới da thịt người nghệ sỹ da đen để viết lên những nốt nhạc cực kỳ đốn đau của sự sống đen này. Chất đen vò xé thân thể tràn vào bài hát, pha vào giọng. Thấm vào máu, lẫn với tủy hờn trong thân phận nhục chịu sự phi lý của màu da, không có sự lựa chọn gì khác, ngoài một bầu trời đen bao trùm sự nghèo đói và những ác tâm kì thị của người đồng loại.

Thơ giữa chiến tranh và trại tù Nguyễn Quốc Trụ

"... Cùng một nhóm bạn hữu, khởi xướng phong trào thơ tự do, làm mới văn học nghệ thuật trên tạp chí Sáng Tạo (1958–1961). Là tác giả bị đả kích dữ dội nhất thời bấy giờ, ông chính phục được cảm tình của giới độc giả tiến bộ với tác phẩm *Bếp Lửa* (xuất bản lần đầu tiên năm 1957). Ông dạy tại vài trường Trung học tư thục ở Sài Gòn, Bình Dương, trước khi động viên

Khóa 14 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức (1962)..."

[Trích trang bìa Bếp Lửa, nhà xuất bản Kể Sĩ, do Tô Thùy Yên chủ trương, Sài Gòn].

Muốn làm người học trò mười bảy tuổi

Đạp xe trên đường đồng

(Liên, Đêm, Mặt trời tìm thấy) ...

Trong khi ăn, Kiệt bỗng nhớ đến những ngọn gió bắc cắt da, những hạt mưa nhọn như kim châm, dùm ớt bột khô tê môi, chảy nước mắt, bát nước chè tươi bỏng rát lưỡi. Từ bát bún riêu, chàng nói về mùa màng thời tiết, về bầu trời sông nước, về đồng ruộng trái quả, về phố phường thẳng cánh và vô tình chàng tiết lộ những mảnh vụn của một thời thơ ấu và niên thiếu chẳng hề nói với ai. Oanh mở mắt to chăm chú. Kiệt lại thấy những giọt nước mắt rơi.

(Một chủ nhật khác)

Người đọc đã biết Hà-nội/1954 trong Bếp Lửa, hay trong Ung Thư - Nhưng hãy chấp nhận cái vô thường của cuộc sống, như cục ung thư, sống với nỗi chết âm ảm ở trong lòng bàn tay (Mais accepter vivant la vanité de son existence, comme un cancer, vivre avec cette tièdeur de mort dans la main. Malraux) - trên đây là những chi tiết hiếm hoi, tác giả vô tình tiết lộ về đất bắc, và tuổi thơ của ông.

Một chủ nhật khác là cuốn tiểu thuyết sau cùng của tác giả. Khi nhìn những đoàn quân Cộng Sản tiến vào thành phố, ông nói, như vậy cũng xong... sẽ chẳng bao giờ viết nữa.

Rồi ông trở về đất bắc, như người tù.

Mưa bay lát phát gió căm căm

Đường lầy trơn nhà cửa tối tăm

Trốn đâu lũ trẻ mặt lem luốc

Co ro đứng coi tù qua thôn

Vác bó cuốc nặng bước loạng choạng

Về trong xây xắm buổi tàn đông

Lạnh lẽo nhà ai không đèn lửa

Ấm đạm lòng ta chiều cuối năm

78 (Thơ ở đâu xa)

Về trong xây xắm buổi tàn đông/ Lạnh lẽo nhà ai/ Ấm đạm lòng ta... Trong Thơ giữa chiến tranh và trại tù - một bài trả lời phỏng vấn, in trong tập Mảng Lưu Vong, La Part d'Exil, nhà xb Đại học Provence, 1995 (1) - ông đã nói về Bếp Lửa "miêu tả không khí Hà-nội trước 1954; đi và ở đều là những chọn lựa miễn cưỡng, chia lìa hoặc cái chết. Lập tức có phản ứng của những nhà văn cách mạng. Trong một bài điểm sách trên Văn Nghệ, một nhà phê bình hỏi tôi: "Trong khi nhân dân miền Bắc đất nước ra công xây dựng xã hội chủ nghĩa, nhân vật trong Bếp Lửa đi đâu?". Tôi trả lời: "Anh ta đi đến sự huỷ diệt của lịch sử," mỗi nhà văn là một kẻ sống sót.

Tác phẩm thứ nhì của tôi, Ung Thư (1970) có thể coi như tiếp nối Bếp Lửa. Ung Thư là chấp nhận giữa "vô thường", và chút hơi ảm của nỗi chết (l'existence de notre acceptation entre la vanité et la tièdeur de mort). Cuốn sách chẳng bao giờ được in ra...

Đối diện với hỗn loạn, tình trạng mơ mơ hồ hồ thời gian sau 1975, tôi có cảm tưởng đã sống hết đời tôi, quặng còn lại chỉ là dư thừa, tôi chẳng để ý tới nữa. Áo vụng là hoàn toàn. Năm 1975, chế độ mới đưa tôi đi trại cải tạo, cùng với bạn bè của tôi, "cùng hội, cùng thuyền"; chúng tôi rời đồng bằng lên vùng rừng núi, dựng dựng, bình thản, không tuyệt vọng cũng không hy vọng. Tôi đã nghĩ mình "biến mất", chẳng mong ngày trở lại, như bọt bèo trong cơn lũ lịch sử, tại sao không. Nhưng tôi đã lầm. Người ta đưa tôi lên vùng thượng du phía bắc, cách biệt hẳn thế giới bên ngoài, người ta thả tôi vào thiên nhiên, "tự do" với "chỉ tiêu gỗ mỗi ngày", với cơ hội trốn trại. Nhưng mỗi ngày qua đi, tôi lại tìm ra con đường trở về trại tù. Điều gì đã khiến tôi làm

như vậy? Phải chăng là "chẳng còn hy vọng chi" hay là nỗi "vô vọng của một con người bị bỏ rơi, tuyệt vọng"? Khi đó, tôi thực sự ở trong niềm hy vọng về không sinh tồn (inexistence); trong một vùng không thể lọt qua (impénétrable), trong tình trạng vô-liên (non-relation). Chẳng có chi là rõ ràng đối với tôi. Tuy nhiên, tôi nhủ thầm, tôi đang sống lại, nghĩa là thơ ca đang trở lại, và tôi sung sướng vì điều này. Tôi rụt rè e lệ như khi còn trẻ, với những bài thơ đầu, tôi giấu bạn tù những bài thơ, tôi không dám đưa cho họ đọc. Khi bạn sống dừng dừng, ngày này qua ngày khác, chẳng nghĩ tới tương lai, chẳng nhớ về dĩ vãng, không âu lo hiện tại, bạn còn lại chi? Còn cái điều đã có ở trong bạn; nó có đó, chẳng cần đến sự mong muốn của bạn. Để qua đi những ngày đen tối, những đêm mưa gió, ngày lạnh căm, bão bùng, mùa này, mùa nữa... tôi tìm lạc thú ở cái điều "đã hiện hữu ở trong tôi" đó; tôi mang theo, chỉ có nó; nó luôn luôn ở trong thân thể tôi."

Đó là lần hội ngộ thứ nhì của thi sĩ, với đất Bắc, và với thơ, của ông.

*

Nhiều người cho rằng Thơ ở đâu xa, hay những bài thơ ở giữa chiến tranh và trại tù của ông "thua" Liên, Đêm, Mặt trời tìm thấy: đỉnh cao của thi sĩ, của thơ tự do. Ở đây, xin chỉ đưa ra một kinh nghiệm cá nhân, của người viết, khi đọc thơ ông.

Trước 1975, tạp chí Văn tính làm một số đặc biệt về thi sĩ, ông nói với tôi, đã đề nghị Trần Phong Giao "lấy" bài của tôi, viết về Bếp Lửa, khi cuốn sách được tái bản. Bài đã được in trong Tập san Văn chương. Tôi nói với ông, sẽ viết một bài khác, về "thơ Thanh Tâm Tuyền", cho số báo đó. Thi sĩ ngạc nhiên, nhưng bật cười, "thì viết đi." Ông vẫn nghĩ, tôi không mê thơ, và cũng chẳng biết gì về nó.

Đúng như vậy. Nói rõ hơn, tôi quá mê thơ, cho nên chẳng bao giờ dám bén mảng tới. Tôi vẫn nghĩ, người ta chỉ làm thơ, khi còn trẻ, hoặc khi đã về già. Cũng theo nghĩa đó, Borges đã khuyên, hãy bắt đầu bằng thơ vắn. Ông dẫn Wilde: "Thật may mà có thơ vắn, nếu không chúng ta đều là thiên tài." Khi còn trẻ, ai mà chẳng đã từng, "Hôm qua trong lớp tập làm thơ/Khó quá (cho nên) chẳng biết đường đâu mà mò"! Tôi đã qua cơ hội thứ nhất - làm thơ, làm thi sĩ - sau những vắn thơ đại khái như vậy, cho đến khi "đọc làm" thơ Thanh Tâm Tuyền:

[Trên đỉnh đèo Hải Vân](#)
[Nếu nhớ quê hương](#)
[Muốn chết](#)
[Vũ Đạo Ánh](#)
[Chiến tranh vẫn còn \(đến khi nào\)](#)
[Đồn đóng sườn núi](#)
[Ngó biển không](#)
[Đập cụt cổ chai](#)
[Chim én vẫn bay đầy đàn trên trời chiều Sài Gòn](#)
[Khóc đi Nguyễn](#)
[Mùa này gió biển thổi điên lên lục địa](#)
[Kể lẻ hoài chuyện tình tuyệt vọng](#)
[Với một mình cào lấy tóc mình](#)
(Tên người yêu đầu)

Tôi vẫn thường ngâm nga mấy câu thơ trên, cho tới bữa tình cờ lật lại trang thơ [Liên, Đêm](#):

[Kể lẻ hoài chuyện tình vô vọng](#)
[Với một mình cầu lấy tóc mình](#)

Những người yêu thơ Thanh Tâm Tuyền, yêu chất "bạo động của bạo động", nam tính... của thơ ông, khởi từ những dòng thơ cách mạng trong Tôi không còn cô độc, tới Liên, Đêm... có thể sẽ không thích những dòng thơ "hiền từ" của Thơ ở đâu xa. Tôi vẫn nghĩ ông bắt đầu bằng thơ

tự do, ngược hẳn lời khuyên của Borges, chính vì chất hung bạo "đặc biệt" của thơ ông: Thơ không thể ẻo lả, yếu đuối, bệnh hoạn, không phải là nơi trốn chạy, ẩn náu... Nó là mắt bão: trung tâm của mọi bạo động. Ông chỉ trở lại với thơ vắn, sau trại tù. Với tôi, Thơ ở đâu xa mới là cực điểm của bạo động trong thơ: thiên. Trích tiên bị đầy (vào trại tù), trở về trần.

"Trong tôi còn lại chi? Gia đình, bạn bè. Những bài thơ, chắc chắn rồi. Chúng đã được đọc, được thẩm ghi lại (intériorisés). Đúng một lúc nào đó, ký ức nhanh chóng bật dậy, đọc, cho riêng mình tôi, những bài thơ. Luôn luôn, ở đó, bạn sẽ gặp những tia sáng lạ. Thời gian của điều tàn làm mạnh thơ ca.

Đắm mình trong thời gian "không lịch sử", hay đúng hơn, lịch sử ở bên ngoài, người ta khám phá ra rằng, những ngày, những tháng đều không phương hướng, không mục đích, trần trụi. Tuyệt đối trần trụi. Sự không hiện hữu (inexistence) của cuộc sống đem đến sự bình an ở bên trong. Cõi thơ êm đềm ngự trị ở bên trên sự bình thản của vũ trụ. Từ đó, mỗi bài thơ là một thời gian khép kín, tách ra khỏi chuyển động của cuộc sống. Thời gian bất thần, của nỗi kinh hoàng, trở thành thời gian cô đọng; chẳng có chi khác biệt, giữa kim hãm, và bay bổng.

Và làm thơ trong trại cải tạo, đó cũng là trở về với thơ ca bình dân. Chế độ lao động trong trại, đó là một ngày căng thẳng tám tiếng, không có cuối tuần; mỗi tù nhân có riêng một vũ trụ của anh ta: một cái chiếu, chừng năm, sáu chục tù nhân trên dưới hai lớp, trong tấm "toan" trên trăm tù. Viết là một xa xỉ: chỗ ngồi, thời gian viết. Với nhịp tù hối hả như thế, cái lạnh, cái đói... ai dám nghĩ đến sáng tạo? Ngay cả thiên tài, ngay một sức mạnh siêu nhiên cũng chẳng thể vượt qua, những "trói buộc" này. Tuy nhiên, người Việt nói "làm thơ", không ai nói "viết thơ". Như vậy, người ta có thể làm thơ bất cứ ở đâu, trong bất cứ vị trí nào: đi, đứng, nằm, ngồi, thức... Thơ gặp anh không cần hò hẹn, không định rõ ngày giờ. Người ta không thể kiếm nó, vì biết đâu mà kiếm. Bạn chỉ có một việc: tiếp nhận nó, bàn bạc cùng nó. Nó chỉ yêu cầu bạn: hãy giữ tiếng nói chơn chất của bạn. Tiếng nói này, sau đó, sẽ quyết định cuộc đời của riêng nó. Nó, nàng thơ, luôn luôn kín đáo, đôi khi vào bằng cửa chính, đôi khi bằng con đường nhỏ. Hãy lắng nghe. Nàng thích đeo mặt nạ, ẩn náu dưới tấm khăn che mặt; nếu ký ức của bạn không thức tỉnh, bạn không thể nhận ra nàng. Trong khi lao động "đạt chỉ tiêu cách mạng", nàng tới. Đột nhiên, ngay giữa đồng, giữa rừng... Nàng ra lệnh cho bạn ngừng. Bạn bắt đầu nhìn trời, quên những cử động máy móc. Nàng kéo liền bạn vào cõi trong êm ả. Tình trạng tự động hiện hữu (autoexistence) đem đến nguồn vui. Bởi vì khi nàng thơ rời bạn, khi trở về với cõi đời bạn đã dám rời bỏ; bạn nhận ra cuộc đời này sẽ biến thành nhịp của những câu thơ. Như thế, trong khi làm việc bằng chân tay, tai của bạn đuổi theo những nhịp điệu, âm nhạc của bài thơ. Sự hài hoà này sẽ đem đến điều cần thiết, giữa công việc - vốn hạn định những cử động - và ký ức, đang "ghi nhận, chất chứa".

Nhưng nói một cách cụ thể, khó khăn (làm thơ trong trại cải tạo) vẫn còn. Bởi vì vô phương ghi lại bài thơ; đây là giai đoạn chói của sáng tạo: niềm vui đọc lớn nó lên, và chia sẻ với những người thân cận. Thơ phải được đọc lên, phải được nghe, như đây là định mệnh cuối cùng của nó. Định mệnh của một tiếng nói và cũng là định mệnh của hồi nhớ, của biết bao nhiêu con người.

[Nguyễn Quốc Trụ chuyển ngữ, theo bản tiếng Pháp của Le Huu Khoa, trong La Part d'Exil, gồm những bài của Linda Lê (Les pieds nus); Le Huu Khoa (Vo Phien, la littérature comme un bâton d'un aveugle); Xuan Phuc (L'exil des lettrés, une voile au lointain de la mer); Le Huu Khoa (Kiet Tan, brisure du sens dans l'écriture nue); Pham Duy (Karma imparfait et renaissance infinie); To Thuy Yen (Sans nom. Je reviens comme un fantome humilié); Trinh Cong Son (L'oiseau sacré chante le destin magique); Trinh Van Thao (Posface: Dialogue à peine imaginaire entre écrivains vietnamiens sur la littérature d'exil); nhà xb Đại học Provence 1995.]

Bếp Lửa, Tựa Lần In Thứ Tư (1973)

Malraux có viết: "Người ta không thể nào viết lại một quyển tiểu thuyết."

Tôi không tin như thế. Trong nhiều năm sau khi quyển sách này được xuất bản, dường như tôi

đã hì hục viết một BẾP LỬA khác. Mỗi lần sửa lỗi ấn loát để cho tái bản, tôi đều muốn viết lại nó. Kể cả bây giờ, sau mười bảy năm.

Đây không phải là quyển tiểu thuyết đầu tay của tôi.

Quyển đầu tay tuy được một nhà xuất bản nhận in năm 1955, vào phút chót tôi đổi ý, rút lại sách, quyết định không xuất bản.

Quyển Bếp Lửa rất có thể đã chịu chung số phận của quyển đầu tay, nếu không may mắn gặp ông Nguyễn Đình Vượng [chủ báo Văn, chủ nhà in, nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng].

Được viết một hơi – khoảng đầu hai ba tháng – được in ngay sau khi viết – không có một quãng cách nào để kịp lùi, nhìn lại – quyển Bếp Lửa là quyển duy nhất của tôi chỉ có một lần bản thảo.

Trên trang đầu bản thảo có đề câu của Rimbaud: Je est un autre [Tôi là kẻ khác], nhưng khi đưa in tôi đã xóa bỏ.

Sách in lần đầu ba ngàn cuốn, chẳng rõ bán được bao nhiêu, chỉ biết ít lâu sau sách được mang bán "son". Có hai bài viết về quyển sách: một trên nhật báo Tự Do tại Sài Gòn, một trên tuần báo Văn Nghệ của Hội Nhà Văn miền Bắc ở Hà Nội.

Tiếc là tôi không có thói quen lưu giữ tài liệu để có thể in kèm vào sách khi tái bản.

Đại cương hai bài viết đều là lời chê trách giống nhau: quyển sách bi quan tiêu cực. Bài trên tờ Văn Nghệ ở Hà Nội chỉ là một cột điểm sách ngắn vài mươi giòng nhưng bảy giờ đã mang đến cho tôi hãnh diện và sung sướng. Hãnh diện là thứ có ngày nghỉ lại khiến thẹn thùng. Nhưng sung sướng lúc nào cũng vẫn là sung sướng, dù cùng với thời gian có thể lẫn về bụi ngùi.

Tôi sung sướng nghĩ các bạn tôi ở Hà Nội đọc cột báo ấy, biết được tôi vẫn nhớ họ, đã viết về họ, về những ngày tháng ấy của chúng tôi. Họ có thể tức tối căm giận, nhưng chắc họ cũng cảm động bồi hồi.

Mười bảy năm đã qua.

Kinh nghiệm dạy cho tôi là lời của Malraux đúng. Tôi đã loay hoay quá lâu với một quyển sách. Lần này tôi quyết định đề là ấn bản chung quyết.

Tôi hiểu đã đến lúc nên viết những quyển sách khác.

Tháng 3 – 73

THANH TÂM TUYỀN

Bếp Lửa, Tựa Lần In Thứ Hai (1965).

Cuốn sách mỏng manh, non nớt và chưa thành hình này của một người mới lớn lên. Hấn lớn lên trong một thành phố đã mất, thành phố bị vây hãm như một hòn cù lao nổi chờ ngày tan rã không để lại dấu vết. Hấn đọc Marx tìm thấy giấc mộng "biến cải thế giới", đọc Rimbaud tìm thấy giấc mộng "thay đổi cuộc đời", đọc Dostoievski tìm thấy thái độ "tất cả hay không có gì hết", đọc Gide tìm thấy "đời sống thành khẩn trung thực", đọc Malraux tìm thấy hào quang của trí tuệ đối đầu với Định Mệnh, đọc Sartre tìm thấy "cuộc hiện sinh tự do và chọn lựa". Hấn lớn lên cùng bè bạn, vượt qua mau tuổi trẻ để suy nghĩ và mơ ước hành động. Mỗi đứa một lối lẩn mình theo mỗi cảm dỗ lớn lao của hư vô (1). Hấn lìa bỏ quê hương, chia tay với bè bạn, dấn mình vào lịch sử, đuổi theo giấc phiêu lưu của trí tuệ: sự thật được tạo nên từ niềm hư vô của tuổi trẻ bị tước đoạt.

Bây giờ hấn ba mươi tuổi, hấn vẫn quay tròn như một nổi tự do trống rỗng, không làm được gì hơn, ngoài một lựa chọn – khó khăn và buồn tủi - : trở thành một nhà văn. Lúc hấn viết cuốn sách này hấn chưa phải là một nhà văn, không muốn là một nhà văn. Hấn chưa biết mình muốn gì vì hấn muốn tất cả. Hấn viết với ý nghĩ trong khi mình viết, người khác chết. Ý nghĩ làm tê liệt hứng khởi tạo tác. Nên sau cuốn sách được in tình cờ, không dự tính, hấn nằm im trong sự bất lực hổ thẹn, hấn phá phách tiêu hủy không thể hoàn thành nổi những dự thảo, phóng tưởng kế tiếp. Mỗi ngày mỗi nghiền ngẫm trong bất giác của các tình thế kinh nghiệm, hấn nhận thức hấn chỉ là một nhà văn, không thể lực và hèn mọn như mỗi người – một nhà văn bị chìm ngập trong thời đại và xã hội của mình như giới hạn tự nhiên của cõi sống và cõi chết. Hấn dứt bỏ được

những mê hoặc, ảo ảnh – về vai trò của nhà văn – của thứ tiếng nói toàn năng vang động và làm biến dạng được sự vật một cách cụ thể. Tiếng nói của văn chương chỉ là những lời thầm thì giữa hỗn độn của lịch sử, lời cô đơn không sức mạnh bị lấn áp ở mọi phía. Sự kiêu hãnh của tuổi nhỏ nhường chỗ cho sự bình tĩnh ý thức. Hấn bắt đầu cầm bút thực sự, làm việc giữa những đổ vỡ xáo trộn thách thức. Đối với hấn, cuộc chọn lựa gay go nhất đã xong, hấn biết hấn chỉ còn một tiếng nói để tìm kiếm bè bạn và quê hương.

Người được đề tặng sách này đã chết.

Hấn, tên Vũ Đạo Ánh, chết vào một buổi sáng chủ nhật đầu tháng chín năm 1964, tại một khu rừng tỉnh Bình Dương, một viên đạn xuyên ngang ngực năm mới ngoài ba mươi. Vào buổi chiều cuối tháng tám, hấn còn đứng trước một căn nhà trong hẻm ngoại ô, nhìn qua cửa sổ, đèn trong nhà thấp sáng nhưng mọi người đi vắng, cất tiếng gọi. Như những ngày mùa thu, mùa đông nơi thành phố xa khuất cũng hơi ngửa đầu lên cao liếc màu trời xám mau, hấn gọi đứa bạn của thời niên thiếu nghèo khổ, gọi những mộng phiêu lưu đã bị nghiền nát cùng tuổi trẻ như một Thiên Đường cửa đóng. Hấn lủi thủi trở về như bị bỏ rơi, chạy qua thành phố Saigon buổi tối còn ngơ ngác những âm vang của mấy ngày hỗn loạn. Có lẽ hấn nhớ tới thành phố của tuổi trẻ, như nhớ tới đứa bạn, hấn đã chạy cuồng trong đó trên chiếc xe đạp tồi tàn giữa những ngày tháng rách bươm, mơ ước cái cơ hội kết tập được ngày tháng tan rã thành một đời ý nghĩa. Có lẽ hấn muốn gặp đứa bạn để hỏi: tại sao mày không viết được gì thêm nữa ngoài cuốn sách đề tặng tao?; cuốn sách hấn nhận được vào một ngày cuối năm nào khi còn đóng đồn trên sườn núi ngoài Trung nhớ quê hương đã lia bỏ cùng mẹ và gia đình ở lại, cuốn sách vợ hấn mang liệm theo xác như một kỷ niệm hấn muốn mang đi. Hấn không gặp đứa bạn và tự hỏi: Nó ra sao?, đã lâu không gặp, như ngày nào trong thành phố hoài nghi và khắc khoải, hấn thường tìm bạn và hỏi: Thế nào, chúng mình sẽ đi về đâu?

Hấn gục chết bên một gốc cây, mau lẹ, không đau đớn. Hấn nằm đó, đầu ngoẹo sang bên, gối lên cổ như một người ngủ mệt sau đoạn đường hiểm trở của Định Mệnh – Định Mệnh của một thế hệ, những người còn sống là những kẻ sống sót. Hấn đã đi từ tuổi trẻ bị tước đoạt, tới nằm đó trong khu rừng giữa cuộc chiến phơi mình làm một sự thật thô sơ: ở đây, trong xứ sở khổ nạn này, cuộc chiến phải chấp nhận không phải là lối phiêu lưu trốn chạy ngông cuồng. Cái chết của hấn không phải là một huyền thoại Rimbaud, một huyền thoại Lawrence, tên bạn hấn hiểu được như vậy.

Chúng muốn gì? Người chết cho kẻ khác sống. Chúng muốn gì?

Những nhà phê bình ở Hà Nội đã gọi các nhân vật trong cuốn sách này là bọn tôi mọi nô lệ. Họ hỏi: trong khi họ xây dựng xã hội chủ nghĩa, bọn này đi đâu? Những người ở Hà Nội không khi nào tự đặt câu hỏi với mình, những câu họ thường đặt cho kẻ địch. Bọn chúng đã đi trong thống khổ của lịch sử tới cái chết, cái chết như sự từ chối quyết liệt. Tại sao? Đáng lẽ họ phải tự hỏi: tại sao? Cái chết lựa chọn không phi lý, nó sẽ làm nảy sinh sự thật, sự thật của những người chết truyền lưu cho kẻ sống sót.

Mỗi nhà văn chính là một kẻ sống sót.

Sàigòn, 1965 Thanh Tâm Tuyền (Nguyễn Quốc Trụ sao lục, và giới thiệu)

Chú thích của tác giả:(1)... c'est que l'idéal, jusqu'à présent, a été la véritable force de dénigrement appliquée au monde et à l'homme... la grande tentation du néant.
Nietzsche (La volonté de puissance).

Kinh nghiệm sáng tác trong tù

Ở lại, tôi chấp nhận số phận dành cho kẻ bại. Không chút tiếc rẻ quãng đời cũ, cũng không ảo tưởng về những ngày sắp tới với mình.

Năm 74, trả lời một người bạn đã ra khỏi nước viết thư về hỏi thăm “có sao hạ sơn?”, tôi viết cho anh:

... Ta nhớ rằng ta không nhớ nữa
Như cây trút lá mùa hưu miên.

...

Như thân gỗ nặng thả theo nước
Bập bênh trôi nổi ta về xuôi.
Như lau lách mọc bên bờ bãi,
Phất phơ tóc trắng lả theo trời.

Trước cái hỗn độn mờ mịt mở ra sau 73, tôi kể như mình đã sống hết đời mình, những ngày còn lại thừa dư không đáng bận tâm. Tôi vô vọng hoàn toàn. Bởi thế sau 75, đi cải tạo, tôi lại cùng những kẻ “đồng hội đồng thuyền” từ miền xuôi lên mạn ngược, phần nào thả nhiên rừng rưng – không tuyệt vọng cũng không hy vọng.

Tôi nghĩ trong chuyến đi này tôi sẽ “mất hút” không trở lại như từng ao ước, không như lần “tiền cải tạo” đi rồi về vì thấy “đâu ngọn núi nào của riêng ta?” Lần này đi “tự nhiên” hơn, không kèn kiệu lớn lối, chỉ như “rác rưởi bị cuốn trong giòng lũ của lịch sử”.

Nhưng đã không như tôi tưởng.

*

Khi ra Bắc, đến những vùng rừng núi hẻo lánh cách biệt thế giới bên ngoài, và trong khi còn được thả lang thang “chém tre đẵn gỗ trên ngàn” miễn đạt chỉ tiêu trong ngày, tôi đã “leo núi” rồi “tuột núi” không biết bao lần, và vẫn tìm đường về trại giam.

Cái gì gọi tôi về?

Có phải “L’espoir pour rien” như lời của René Char, “Nous touchons au temps du suprême désespoir et de l’espoir pour rien, au temps indescriptible.” Có phải đến lúc ấy tôi mới quả thật là “vô vọng” như lời Héraclite, “L’homme qui ne s’abandonne pas à l’espoir n’atteindra jamais l’inespéré, qui est impénétrable et inaccessible.” Có đúng là tôi đã tuyệt vọng đến cực điểm, đã đánh đấm mình trong “hy vọng như không” và tới được chốn “bất khả xâm nhập”, “bất khả giao tiếp”?

Thú thật, tôi không rõ.

Chỉ biết tôi thấy mình “phục sinh”, nghĩa là tôi thấy mình làm thơ và “sung sướng” cùng “mắc cỡ” khi làm xong một bài, giống hết lúc trẻ – khi làm được những bài thơ đầu tiên, giấu giếm không dám khoe, kể cả với bạn.

Khi anh sống buông trôi qua ngày, không màng tương tượng lai, không đoái hoài quá khứ, không đếm xỉa hiện tại, thì anh còn gì? Còn. Anh còn những cái anh có, ở trong anh, và cái “ở đây”, ở ngoài anh.

Để đi qua những ngày đêm, nắng mưa, nóng lạnh, gió bão, xuân hạ thu đông... tôi tìm “sinh thú” ở những “cái ở đây” và ở những gì mang theo trong mình.

Trong tôi bây giờ có gì? Gia đình, bè bạn, thơ đã đọc và nhập tâm. Lúc cần bắt tâm trí bận rộn, tôi lục ký ức ôn lại những gì nằm lòng, đọc cho riêng mình lắng nghe. Ôn nhớ thơ yêu thích là một kinh nghiệm mà người làm thơ nên từng trải – nếu chưa. Anh có thể bắt gặp thứ ánh sáng lạ lùng của thời gian tích đọng trong thơ, đúng như ý kiến của Borges: Thời gian hủy hoại cung điện đền đài nhưng lại bồi đắp cho những câu thơ.

*

Đằm mình trong cái thời gian “không lịch sử” – “sử ngoại” đúng hơn – ngày tháng tự nhiên theo cuộc xoay vần không đi đâu chẳng về đâu, trong một đời sống trần trụi đến độ kỳ cùng với một số nhu cầu sơ đẳng của sự sống, tôi nghĩ tôi hiểu được cái nền minh triết (la sagesse) của cổ nhân – với “vô vi” và những cái “vô” khác. Điều mà phương Tây gọi là “vô vọng”, Trung Hoa và Việt Nam coi là “tự tại” – “Thực tại”, không phải “hiện tại”, là cái tự nhiên có, không cần chỗ bấu víu, hay nơi nương tựa, để tồn tại. “Thực tại” đời sống là “tự tại”, đến và đi theo lẽ tự nhiên ngoài “vọng tưởng” của người ta – “hy” hay “tuyệt” cũng thế thôi.

Và tôi bỗng thấm thía cái khí vị đặc biệt của những bài Đường Thi sực nhớ. Bằng một ngôn ngữ đơn giản, từ vựng giới hạn (người ta có thể học chữ Hán qua Đường Thi và chỉ để đọc Đường Thi), mỗi bài thơ là sự hiện hiện của một thời gian khép kín, tách lìa “dòng” thời gian. Phải chăng đó là một vài biểu hiện của thứ “méta-langage” mà thơ Đường đạt được? Buổi sáng mưa bụi, quán rượu bên đường và cuộc chia tay của hai người bạn. Đêm mưa núi trút như thác, chong đèn ngồi bên cửa sổ nghe mưa, nhớ bạn. Thời gian trong bàng hoàng lặng lẽ ngưng tụ từ bao giờ chẳng cần tiếng kêu gọi của người: Oh Temps, suspends ton vol!

(Trong thơ Pháp thời hậu chiến, thỉnh thoảng anh cũng gặp được cái khí vị “lạ lùng như không” ấy, tỷ như hai câu của Yves Bonnefoy:

Elle a pris la lampe et ouvre la porte.

Que faire d' une lampe. Le jour se lève. Il pleut

*

Làm thơ ở trại cải tạo là sự trở về với truyền thống thơ dân gian.

Sống dưới chế độ lao động ngày tám tiếng, kể cả thứ Bảy (thường khi luôn sáng Chủ nhật, lao động XHCN) giang sơn của mỗi người là một khoảnh chiếu rộng 50 – 60 cm trên một mặt sạp (hai tầng) trong một gian lán lúc nhúc hàng trăm nhân mạng, anh không thể viết văn, giả như anh có muốn. Việc viết lách đòi hỏi anh một số điều kiện tối thiểu: một chỗ để ngồi, thì giờ để viết.

Đầu tắt mặt tối ngày này sang ngày khác, có khi “làm ngày không đủ, tranh thủ làm đêm”, được lúc nghỉ ngơi thì bị cái đói ám ảnh hành hạ, thử hỏi anh “bụng dạ” nào tưởng nghĩ đến chuyện “sáng tác”. Ấy là chưa kể những khó khăn trở ngại khác, ở anh và nhất là ở ngoài, dù tài thánh cũng không “khắc phục” nổi.

Làm thơ không đòi hỏi anh thì giờ viết lách (trong tiếng Việt, người ta nói “làm thơ”, không ai nói “viết” thơ). Anh có thể làm thơ bất cứ chỗ nào, lúc nào, bất kỳ trong tư thế nào của cơ thể: đi đứng, nằm, ngồi, thức, ngủ... Thơ đến với anh không hẹn chỗ, không hẹn ngày, không hẹn giờ. Anh không thể tìm nó bởi cũng chẳng biết đâu mà tìm. Công việc của anh giản dị chỉ là chuẩn bị đón tiếp nó, trò chuyện với nó, nó chỉ cần anh là người còn giữ được thuần khiết tiếng nói sinh thành ra anh và là sinh mệnh của nó. Nó đến lặng lẽ, lúc từ cửa trước vào lúc từ lối sau đột nhập, nên anh cần có lỗ tai thật thính. Nó lại thường thích cải trang, giả dạng, nên nếu ký ức của anh “tồi” anh có thể không nhìn ra nó.

Thơ đến bất chợt, ngoài đồng, trên rừng, đang lúc “lao động” khiến anh ngừng tay, mặt trông trời và làm thơ. Thơ gọi anh ra khỏi cái thời gian máy móc điều động anh mỗi ngày, nhắc bóng anh tới chốn “tự tại”, nơi công việc còn là một sinh thú bởi người ta không thể “ở không”. Và khi anh quay về với cái thời gian anh vừa đào thoát, anh thấy nó đã bị hoán cải theo nhịp tiết của những câu thơ anh làm. Có khi tay anh vẫn làm việc hàng ngày và tai anh vẫn theo đuổi lời thơ, nhịp tiết và vần điệu của câu thơ trở thành sự điều hòa cần thiết cho công việc đang làm cũng như cho ký ức lưu trữ.

Sự khiêm khuyết lớn nhất của việc làm thơ trong cải tạo là không thể thực hiện giai đoạn chót trong quá trình hình thành thơ không vần tự: cất lên thành tiếng, chia sẻ với người xung quanh cái lạc thú "thốt được thành lời" của anh. Thơ, nhất là thơ không ghi chép, cần được đọc (đọc thành tiếng) và cần được nghe để hoàn tất sinh mệnh của nó cũng là sinh mệnh của một tiếng nói. Trong ký ức của nhiều người.

*

Khi được thả, trở về nhà, việc làm đầu tiên của tôi là ngồi ghi chép những bài thơ làm trong trại. Tôi là một kẻ may mắn sống sót nhưng đã không còn muốn làm nhà văn nữa như từng tự nhủ trước kia.

Trong quyển sổ tay mang thoát từ trại cải tạo về, có một câu tự nhủ khác: Viết như thể không có gì xảy ra. Không có gì đáng kể.

Nay thì tôi hỏi mình: Chừng nào tôi đạt nổi điều ấy? Để viết.

St. Paul 21-2-93

Kỷ niệm 5 năm ngày mất của Bùi Giáng (07.10.1998 - 07.10.2003)

Bùi Giáng, hồn thơ bị vây khốn

Đối với đa số, Bùi Giáng là một nhà thơ điên. Không nhắc đến bọn tục, bọn tỉnh, bọn khôn suốt cả đời chẳng một giây nào thêm "thơ" đến tuyệt vọng, nói ngay những người quý ông - nhìn được ông như một thiên tài, thiên tài tự huỷ ghê gớm nhất của thi ca Việt nam hiện đại - nhiều khi cũng né tránh, chẳng dám bước hẳn vào cõi thơ ông, hoặc có bước vào thì cũng theo cái lối "chân trong chân ngoài", "mắt trước mắt sau", cười cợt vui đùa hay nghiêm trọng lơ bịch, tưởng như thế là làm thuận ý, vui lòng nhà thơ - người bày trận nghiêm trọng và ta nên chiều người.

Chính thái độ của những kẻ yêu ông, những kẻ ghét ông chẳng đáng nói, càng khiến ông phát "bẩn", càng khiến ông phát "điên" (điên tiết), càng khiến nhà thơ thêm lạc lõng, "một mình một cõi", càng đẩy ông tới chốn hoang vu bờ bãi, chơi với mọi với beo, với gấu, với châu chấu, chuồn chuồn.

Không. Bùi Giáng không điên. Ông là một nhà thơ sáng suốt, cực kỳ. Ông là một nhà thơ "ngộ". Đừng hiểu chữ "ngộ" trong cái nghĩa đơn giản của đạo giáo, Bùi Giáng sẽ nhận mặt nỗi quạu, ông có thể sẽ tông cửa chạy tuốt xuống Biên Hoà ngay lập tức. Hãy để cho tiếng ấy "phiêu bồng" từ Nam chí Bắc qua mọi nghĩa có thể có: (ngộ đại, giả ngộ, ngộ quá ta, ngộ ngộ, ngộ không, ngộ nhận, ngộ độc...)

Từ buổi đầu Bùi Giáng đã nói :

Tôi chấp thuận trăm lần trong thần thức
Tôi bàng hoàng hốt hoảng những đêm đêm
Tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt
Tôi đui mù cho thoả dạ yêu em
Tôi tự nguyện sẽ một lòng chung thủy
Qua những lần buồn tủi giữa đảo điên
Thân xương máu đã đành là uỷ mị
Thì xin em cùng lên thác xuống ghềnh

Em đứng mũi chịu sào có vững
Bàn tay bưng đĩa muối có chấm gừng

Tôi đã nguyện yêu trần gian nguyện vẹn
Hết tâm hồn và hết cả da xương
Xin yêu mãi mãi và yêu nhau mãi
Trần gian ôi! cánh bướm cánh chuồn chuồn
Con kiến bé cùng hoa hoang cỏ dại
Con vi trùng sâu bọ cũng yêu luôn.

Còn ở lại một ngày còn yêu mãi
Còn một đêm còn thờ dưới trăng sao
Thì cánh mộng còn tung lên không ngại
Núi trời xanh tay với kiếng chân cao.
(Phụng Hiến)

Bùi Giáng đó, Bùi Giáng của Mưa Nguồn "bát ngát" mặc dù những "đảo điên" không ngớt, còn nguyên vẹn đến giờ nếu chúng ta gặp Ông đúng lúc.

*

Muốn gặp Bùi Giáng hãy ngao du theo dấu chân Ông để lại, hãy đánh mất mình trong cuộc Lữ, hãy chịu cuồng si để sáng suốt. Nghĩa là hãy "thơ mộng" như Ông.

Chẳng khó khăn lắm đâu.

Hầu như Ông đã mở sẵn những cửa mời gọi kẻ đồng điệu.

"Thơ là cái gì không thể bàn tới, không thể dịch, diễn gì được. Người ta có thể diễn tả một trận mưa rào bằng lời thơ. Thì có lẽ muốn diễn tả một bài thơ, người ta chỉ có thể phát động một trận mưa rào, hoặc một cơn gió thu. Mà muốn thực hiện sự đó, thì ngoài việc làm thơ ra, con người không còn phép gì khác. Thế có nghĩa là: muốn bàn tới thơ, diễn dịch thơ, người ta chỉ có thể làm một bài thơ khác. Người xưa am hiểu sự đó, nên họ chỉ vịnh thơ, chứ không bao giờ điên rồ gì mà luận bàn về thơ. Người đời nay trái lại, họ buộc phải luận thơ có mạch lạc luân lý, không được "bốc đồng" vịnh lăng nhăng. Cái chỗ ngu si đó là điều bất khả tư nghị vậy."

"Thơ tôi làm (...) trong mấy cuốn thơ của tôi chỉ là một cách đi ba đào về chân trời khác.

Đi vào giữa trung tâm bão dông một lúc thì lập thời xô ngôn ngữ thoát ra, phá vòng vây áp bức. Tôi gạ gẫm với châu chấu, chuồn chuồn, đem phó thác thảm họa trần gian cho chuồn chuồn mang trên hai cách tay mỏng bay đi. Bay về Tử Trúc Lâm bay về Sương Hy Lạp, ghé Calvaire viếng thăm một vong hồn bát ngát, rồi quay trở về đồng rộng, làm mục tử chăn trâu. Làm mục tử không xong bỏ trâu bò chạy lạc, phá phách mùa màng, khoai sắn, thì tôi chạy về bầm báo với ni cô cho phép con chuồn chuồn của tôi cư lưu một phút giây trong linh hồn bao dung phương tượng. Ni cô xua đuổi tôi thì tôi ra bờ sông nằm ngủ khóc một mình thơ dại giữa chiêm bao. Trong chiêm bao thơ về lăng đặng thì từ đó vẫn bắt tuyệt cũng lăng đặng chiêm bao..."

"Hãy để yên cho tôi điên tôi dại. Đừng ai nói đến tôi. Và nhất là đừng có bàn đến thơ tôi. Tôi không dám si mê, cũng không dám hoài vọng. Một mai tôi chết. Nghĩa là tôi không còn sống. Tôi sống trong cơn dại cơn điên. Tôi làm thơ trong cơn điên cơn dại. Nghĩa là tôi chết hai ba lần trong trận sống... Người yêu đừng bèn mảng đến, bạn bè hãy đi xa. Để tôi một mình tha hồ tôi điên tôi dại. Ai có đến gần thì hãy thử điên dại cho như tôi..."

"...Ông Whitman ôi. Tại hạ làm thơ nửa phần giống thơ ông, nửa phần giống thơ ông Dylan Thomas, nhưng giống theo một thể thái bê bối đười ươi, chứ không có được cái phong độ tiên thiên cốt cách. Vậy bây giờ tôi cố gắng làm một bài thơ rất mực cốt cách tiên thiên để tặng ông chơi một trận. Tuy nhiên càng hi hục bắt chước tiên thiên càng lộ ra cái nét na đười ươi phong thái. Vậy tôi xin ngậm ngùi dừng bút, chẳng dám ký tên dưới tờ thư cay đắng."

Không có ai có thể nói về thơ Bùi Giáng hơn Bùi Giáng, bởi chẳng ai ở đây đã sống thảm họa trần gian thu trong thảm họa thơ hơn ông. "Chán chường thi ca mà cứ làm thơ hoài ấy là đạo vậy".

Xin chào nhau giữa con đường
Mùa xuân phía trước miền trường phía sau

Đó là mở phôi hào hứng một thời - như Whitman, "kẻ rờn như ông già bơi đua cùng lũ trẻ và chịu thua lũ trẻ"

Đường sông bóng đổ cơ trần
Gầm chông gai ấy ai từng đạp qua
Ghì môi cơn mộng la đà
Tiêu giao suốt cõi mù sa trên rừng
Nửa vời trắng rộng mộng lung

Đường hoa nghi hoặc tháp tùng ni cô

Đây là phiêu bông "thơ đại nhất và sầu u nhất" - như Dylan Thomas.

Whitman kẻ mở, Dylan Thomas kẻ đóng, một chân trời. Kẻ say với "lá cỏ", với "phổ thi", với "ta"; kẻ say với cơn chết, giọt sầu, với huyền hoặc.

*

Nhưng còn chúng ta? Chúng ta nghĩ gì về thơ ông?

Đừng có nghĩ, hãy buông mặc theo ông, như ông từng buông mặc trong trận đồ kẻ trước. Ông luôn luôn nhắc bảo nơi ông là những bóng vang ai khác. Và ta hãy là bóng vang của ông.

Hãy để ông nghĩ cho chúng ta về những gì chúng ta có thể nghĩ tới và cả những gì chúng ta không thể nghĩ tới.

"Chúng ta quen thói ngong ngóng chạy theo đuổi mọi thứ trào lưu chủ nghĩa, chúng ta tuyệt nhiên không còn giữ một chút tinh thể còn con nào cả để thể hội rằng lục bát Việt Nam là cõi thi ca hoàng viễn nhất, kỳ ảo nhất của năm châu bốn biển ba bảy sông hồ."

"Cái thói học đòi vá víu thông thái đã âm thầm giết chết mất máu me thân thể chúng ta. Hết chạy theo đuổi ông Camus, tới chạy theo đít bà Simone Weil, rồi xô ùa chạy theo giò cẳng ông Krishnamurti... Đó chính là cái cõi của lai rai thượng thừa, của bê bối tối hậu. Tới bao giờ mới chịu đi về giữ áo đười ươi? Hỡi những thằng trung niên thi sĩ, và hỡi những đứa chẳng thi sĩ trung niên..."

"Nghĩ cũng dị kỳ thật. Người Việt nam vốn là người thơ mộng thi sĩ nhất thế giới (chỉ riêng cái màu da vàng Việt nam thôi cũng đã thơ mộng hơn mọi màu da đen hay trắng) thì người Việt nam lại chẳng bao giờ đọc thơ Việt nam, lại luôn luôn chút hết cõi lòng thơ mộng của mình cho những thứ sách vở hồ lớn tạp pí lù ở đâu đâu. Lại chạy đi si mê những da trắng Marilyn, những da đen Phi châu chiêm bao bờ cỏ. Làm bao nhiêu câu thơ thơ mộng lại đem gán hết cho châu chấu chuồn chuồn. Ăn ngữ gì mà đoạn trường ra như thế".

"Những bài thơ chuồn chuồn châu chấu của ông quả thật là có ý nghĩa. Nó bay nhẹ vi vu quá có đúng như là phận mỏng cánh chuồn. Vào những buổi sáng mùa đông lạnh lạnh ở Trung Việt, vào những buổi chiều mùa thu ở Bắc Hà, hình bóng những con chuồn chuồn bay lượn cuối ngõ, đầu xuân, thật là tha thướt. Đôi phen cái tiết điệu riêng biệt ấy cũng còn tái hiện trong đôi vằn phồn hoa, mặc dù ở phồn hoa không bao giờ có chuồn chuồn bay vòng múa lượn".

Chúng ta hãy chịu chói lọi trong tan nát giữa trận đồ của Bùi Giáng. Mọi điều Bùi Giáng đều nói, chẳng bao giờ hết, nhưng chẳng thể ngậm miệng, nên chúng ta cứ việc ngậm miệng, si mê và chúng ta sẽ được nghe. Nghe bát ngát, nghe phiêu bồng, nghe tới cõi im ông trốn lảng, lượn vòng.

Đừng tưởng Bùi Giáng điên, cũng đừng tưởng Bùi Giáng rờn, mặc dầu có lần ông tuyên bố là ông thích bày "cuộc vui".

Bùi Giáng là một nhà thơ trầm trọng:

"...Như Lai rờn từ bi, Jesus Christ rờn bác ái, Sophocles rờn trang nhã, Thâm trầm kỳ nguyệt, Euripide rờn ẩn ẩn hiện hiện, Ngoạ Long Sinh rờn u rùng, Kim Dung rờn bất tuyệt, Hồ Dzếnh rờn nên thơ chân thiết, Tú Mỡ rờn như đười ươi, Shakespeare rờn như Phụng Hoàng, Nietzsche rờn tan tành xương máu, Gide rờn lúc giạt lúc buông lúc chùng lúc thẳng, Tô Man Thu rờn não nùng đốt cháy máu tim."

Còn Bùi Giáng?

"Nhe răng cười trong bóng tối... Không bao giờ bắt chuồn chuồn và cứ bảo rằng mình luôn luôn bắt chuồn chuồn... Không thiết chi đọc sách mà vẫn cặm cụi đọc sách hoài... Suốt năm

khắc khoải loay hoay mà tự cho mình thanh thoát phiêu bồng... Chán chường thi ca mà cứ làm thơ hoài, đêm tối trần gian đau đớn vô cùng mà vẫn bảo rằng trần gian lộng lẫy... chúc sàu vạn đại thì bảo rằng mua vui cũng được một vài trống canh..."

Rỡn trầm trọng là Bùi Giáng, rộn đầy thắm hoạ, rộn khắp mặt thế giới như Tôn Ngộ Không - Ngộ Không nhảy trên bàn tay của Quan Âm (Quan Âm biến thành Phùng Khánh, Trì Hải, Marilyn, Brigitte, Kim Cương, ba cô mọi bên bờ Phi Châu...) chỉ vì "Người tư tưởng không còn dám viết gì về tư tưởng nữa."

Bởi rộn trầm trọng nên:

"Chúng ta phải để cho thơ Xuân Diệu rúc vào trong tuỷ xương mình. Vì y đủ thói bông lông thắm thiết của con người thượng đạt. Y trẻ dại, y lãng nhãng, y nói tới nỗi đời rồi y xoá đa đoan dâu biển. Y hồn nhiên giữ áo, nắm lấy cung cầm Tăng Điểm đánh lên giữa mùa Xuân..."

Nói vậy nhưng Bùi Giáng chẳng bao giờ là Xuân Diệu. "Tây Phương, Đông Phương cổ kim không có một nguồn thơ sánh kịp". Cứ chịu khó theo ông "đi vào cõi thơ", đi vào "thi ca tư tưởng" mà nghe ông bình thơ, mà nghe ông "Ngàn thu rớt hột" nghe "Sa mạc trường ca". Và hãy nhớ lời dặn dò này:

"Đi vào cõi tư tưởng, chúng ta luôn luôn phải lưu ý tới cái lối ăn nói nghịch lý của người tư tưởng. Họ nói một đường để ta suy ra một ngã."

Sở dĩ Bùi Giáng trầm trọng, bởi nơi ông cả cái kiếp hoạ của thơ đang diễn: hồn thơ đang bị vây khốn. Bị vây khốn bởi "tư tưởng", bởi "văn". Thơ muốn bay thoát, chấp chới như những cánh chuồn chuồn giữa trời. Nhưng đâu là tổ chuồn chuồn đây? Nào ai biết. Bùi Giáng cố muốn biết, cố săn đuổi tới cùng.

Nhưng chuồn chuồn báo hiệu trời sắp mưa. Một trận mưa nguồn thuở cũ, Bùi Giáng mơ màng chẳng? Ông Bùi Giáng ơi, Tang Phương đâu? Trang Phương đâu? Sau trận mưa nguồn kiếm nang giáp cúng trận đồ ông chẳng thấy. Chỉ thấy trở đi trở lại hoài đây đó hai câu của Hồ Dzếnh:

Thơ về nắng sáng lừng bay

Gấp đi cánh phượng cho ngày rạng ra.

Đến đây coi như tạm đủ, nói thêm đến bao nhiêu nữa rồi cũng vẫn là tạm. Tạm với Bùi Giáng. Tạm với chúng ta. Tạm hết.

Chỉ mong một lúc nào bạn "ngộ" cõi thơ kia.

"Đi vào cõi thơ". Thế nghĩa là? Có một cõi và một cuộc đi, cuộc đi có nhiều thể thái. Có thể đi theo lối chu du của ông Khổng Tử. Có thể đi theo lối ngồi yên không rục rịch suốt bao nhiêu diên trường tuế nguyệt dưới một gốc cây bồ đề theo lối Như Lai. Cũng có thể đi theo lối anh lừa bò vào đồi sim trái chín..."

"Đi như vậy dù sao thì dù, cũng là trong ý hướng mở cõi ra chơi. Không ai buộc ai phải theo ý riêng độc đoán của ai."

"Anh lừa bò vào đồi sim trái chín? Một mặt anh lưu tâm đến trái chiếu cổ cho những con bò, đừng để chúng lạc lối vào sâu trong rú rậm rồi mất lối trở ra... Anh thông dong ngồi xuống một gốc cây sim. Anh có thể chọn một gốc cây sim già, hoặc sim trẻ, hoặc một cây sim sử lịch nào vốn đã từng chứng giám một u tình của một Hoàng hậu Phèdre xưa kia."

"Rồi anh dần dần mở cõi. Đã gọi là mở cõi thì chẳng nên khép miên. Nghĩa là... tránh cái lối bưng bít..."

"Đó là điều kiện cần và đủ, không ai buộc ai phải đi qua miên bạc bình sinh."

"Ta ngồi dưới gốc cây sim, lắng tai nghe bò đương gặm cỏ, thông dong đưa tay với một cành, hái một trái chín ăn chơi."

"Bỗng dưng? Bỗng dưng nảy ra một sự tình kỳ bí: bàn tay ta vừa chạm với một trái sim riêng rẽ, thì suốt dãy rừng, toàn thể ngàn sim lục bỗng chấn động vang lừng. Đó là bí quyết lạ lùng. Một bí quyết bất khả truyền".

Giai phẩm, Văn, Sài gòn 1973 Các đoạn trích dẫn rút từ Mưa Nguồn, Đi Vào Cõi Thơ, Thi Ca Tư Tưởng, Mùa Thu Trong Thi Ca.

Thanh Tâm Tuyền, người đi tìm tiếng nói Đổi Lại Thúy

*Tôi đi tìm tiếng nói
Cho cổ họng của tôi
(Thanh Tâm Tuyền)*

Thơ, sau 20 năm Đổi mới và Mở cửa, không chỉ có sự đổi mới của chính bản thân thơ, mà còn có cả sự đổi mới của cái nhìn về thơ, tức lý luận phê bình thơ. Trong đó, đáng kể là sự nhìn nhận lại một số hiện tượng cách tân thơ trong quá khứ không xa, mà Thanh Tâm Tuyền là một trường hợp khá tiêu biểu. Từ đỉnh cao Đổi mới, đọc lại Thanh Tâm Tuyền, đặt thơ ông vào nguồn mạch đổi mới thi ca dân tộc, có thể rút ra những kinh nghiệm không chỉ là lịch sử, mà đôi khi rất thời sự, có ích cho việc đánh giá “thơ 20 năm đổi mới” hôm nay.

Sinh năm 1936, Thanh Tâm Tuyền thuộc một thế hệ nhà thơ khác với các nhà Thơ Mới về tuổi đời. Và, do đó, quan trọng hơn, khác về học vấn và trải nghiệm. Nếu các nhà Thơ Mới tiếp xúc với văn học châu Âu chủ yếu qua “bộ lọc” nhà trường Pháp thuộc và dừng lại ở cuối thế kỷ XIX, còn ai đó có trèo sang thế kỷ XX thì cũng đã hụt hơi, đọc mà không hiểu, hiểu mà không thấm, thì Thanh Tâm Tuyền tiếp nhận nghệ thuật phương Tây một cách trực tiếp và đồng thời, nên, nhờ thế, tự do và sáng tạo (ý của Đặng Tiến). Nếu các nhà Thơ Mới trải nghiệm cuộc sống một cách thơ ca trên bình yên các trang sách, thì Thanh Tâm Tuyền sống một cuộc sống văn xuôi của cuộc chiến tranh, của chia cắt đất nước, của tranh giành quyền lực. Giữa họ, quả thực, là một đứt đoạn lớn. Trước, ở nhận thức thực tại. Sau, ở nghệ thuật.

Năm 1956, ở tuổi hai mươi, Thanh Tâm Tuyền in tác phẩm thơ đầu tiên của mình có nhan đề như một tuyên ngôn: Tôi không còn cô độc. Có lẽ, cô độc là một đặc sản của cái tôi nguyên tử luận của Thơ Mới. Một cái tôi luôn đối diện, đúng hơn đối đầu, với thực tại. Cái tôi Thơ Mới này, sau khi đã lên tới thiên đỉnh, Ta là Một, là Riêng, là Thứ nhất, với Xuân Diệu, đã không chịu đựng nổi cô độc, nên đã tìm về với cái bọc trăm trứng cộng đồng, hoặc một thời tiền sử hòa đồng nguyên thủy, hoặc những thiên đường nhân tạo liên/ xuyên – cá – nhân, để đến 1945 thì hòa mình vào cái ta xã hội, cái ta dân tộc. Nhưng tôi lại là sự chống lại chủ nghĩa tập thể núp danh cộng đồng, dân tộc, xã hội, đề cao cái cá nhân đích thực. Thanh Tâm Tuyền của Tôi không còn cô độc không còn là sự đối lập giữa tôi và thực tại, tôi đối diện với thế giới, mà lơ lửng giữa tôi và thực tại, tôi hiện diện trong thực tại, tôi là thực tại. Xóa bỏ khoảng cách giữa tôi và thực tại, cái hồ thủy tinh tưởng ấy, là nâng cái nhìn thực tại lên một bình diện mới, một chiều kích mới. Điều này tạo ra một ý thức mới trong văn nghệ. Bởi thế, việc làm đầu tiên là thanh toán ý thức văn nghệ cũ một cách công khai, quyết liệt. Bốn cuộc trao đổi giữa Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Trần Thanh Hiệp, Thái Tuấn... trên tạp chí Sáng tạo hoàn toàn phủ nhận văn nghệ tiến chiến, từ Thơ Mới, tiểu thuyết Tự lực văn đoàn, tiểu thuyết tả chân Tân dân, kịch nói, đến hội họa ấn tượng và tả thực. Dĩ nhiên, nhất dao chặt đứt tính liên tục lịch sử để tạo ra sự đứt đoạn, ở bình diện cụ thể, bao giờ cũng có những cực đoan, những bất công của nó, nhưng trên bình diện nguyên lý là hợp lẽ. Bởi, đây là sự phủ nhận một quan niệm thực tại như một cái gì đó tự thân, đặc cứng và nhất phiến, nên đứng trước nó văn nghệ hình như chỉ còn mỗi việc mô phỏng, phản ánh, ảnh xạ. Chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa lãng mạn, thậm chí cả chủ nghĩa tượng trưng nữa, ít nhiều đều là con đẻ của cái nhìn thế giới này.

Sự phát triển của khoa học (vật lý thiên văn và vật lý hạ nguyên tử) và triết học đầu thế kỷ XX đã làm thay đổi quan niệm về thực tại. Không còn nữa một quan niệm về thế giới khách quan, tự thân, độc lập với ý thức của con người, mà chỉ có một thế giới do con người (sinh ra) và vì

con người (phục vụ) theo nguyên lý vị nhân. Sự khủng hoảng thực tại này khiến người ta phải đi tìm những phương thức biểu đạt thực tại mới, trước hết trong lĩnh vực hội họa. Các trường phái lập thể, biểu hiện, trừu tượng, siêu thực... thi nhau ra đời để đáp ứng nhu cầu này. Văn chương cũng lao vào một kiếm tìm tương tự. Nhà thơ và họa sĩ giờ đây không phải chỉ chơi thân với nhau như những láng giềng tốt, mà vì họ cùng chung một cái nhìn thực tại, cùng chung việc tìm kiếm ngôn ngữ mới để biểu đạt thực tại mới. Tình thơ – họa của nhóm Sáng Tạo, do vậy, khác về chất với tình của các nhà thơ, học sĩ của Tự lực văn đoàn thời tiền chiến.

Cái mới ở thơ Thanh Tâm Tuyền, trước hết, là sự chủ thể hóa thực tại. Bởi thế, thơ ông trình hiện một cái tôi đa ngã. Không phải cái tôi nhất nguyên rã ra thành những bộ phận độc lập. Hay một kiểu sinh sản bằng cách tự sao lại bản mình. Càng không phải sự phân thân. Đa ngã là do đa thể. Bởi, con người vốn đa nguyên. Không chỉ ngoài con người có con người, mà, quan trọng hơn, trong con người có con người. Tôi là người là một người khác (Đừng bắt tôi từ biệt). Cái người khác ấy nhiều khi xa lạ với chính tôi, với chính sự hiểu biết của tôi. Nó đến từ những cơ tầng khác.

Hồn là khởi nguyên tinh thần, xác là khởi nguyên sinh học. Hồn, xác hòa hợp thì con người trùng khớp với bản thân, có sự khỏe mạnh của cái cây, tảng đá. Ở Thanh Tâm Tuyền thường thì hồn và xác lia nhau, tạo ra những cái tôi khác nhau. Tôi luôn nhìn, và nhìn thấy, thể xác tôi bị đau đớn, chảy máu, bị đâm chém với một thái độ dửng dưng.

Vứt mẩu thuốc cuối cùng xuống dòng sông

Mà lòng mình phơi trên kè đá

(Bao giờ)

Nhưng, có lẽ, đặc sắc hơn cả, ở Thanh Tâm Tuyền, là tên và tôi. Cái tên và cái tôi, tự nguồn, vốn là một. Tư duy nguyên thủy cho rằng cái tôi nào thì phải mang cái tên ấy. Tên và tôi, do vậy, vận vào nhau. Nhưng dần dần, với sự phát triển của xã hội, cái tên tách biệt khỏi cái tôi, trở thành một thực thể tự thân, độc lập. Cái tên tôi giữa phổ, phổ vắng và cái/ tên âm lên sự thù hằn (Đêm). Tên trở thành một ký hiệu, một căn cước rỗng, chỉ thuận tiện cho việc giao thông xã hội. Ở Thanh Tâm Tuyền, cái tên, thậm chí, chỉ còn là cái xã hội bám đầy rong rêu của các quy tắc, định chế, luôn tra xét, đe dọa cái tôi bản năng, tự do, sáng tạo:

Tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ

Thanh Tâm Tuyền

Buổi chiều sao vỡ vào chuông giáo đường

Tôi xin một chỗ quỳ thầm kín

Cho đứa nhỏ linh hồn

Sợ chó dữ

Con chó đói không màu

(...)

Tôi gào tên tôi cho nguôi giận

Thanh Tâm Tuyền

Đêm ngã xuống khoảng thì thảm tội lỗi

Cô bé quàng khăn đỏ ơi

Này một con chó sói

Thứ chó sói lang thang

(...)

Tôi gào tên tôi thảm thiết

Thanh Tâm Tuyền

Bóp cổ tôi chết gục

Để tôi được phục sinh

(Phục sinh)

Như vậy, những cái tôi thơ Thanh Tâm Tuyền, với một vài đơn cử trên, là những thực thể tồn tại tự thân, luôn tranh đấu, giằng xé, thậm chí chém giết nhau trong cuộc đối thoại/ đối đầu miên tục. Con người hiện đại, vì thế, luôn tự mâu thuẫn. Và, cũng vì thế, mà luôn tự thay đổi cái tôi với tư cách làm một nhân tố kiến tạo thế giới.

Nếu ở bình diện nhận thức, thơ Thanh Tâm Tuyền là sự chủ thể hóa thực tại, thì ở bình diện diễn ra, thơ ông lại kéo ngôn ngữ về với sự vật. Tức thay đổi quan niệm về ngôn ngữ, đặc biệt là ngôn ngữ nghệ thuật. Với Ferdinand de Saussure, ngôn ngữ như một công cụ có khả năng phản ánh trung thành sự vật đã trở thành huyền thoại. Nhưng cũng từ đây, ngôn ngữ, với bản chất tự trị của nó, ngày càng xa rời sự vật, thậm chí quy định lối nhìn sự vật. Bởi thế, từ và vật ngày càng đối lập với nhau. Thanh Tâm Tuyền đã kéo ngôn ngữ về với sự vật, nhưng không phải để phản ánh sự vật, mà để đồng nhất với sự vật: ngôn ngữ là thực tại.

Ngôn ngữ thơ Thanh Tâm Tuyền, bởi thế, đầy những vật liệu của công nghiệp và thành phố. Thơ Mới, mặc dù là con đẻ của văn hóa đô thị, nhưng chưa thực sự sống thành phố bởi còn bị ám ảnh những hoài niệm thôn quê. Thanh Tâm Tuyền đã bắt được nhịp sống đô thị, cũng là nhịp sống của hôm nay, đương đại. Thành phố trong thơ ông như một công trường xây dựng. Đầy những vật liệu nhân tạo. Tất cả đều dang dở, ngổn ngang, thậm chí hỗn độn. Cái nhìn này về thực tại ảnh xạ vào thơ Thanh Tâm Tuyền. Ngôn từ thơ bị lột vỏ quy ước trần trụi trở về với sự vật thô nhám. Các từ đứng cạnh nhau một cách tình cờ, ngẫu nhiên, làm trật nghĩa nhau. Câu thơ thì bị cắt dòng đột ngột, đôi khi mang tính bạo hành. Bài thơ mang tính thể nghiệm, tồn tại như những khả năng, khả thể. Tập thơ như một hợp tuyển tình cờ, các bài thơ như ngẫu nhiên được đưa vào, ngẫu nhiên đứng cạnh nhau và, vì thế, phát ra những diễn ngôn riêng biệt, như chẳng ăn nhập gì với nhau. Bởi thế, đọc thơ Thanh Tâm Tuyền người ta cảm thấy khó chịu, bứt rứt, bất an, thậm chí phẫn nộ, bởi vì nó không cho ta ngủ yên trên những thói quen sống và thói quen thẩm mỹ, nó bắt ta phải chấp nhận những trạng huống nhân sinh mới mà ta không muốn chấp nhận, để, cuối cùng, giúp ta vượt qua cái thực tại giả tạm, bề ngoài, tìm đến cái thực tại đích thực ở bề sau, bề sâu, bề xa, cái tổng thể mới có khả năng hợp nhất lại cái bề ngoài vỡ vụn.

Con người là một động vật khát thèm cái toàn vẹn, cái đồng nhất. Cho rằng vỡ nát, hỗn độn chỉ là của cái thực tại bên ngoài, người ta đi tìm sự thống nhất ở bên trong, ở chiều sâu: vô thức của phân tâm học, của chủ nghĩa siêu thực, cấu trúc của ngữ học và dân tộc học, siêu tuyệt hay cao cả trong mỹ học... Thanh Tâm Tuyền đi tìm một nghệ thuật khác chứa đựng tất cả những điều trên: đó là nghệ thuật Dionysos hay nghệ thuật đen. “Chúng tôi trả lại năng thơ, trả lại nghệ thuật cho các người, cho những thi sĩ thuộc dòng đầu bù tóc rối có nghệ thuật rạng ngời vừng vàng như thần Apollon. Chúng tôi theo cơn cuồng nộ bi thảm của Dionysos, của cuộc đời hôm nay. Chúng tôi cho các người vĩnh viễn, của cuộc đời hôm nay. Chúng tôi cho các người vĩnh viễn, hãy nhường lại cho chúng tôi hiện tại” (Nỗi buồn trong thơ hôm nay, 1955). Cuồng nộ bi thảm là tính chất của Dionysos, là sự khẳng định cuộc đời hôm nay. Bởi, “sự khai sinh ra bi kịch là một cuộc hoán đảo mọi giá trị” (Nietzsche, Buổi hoàng hôn của những thần tượng).

Sự thống nhất của thơ Thanh Tâm Tuyền còn ở mỗi tập thơ của ông, tôi không còn cô độc và Liên – Đêm – Mặt Trời tìm thấy, cũng như toàn bộ sáng tác thơ của thi nhân trước 1975, có cấu trúc. Khác với phần đông nhà thơ, thi phẩm của họ thường chỉ có bố cục mà không có cấu trúc, thi phẩm Thanh Tâm Tuyền ngược lại, không có bố cục nào cả nhưng lại có cấu trúc. Chính cấu trúc đã tạo ra một lực hướng tâm thu hút, sắp xếp những yếu tố tản mạn, đối nghịch nhau thành một chỉnh thể. Nhưng cấu trúc thơ Thanh Tâm Tuyền là một cấu trúc mở (Prigozhin), hay cấu trúc động. Nghĩa là, nó còn có một lực ly tâm, cũng mạnh mẽ không kém gì lực hướng tâm, khiến nhiều khi cấu trúc trở nên xộc xệch, để cho các từ vượt thoát khỏi hấp lực của trường ngữ nghĩa nguyên thủy đi lang thang ra ngoài tìm những trò chơi mới. Thơ Thanh Tâm Tuyền, vì thế, đi ra ngoài ngữ học cấu trúc của Saussure để đến với ngữ dụng học của Wittgenstein. Tính chất hậu hiện đại, theo kiểu Lyotard, thấp thoáng trong thơ ông là vậy.

Những cách tân theo hướng hiện đại bắt đầu với thơ của Nguyễn Xuân Sanh trong *Xuân Thu Nhã Tập* (1942). Thơ ông, mặc dù đã phát động một tư duy đứt đoạn, nhưng ngôn ngữ vẫn còn xưa cũ, sách vở, đặc biệt câu thơ vẫn bảy chữ chẵn chẵn xếp thành từng khổ bốn câu. Rồi thơ tự do không vần của Nguyễn Đình Thi (1946 – 1949) với ngôn ngữ súc tích, giàu hình ảnh tươi nguyên từ thực tế đời thường. So với hai đàn anh trên, thơ Thanh Tâm Tuyền đi xa và sâu sắc hơn. Nhưng cách tân thơ của ông cũng chỉ kéo dài được trên dưới 5 năm, người khác không theo đã đành, mà chính thi nhân cũng không tiếp tục. Sau đó là thơ Trần Dần, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng thời hậu – Nhân văn, một số nhà thơ chống Mỹ và thơ “trẻ” ngày nay. Tuy là những đứt đoạn, nhưng đổi mới thơ vẫn thành một chuỗi liên tục, tạo ra kinh nghiệm lịch sử quý giá cho sự đổi mới thơ hôm nay đang được sự đồng thuận của cả Nhà nước và Xã hội.

Nhân vật tiểu thuyết Thanh Tâm Tuyền Nguyễn Vy Khanh

Thanh Tâm Tuyền (sinh năm 1936, mất 22-3-2006), một trong những khuôn mặt văn nghệ trội bật của miền Nam thời kỳ 1954-1975, bắt đầu văn nghiệp với thi ca, tiếp nối với tiểu thuyết và trở lại với thơ trước khi ngưng viết. Về thơ, hai tập *Tôi Không Còn Cô Độc* (1956) và *Liên, Đêm Mặt Trời Tim Thấy* (1964) như là những tuyên ngôn cho thơ Tự do chúng tôi đã dành ở một chương khác. Về văn xuôi, các tác phẩm tiêu biểu của ông là *Bếp Lửa* (1957) và *Khuôn Mặt* (1964), *Dọc Đường* (1966) - hai tập sau là những tập truyện ngắn. Ngoài ra ông đã xuất bản các tập tiểu thuyết khác, *Cát Lầy* (1967), *Mù Khơi* (1970), *Tiếng Động* (1970), *Một Chủ Nhật Khác* (1975),... một tập *Tạp Ghi* (1970) gồm những bài viết trên nhật báo *Tiền Tuyến* ký Ba-Tê, một tập kịch *Ba Chị Em* (1967), và một tập thơ sau khi ông sang Hoa Kỳ định cư theo diện HO, *Thơ ở Đâu Xa* (1990).

Bếp Lửa

Cái phi lý đã bắt đầu. Thanh, thanh nữ quên tuổi trẻ của mình, "dám sống cái thân phận một người con gái không được che chở" để làm nuôi em ăn học. "Những người sinh ra để đi một mình suốt đời không có một sự gì ràng buộc, thật là bất hạnh". Thanh có giọng ca truyền cảm và thích hát bài "Trở về mái nhà xưa", như cố tìm một ràng buộc để có nơi chốn trở về, một trở về như một hạnh phúc, vì nếu không, sẽ là bất hạnh cuộc đời. Qua Thanh, một nhân vật khác, Tâm, anh họ xa của Thanh di cư vào Nam, sau thời dạy học trường dòng ở Bắc Ninh và sống như "con sâu" giữa một Hà Nội chiến tranh, cuối cùng phải di cư vô Nam xa quê nhà, xa mái nhà, sẽ diễn tả sự đi-tìm-hạnh phúc của anh. Tâm viết bưu thiếp về Bắc cho Thanh: "Chúng ta phải tự tạo lấy sự ràng buộc nhau để cùng nhau bám chặt lấy quê hương nếu không chúng ta sẽ mất trong sự quên lãng. Anh yêu quê hương vô cùng và anh yêu em vô cùng". Hai tình yêu làm một! Tình yêu của những người "sinh ra để đi một mình suốt đời (...) không một sự gì ràng buộc ta, thật là bất hạnh" (tr. 88).

Nhưng cũng người thanh niên ấy, ngủ đêm với Hạnh ở khách sạn sau khi tình cờ gặp lại người con gái ngày xưa chàng từng theo chọc, nắm tay để tìm lại hơi ấm khi chàng đang bơ vơ ngày sinh nhật Chúa. Chàng nghĩ chiến tranh hay "sự khủng bố tinh thần đã thổi vào máu Hạnh sự say đắm nhiệt tình trong yêu đương" (tr. 70).

"Hắn lớn lên cùng bè bạn, vượt qua mau tuổi trẻ để suy nghĩ và mơ ước hành động. Mỗi đứa một lối lẩn mình theo mỗi cảm dỗ lớn lao của hư vô..." vì họ đã "tìm thấy cuộc hiện sinh tự do và lựa chọn" với triết gia thời thượng J-P. Sartre. Và ông đã lựa chọn làm nhà văn vì "mỗi nhà

văn chính là một kẻ sống sót" khơi từ "Cái chết lựa chọn không bao giờ phi lý, nó sẽ làm nảy sinh sự thật, sự thật của những người chết truyền lưu cho kẻ sống sót" (Bếp Lửa, Tựa, tr. VII).

Những thanh niên đứng trước những đổi thay quá lớn. "Cái chua xót là tất cả chúng ta đều thành thật, thành thật đến cái độ có thể chết" (tr. 40). Họ phải co những lựa chọn, Thanh Tâm Tuyền cũng đã chọn thái độ làm con người tự do, theo cộng sản với ông "là một lối đánh đĩ, đánh đĩ tinh thần mình" (tr. 53). Họ phê phán bạn mình là "lãng mạn" và chối bỏ Thượng đế. "Theo tôi có những lúc người ta cần giải quyết giữa người với người và Thượng đế không nên có mặt ở lúc ấy. (tr. 64). Khổ nhục làm người ở khắp nơi "Con sâu ở giữa tim giữa hồn, giữa não" (tr. 65).

Bếp lửa như tụ điểm hạnh phúc mãi tìm và mái nhà xưa vẫn là ám ảnh khôn nguôi. Thanh hát lại bài "Trở về mái nhà xưa". "Hàng phố bé lại trong đêm khuya và lùi xa như tiếng hát. Khi cánh cửa đã đóng sau lưng Thanh và Nga, tôi còn nghe tiếng hát ấy ở trên tai tôi. Trở về mái nhà.

Xưa,

Còn lại hai người đàn ông đi chân về ngoại ô" (tr. 76).

Khuôn Mặt

Con người thao thức và tình yêu bị ám ảnh bởi những suy tư, dằn vặt, đi đôi với những thèm khát kiếm tìm khôn nguôi. Tình yêu bắt đầu từ những ngày Hà Nội. Thanh yêu một người con trai và đã nghe lời người yêu di cư vào Nam trước, nhưng đã năm năm Thanh vẫn chưa gặp lại chàng. Chàng "biệt tích", "mất tích" và "vắng mặt", còn nàng thì sợ một ngày nào đó trí tưởng tượng của nàng sẽ không còn có thể hình dung nổi bóng dáng chàng. Thanh sống giữa hiện tại và quá khứ, nàng sống trong đợi chờ, tiếp tục lữ hành, kể cả đêm nay, cái đêm định mệnh, trong xóm vắng đến nhà bạn tự nhủ nếu bạn có nhà tức chàng đã thuận để nàng làm lại cuộc đời. Nhưng cửa nhà cô bạn khóa trái và một thanh niên lạ theo đuổi nàng, mời nàng về nhà. Để tránh âu yếm vội vàng của hắn, nàng nhào mạnh người và té xuống nước chết đuối. Tình yêu khó khăn, bị xâu xé bởi nhiều mặc cảm, bị chi phối bởi nhiều vấn đề trong cuộc sống, một cuộc sống xáo trộn không lối thoát của một đất nước bị chiến tranh, xáo trộn: "Anh yêu em anh chỉ làm khổ em. Anh biết thế mà không làm sao được. Vì giữa chúng ta còn một khoảng cách biệt anh không vượt nổi, đó là những người chết, họ xen vào giữa tình yêu của anh với em. Em hiểu anh nói gì không?" (tr. 103).

Ám ảnh dằn vặt nhưng đầy đam mê. Đam mê như đọa đày. "Tôi mong chàng nghe thấy những nhịp run trong gân tay của tôi, tôi mong chàng nhận được cái linh hồn trọn vẹn của tôi trong ánh mắt" (tr. 112). Hơn thế nữa, con người ray rứt, khắc khoải nhưng tình yêu ở đây thiết tha và nhiệt tình, khôn nguôi, không gì bồi đắp, thỏa mãn. Cái không trọn vẹn và bi đát của câu chuyện, của nhân vật khiến người đọc bị lôi cuốn, bị động. Nội tâm tuổi trẻ : "Anh khuyên em phải can đảm. Làm thế nào mà can đảm mãi một mình nổi. Anh biết không rồi tới một ngày hình ảnh của anh em không còn giữ được trong trí tưởng em nữa, cuộc đời hằng ngày sẽ nghiêng vụn nó ra làm cho nó tan biến mất. Như bây giờ muốn nhìn khuôn mặt anh, trí tưởng tượng của em đã bắt lực. Năm năm qua rồi. Anh chỉ hiện lên đôi lúc rõ ràng trong giấc mộng mà thôi, khi tỉnh dậy thì đầu óc em trống trơn dù em có muốn ghi nhớ lại để có thể mở mắt trông thấy anh nhưng không thể nào được. Em muốn được gặp anh khi thức không phải khi mê, nhưng anh thấy không mỗi giây phút trôi qua làm mòn dần trí nhớ. Đã có lúc em phải vay mượn ở những khuôn mặt khác những nét hao để tưởng tượng tới anh, nhưng em biết em chỉ có được một khuôn mặt xa lạ không phải của anh" (tr. 108). Khuôn mặt chỉ thấy bằng tiềm thức, còn với ý thức và đời thực thì nhòa dần. Đưa đến cái chết người. Nàng nhìn người lạ theo đuổi nàng nơi ngoại ô "tim tôi thất lạc. Hắn có nét mặt hao hao giống chàng" (tr. 112). Quá khứ thành ảo tưởng! "Từ khi lớn lên, chưa bao giờ tôi được nghe một giọng nói mơn trớn đến thế. Lời nói

của người con trai trói tôi vào tới cùng bản thể trong ấy dấu kín tuổi ấu thơ hằng cửu mà mọi sự vật đều hòa lên một giọng nói như vậy. Ngôn ngữ rất đầy, rất thực xô đẩy nhau rơi và lấp kín những trống không của tâm hồn như một lực lượng bất tận của vật thể..." (tr. 124).

Như anh chàng Meursault trong *L'Étranger* của A. Camus, khuôn mặt hồ hững, hiện hữu có đó như không cần thiết, như không nhân tính, vì khuôn mặt đó như mang cả con người của thời đại máy móc. Khuôn mặt tiêu biểu của một thời đại. Hắn là ai? Khi mười tuổi theo mẹ bỏ nhà vào Nam đã "yêu" một người con gái lớn tuổi hơn, sinh viên Hà Nội về thăm nhà ở miền Trung, đi cùng chuyến xe lửa, "yêu" vì tiếng nàng hát khe khẽ như ru. Hắn theo mẹ trốn bỏ gia đình khắc nghiệt tha phương tìm sống. Máu mủ anh theo mẹ nhưng con người luân lý trong anh vẫn khinh mẹ anh đã không can đảm chịu đựng. "Anh là đứa con không muốn nhận cha mẹ. (...) Anh theo mẹ anh và anh khinh mẹ anh đã không đủ can đảm chịu đựng..." (tr. 142). Hai con người đó khuấy động khiến anh vong thân, làm gì thì cũng phần này của anh chống phần kia của anh. Hậu quả là anh sống trong nghi ngờ tất cả dù thành thật tới mấy, luân lý trở thành vô nghĩa với anh. "Anh thù hận luân lý, anh thù anh" (tr. 143). Anh sống qua cái nhìn bất thường và soi mói quá quắt về cuộc đời và tha nhân. Cho đến khi anh gặp Thanh, người đàn bà cũng lớn tuổi hơn anh, là cái ở ngoài cái luân lý luôn dần vật, anh tưởng thế! Nhưng cũng có thể vì khuôn mặt hắn "khả ố", khiến Thanh vùng vẫy để phải rơi xuống nước. Cả hai đều có một khuôn mặt quá khứ ám ảnh.

Khuôn mặt nàng mới đó đã có những "khoảng trống đáng sợ (...) tôi không chấp nổi những đường nét thành hình ảnh, sự quên lãng hãi hùng gặm nhấm cả linh hồn tôi" (tr. 135). Truyện *Khuôn Mặt* chấm dứt ở nhận định chỉ có thân tình của người với người mới giúp con người tìm lại được cái hạnh phúc đánh mất từ bước khởi hành, tìm lại cái thân tình của thế giới. Cái chết của người con gái xa lạ tên Thanh đã giúp "tôi" hiểu hạnh phúc đã có và đâu là mục đích của đời "tôi". Hóa ra cái vô nghĩa kia chỉ là ánh sáng nguyên thủy của cuộc đời, cái ông bà Adam-Eva đã có trước khi khôn ngoan cần tái tạo. Hành trình gian nan để đi đến cái nhận định nguyên sơ, đến tình cảnh, nhưng là một lối hành xứng đáng, một thân phận! Và hóa ra chống đối cái đạo lý, luân thường của xã hội, con người Thanh Tâm Tuyền cũng tự chống lại mình, vì nguyên thủy, con người này đã bị cái đạo lý luân thường của xã hội xâm chiếm, khiến cái-tôi của họ không còn toàn vẹn. Câu kết truyện *Khuôn Mặt* : "Tôi sẽ không chịu nhận tội lỗi mà người ta xét thấy tôi có như tôi từng chấp nhận cái luân lý người ta đã nhồi vào sọ tôi thuở bé (...) Bây giờ thì anh thêm ngủ, ngủ và nằm mộng thấy em, trong căn nhà chúng ta. (...) anh ngủ, anh đang ngủ, anh chỉ khóc với em trong giấc ngủ mà thôi..." (tr. 144). Thời gian xáo trộn như những mảnh sống và ký ức!

Thanh Tâm Tuyền coi cuộc đời là một vô nghĩa toàn diện. Nhân vật của ông từng có những dứt khoát với quá khứ, từng có những quyết tâm làm lại cuộc đời, khiến cuộc đời có một ý-nghĩa-nên-có-và-phải-có. Bị kịch bắt đầu từ đó và hạnh phúc cũng ở đấy, Mọi người vẫn xác nhận, nhưng nhân vật của ông phải vượt qua cái xác tín đó, để cái hạnh phúc trở thành thật, xứng đáng hơn! Phải vượt qua cái mơ hồ của riêng mỗi, của một phong hóa, của những phạm trù trung trung, có thể chấp nhận! Sự vật có đó, xấu hay đẹp, tầm thường hay vĩ đại, vẫn do con người thường thường, những con người theo khuôn, chấp nhận. Gọi là cái mơ hồ vì Thanh Tâm Tuyền dự phóng, trừu tượng hóa cái phải-là, nên-là, cho ra thể thống con người hôm nay. Vì ông còn nghĩ, sự vật đó có giá trị tự tại, của nó; vậy tại sao mọi người chung chung cứ gọi nó là thể này, cứ gán cho nó một ý nghĩa có thể chủ quan!

Bếp Lửa và *Khuôn Mặt* đã là cuộc lữ hành của những kẻ tự vạch đường, tự thoát ra khỏi tầm thường và khuôn sáo của lâu nay. Cô đơn và trong trừu tượng của sâu thẳm con người. Nhưng cuối cùng rồi cái phi lý vẫn bủa vây: con người của ông dù ý hướng đầy, dù ước vọng dồi dào, vẫn lún sâu trong thực tại. Càng phủ nhận càng lún sâu. Nhân vật của ông sẽ để cho cuộc sống

vô nghĩa hóa, họ sẽ buông xuôi, sống theo thói quen, hay tìm giấc ngủ và để để cho cái chết cám dỗ. Phi lý nhưng hữu lý. Sợ bị lịch sử vượt qua, họ lại đi đến sự buông xuôi. Có bị đè bởi thế giới nặng nề, bởi những trọng lực của cuộc sống, nhân vật của ông mới sống ý nghĩa cuộc đời theo ý họ, có thể là một K.O. đồng tình! Con người đối nhau xa lạ, thân thể, cảm giác gần sát mà vẫn không hiểu nhau. "Họ là những sinh vật mà đời sống bị dồn xuống thế hèn mọn là những khúc cây ngọc nguậy, sự hiện hữu của họ lên vào giữa chúng tôi như một luồng khí độc, mặc dầu họ không để ý đến chúng tôi, họ co rúm vào trong họ một cách thiếu não lạ thường" (Khuôn Mặt, tr. 106).

Khi sống, khi yêu, nhân vật của ông tỏ ra ... bất thường, xa lạ và kín như bưng với nhau. Nhưng hình như tình yêu đã có lúc là một nụ cười không được tiếp nhận liền, một dịu dàng không dễ cảm thấy. Như một bài hát xưa của Nghệ - "bài hát xưa lắm, những người thích nó kẻ đã chết, người còn sống thì quên không nhắc lại. Riêng tôi, tôi thường thì thầm với mình những phút cô đơn..." (BSNBB, tr. 98). Tình yêu cô đơn vì tôi từ chối ý nghĩa đã có, từ chối cả ngôn ngữ, vì chính tôi đang chỉ đứng bên lề. Vì bên lề, bạn của các nhân vật chính của Thanh Tâm Tuyền cũng là những kẻ đứng ngoài hay đã bị xã hội bằng cách này hay cách khác, kết án. Những không-có-giá-trị gì! Những á giảng hồ về chiều, những người tự thua hoàn cảnh, đi làm công an cho Tây, như Quang trong Cuối Đường. Tình bạn không có nghĩa là có thể tâm sự với nhau, vì nhân vật chính của Thanh Tâm Tuyền không thích những tự-minh-oan, hãy để việc đó cho cuộc đời! Nhưng như vậy không có nghĩa họ đã trở thành vật vô tri. Ít ra là có vẻ. Nghệ thích Hội vì người con gái làng chơi ế ẩm đó xấu nhưng theo Nghệ "cái xấu làm cho người ta tầm thường, hèn mọn, và dễ yêu hơn".

Truyện Đại Lộ có ba người đi trên nó. Chuyện những con người tự do, sống cho mình và tôn trọng thân phận và tự do của người. Họ sống trung thực và trọn vẹn cái hiện sinh của họ, đến không cả tổ giác Châu hoạt động cho kẻ khác, Ngọc qua bên kia. Họ không muốn theo một khuôn mẫu luân lý và khuôn mẫu của đa số, của xã hội. Đến gần với thực tại có những thanh niên trong truyện Đại Lộ. Họ đứng trước những lựa chọn khó khăn của một Hà Nội thời tạm chiếm. Họ ít nói với nhau, có khi dùng thơ để "nói" với nhau. Họ có những "yên lặng lạ lùng", hoặc những hối hận vì "câu nói vô nghĩa" ít oi. Tể nhị và kiêu cách quá đáng không, dù tiếng nói có thể làm xa thực tại, con người có thể sống thật trong yên lặng và thơ là một cố gắng để trở về với cái yên lặng nguyên ủy của vạn vật. Viên gạch với giòng số "1934" ghi trên là cái có thực. Tâm chỉ nói một câu: "Viên gạch của bờ hè đại lộ này hôm nay được 18 tuổi khi chúng tôi đi qua", ít nói vì anh là thi sĩ, Châu yên lặng vì nàng bắt đầu yêu Tâm. Và hai năm sau họ gặp lại nhau trước khi xa nhau lần này không biết bao lâu vì một người ở lại một di cư vào Nam. Cái thế giới Đại Lộ có vẻ lỗi thời đó không ngờ là một loại thiên đường cuối cùng, nơi đó ý tưởng không làm con người quên con người thực của nhau, dù làm cách mạng hay làm thơ. Hai năm sau gặp lại nhau, câu nói trên Tâm sẽ lập lại, cộng thêm hai vì chàng biết Châu đã yêu chàng khi viên gạch còn 18 tuổi.

Trong Isabelle, Lưu cứ đứng ngoài đời sống, muốn tìm ra cho mình lối sống trước khi chịu sống: "Chúng ta không sống, chúng ta chỉ luôn luôn tự hỏi phải sống như thế nào? Phải sống như thế nào là chẳng sống gì cả" (tr. 40). Isabelle trở thành hình bóng văn chương "đẹp và không có", áp ủ Isabelle thì hẳn không sống, bịa thêm cuộc đời khác với văn chương tức từ chối cuộc đời mình. Anh khác khối với giấc mộng hoàn thành tác phẩm lớn nhưng mộng không thành và anh bị Yển, người yêu, người đàn bà tự coi có lý tưởng, xem anh như văn sĩ xấy non, bất lực. Bỏ Yển vào Nam, anh gặp Quỳnh Dao, nhưng vẫn bị ám ảnh Isabelle, cuối cùng anh muốn trở về với cuộc sống bình thường có thực với ý định cưới Ba, một sinh vật sống giữa cuộc đời và không có vấn đề.

Một người khác chối từ cuộc sống : ông già xưng Tôi trong Mùa Hè đốt thuốc phiện để nuôi giữ chút lửa sống èo ụột, đời héo dần vì tự nhốt mình trong một quan niệm tình yêu tuyệt đối. Ông "hủy diệt tình cảm trong lửa đục, ngọn lửa ấy rực rỡ thiêu đốt hết sự thân ái có người muốn

mang tới, nó chói chang thành một nỗi cô đơn nóng nãy" (tr. 53). Tuổi trẻ ông chỉ tìm kiếm do đó ông đã quên sống và đồng thời đánh mất tuổi trẻ. Đến năm năm mươi tuổi mới tìm thấy hạnh phúc trong tình yêu vụng trộm với một thiếu phụ đã có gia đình. "Tôi (...) một tâm hồn mệt mỏi, một thể xác nghiện ngập yếu đuối. Chính tôi cũng không ngờ hạnh phúc lại đến trong một tình trạng như thế, nỗi hạnh phúc đột ngột tràn đến trong chúng tôi bằng những thôi thúc vô biên, những lượn sóng vỗ vấp như giữa biển khơi không thấy bến bờ, một thứ tiếng nói âm thầm chôn dấu ở dưới tầng đáy nào của cơ thể. (...). Ra khỏi thân nạng, tôi bàng hoàng kinh ngạc, không biết có phải chính tôi đã vừa đặt chân vào một miền đất lạ hoang vu, không biết có phải chính tôi vừa nhóm lên được ngọn lửa nồng nàn giữa khu rừng già mịt mù khô khan (...). Có thể nào điều tìm kiếm những năm hai mươi tuổi lại đến vào tuổi già lão chằng?" (tr. 53-54), "...một ngọn lửa nhỏ lửa hơi ấm trong cái con người đã kiệt quệ" (tr. 62) "Ngọn lửa ấy đủ ấm cho quãng đời còn sót và ngọn lửa ấy chỉ tắt khi tôi chết" (tr. 56). Nhưng cái hạnh phúc nhỏ nhoi ấy sẽ thoát khỏi vòng tay gầy ốm và nghiện ngập của ông khi người chồng đem vợ con đi làm ăn xa.

Trong Cuối Đường, một Hà Nội bị Tây chiếm đóng, Quang, kẻ tự thua hoàn cảnh, đi làm công an cho "kẻ thù", bị cộng sản bắt, khi trốn về được thì chỉ còn là một bộ xương trần truồng. "Tôi" nằm vạ, lăn trên cỏ trong nắng, đợi đưa đám Quang, tôi căm thù đời, và sẵn sàng sống đến cuối đường đời, đến tận cùng, đến chết!

Trong Buổi Sáng Ngoài Bãi Biển, Nghệ từ chối viết văn vì văn chương quá tham vọng "muốn chụp lên đời sống để sửa đổi nó" (tr. 90). Anh ghét lây nữ văn sĩ hẳn cho là họ "lên mặt đạo đức dạy đời" (tr. 93). Cũng theo Nghệ, tìm kiếm và chạy theo lý tưởng dù là văn chương, đều là không sống. Đành vui với những hạnh phúc bất ngờ, anh đi ngủ với một gái nhảy mặt rỗ ôm mộng thành ca sĩ. Phải chăng vì tình yêu mà anh ta đã giữ người vũ nữ ở lại căn phòng khách sạn thêm mấy ngày?

Tất cả đối với Thanh Tâm Tuyền đều vô nghĩa! Ông dùng văn chương qua Khuôn Mặt để kêu gọi mọi người trở về với cái vô nghĩa. Muốn vậy phải ý thức rằng cái thực không là cái đã được trừu tượng hóa, cái đã được lý tưởng hóa, đã có cái lý nhập vào. Khó là những cái đó đã trở thành những lý tưởng để con người sống theo, chạy theo mà không biết rằng tất cả đã thành những mảnh lực của cái chết và mọi người đều bắt bóng không ngừng nghỉ. Những nạn nhân của trừu tượng và mọi chủ nghĩa ý thức. Vô nghĩa vì nếu cứ theo luân lý chung và kinh điển, thì làm sao cắt nghĩa được chuyện Yên làm cách mạng đến khô héo thân thể, Isabelle xấu đi vì sứ mạng nhà văn và trong Khuôn Mặt đã ly gián những kẻ yêu nhau. Thanh vì muốn trung thành với một người biệt tích, đã tiêu hủy tuổi trẻ của mình và chạy trốn hạnh phúc trong cái chết, một cách phi lý - có thể hợp lý, một cách vật lý! Cũng trong truyện này một người con trai, nhân vật xưng tôi, bị đạo lý xã hội xâm đoạt tâm hồn, khiến anh không bao giờ dám hài lòng về mình. Ông già trong Mùa Hè đời héo dần vì tự nhốt mình trong một quan niệm tình yêu lạ đời, ám ảnh bởi kinh nghiệm hụt hẫng phi lý của lần lập gia đình năm hai mươi tuổi.

Người đàn bà văn sĩ trong Isabelle đóng kịch vai văn sĩ. Mới viết vài cuốn sách, được tặng bốc, được gán cho một cái nhãn, thế là bà tưởng bà đã là văn sĩ thật và lớn, bà ăn uống đi đứng như văn sĩ. Nhưng bà đang sống trong ảo tưởng, đang có sứ mạng và làm việc đó một cách lương thiện, bà nghĩ thế! Bà đẹp cái đẹp no và tốt lành, và lương thiện. Nhưng bên cạnh đó là một nhà văn xấu, mặt đầy những "nét gầy và góc nhọn", xương xấu, khô xác ra vì "sứ mệnh" làm văn! Hóa ra bà phản bội những ước muốn có thể của xã hội mà cả của bà. Làm văn là trừu tượng hóa, là ra lời. "... Muốn làm đàn bà hiền hãy sống hiền thực, đừng viết hiền thực, giả dối" (tr. 86). Cũng như Yên, người nữ cách mạng, ngược lép và cũng xương xấu như bà nữ văn sĩ. Viết văn hay làm cách mạng đều là tiểu thuyết hóa cuộc đời, đều từ chối sống cho thực tại vì cả hai đều có ảo tưởng, làm đẹp cho đời hay cứu rỗi người. Bên cạnh thế giới đó, Lưu trở về sống

cuộc sống cụ thể bên con kinh, muốn trở nên một người tuyệt đối không có lý, anh đã bỏ cách mạng, bỏ làm ăn và văn nghệ để trở về với một "cô Ba hiền khô", với con chó già, với khoảng đất sũng nước, v.v. - tức yên lặng và vô nghĩa, nhưng đều có thực, như là những chờ đợi đích thực.

Cuộc đời đơn giản và tự nhiên hơn! Đó là con chó già nằm phục bên cối đá, là tiếng hát người con gái giang hồ giữa khuya, v.v. Muốn sống thực, con người chỉ việc buông thả mình theo trọng lực của vật chất của thân xác. Đẹp là hình ảnh một Lưu bỏ thế giới giả tạo để trở về nơi con kinh, là ông giáo già độc thân quên lý tưởng và lý thuyết trong tay một người đàn bà lơ đãng. Hay như Thanh khi tỉnh dậy trong nhà thương, lần theo tay người yêu mà tìm lại mình, tìm lại thân thể thật của mình, "tôi sung sướng cử động mấy ngón chân" (tr. 127). Như Quang chấp nhận đi làm công an để giúp đỡ gia đình.

Những hạnh phúc và hình ảnh đẹp đó rất mờ nhạt và hiếm hoi trong Khuôn Mặt: Thanh sẽ chết, ông giáo già không thêm một lần may khác, Lưu thật ra chỉ là kẻ chiến bại sống tạm bợ những ngày cuối cùng của mình. Họ như tìm ra chân lý quá trễ tràng. Trễ, nhưng có thật và chứng minh thêm rằng hạnh phúc là điều có thể. Ông giáo trong Mùa Hè nói với người yêu: "hạnh phúc sẽ tới, hạnh phúc ấy có thật, không phải viễn vông như anh đã tưởng. hạnh phúc thế nào cũng gặp..." (tr. 54). Những hạnh phúc "tình cờ" của hôm nay, như những cách thể hiện hữu! Người quân nhân trong Buổi Sáng Ngoài Bãi Biển quan niệm "những anh chàng yếu đuối mới cần ái tình làm chỗ trốn thân phận", do đó anh thụ hưởng cái tình chợt đến với cô vũ nữ, thích thì giữ cô ả thêm vài ngày. Hạnh phúc nếu có, anh đã có phần đóng góp!

Đó cũng là cái bi đát của cuộc đời hữu hạn! Nhân vật của Thanh Tâm Tuyền tự tra vấn, dám nhìn thẳng và nói thẳng với đồng loại như Quang với Lưu trong Isabelle : "Tôi nghĩ cái tội của mình đối với chính mình là chúng ta đã dùng đời chúng ta để tạo thành tiểu thuyết trong khi sống. Chúng ta muốn đời chúng ta phải là một câu chuyện có thể kể được mà chính ta là nhân vật chính. Bởi thế chúng ta không sống, chúng ta chỉ luôn luôn tự hỏi phải sống như thế nào? Phải sống như thế nào là chẳng sống gì cả" (tr. 39-40). Thảm kịch làm nhân vật hay làm người thực hữu, cũng như lý luận về con người và làm người! Cái chính cuối cùng rồi là chính sự có mặt, là sự lên tiếng, thay vì chỉ là những lý luận siêu hình suông, những định nghĩa phi lý cuối đường lý luận!

Cái luân lý làm khổ nhân vật tiểu thuyết của Thanh Tâm Tuyền chính là ý thức hệ cộng sản, đã chối bỏ vì di cư vô Nam, nhưng cái luân lý đó đã xâm chiếm con người. Ý thức hệ đó đã đến làm rối loạn những người thanh niên như hấn trong Khuôn Mặt. Họ bị tố cáo là có tội, là không lương thiện, là khả nghi, không vô tội. Và họ trở thành tất cả vô nghĩa, vì lương thiện căn bản đã mất, con quỷ đã hiện ra nơi cửa thiên đàng chỉ cho họ thấy sự thật trơ trẽn của họ. Để thoát ra khỏi vòng vây ý thức hệ đó, họ đành phải tố giác bóng tối và gian xảo. Thế giới bây giờ hiện ra như dở dang, cần hoàn thiện và con người trở về với một thức tình nguyên ủy lên án tất cả mọi ý thức hệ làm vong thân hóa con người, mọi sức mạnh đã cáo buộc con người vô có! Như Thanh trong Khuôn Mặt. Như người con trai nhỏ tuổi hơn nàng thô bạo góp phần đưa đến cái chết cho nàng. Nhân vật của Thanh Tâm Tuyền ngừng ở đó, ở ý chí và sự tố cáo, vì phần lớn họ chấp nhận cuộc đời sau một hành trình gian nan và có khi cô đơn. Nhân vật của Thanh Tâm Tuyền gần với nhân vật của Nguyễn Đình Toàn, ý thức chín, tự tin, nhưng ửng thuận chứ không nổi loạn bị quản như nhân vật Dương Nghiễm Mậu. Dĩ nhiên sau một hành trình ý thức gai góc, đi tìm để trả lại ý nghĩa nguyên thủy bất động cho sự vật. Nhân vật của Thanh Tâm Tuyền tự đảm nhận cái hiện sinh của mình: "Tôi" trong Cuối Đường đã mắng nhiếc Tuấn bắt nhân khi bỏ mặc gia đình túng thiếu để chạy theo những cao vọng lý tưởng cho mai sau.

Dọc Đường

Một buổi chiều cuộc chiến, nơi một vùng đất đỏ vườn cao su. Có những người dân sống hiền lành thanh thản và một người thanh niên từ xa đến nói là để tìm người thân. Đêm đã ập xuống, tiếng trực thăng đến gần, thả đạn, và hắn vẫn chưa xin được chỗ trú. Dọc Đường là những cảnh cuộc đời nhỏ, ô trọc, những mảnh đời thường nhưng đầy hoài nghi và bất trắc, và một cuộc kiếm tìm gần như phi lý, từ xa đến, không biết thuộc phe nào, mưu đồ gì, người thân hình như ở đó và không một chuẩn bị cho đêm. Một kẻ lữ hành đúng nghĩa, một gói bọc giấy dầu làm hành trang vô vọng, lối độ đường, bị chối từ. Bơ vơ dọc đường, nhìn vào những mái nhà ánh đèn có leo lét nhưng chắc ám cúng hơn, "người" hơn. Hắn có thể là bất cứ người nào, bơ vơ, lạc lõng trước và trong cuộc chiến. Cuộc chiến tranh khiến con người dù vốn chân chất nhất cũng mất hết tâm hồn, lòng thương người.

Con đường thẳng, không điểm tận, bao kẻ lữ hành vẫn chưa đi được hết. Hoặc bất cứ đâu cứ nghĩ chân là điểm đến. Hãy tưởng tượng những con đường như thế trên mặt đất, với những kẻ lữ hành hay lang thang, hành hương hoặc cố lết trên đó. Và những hội ngộ bất ngờ, những tai nạn và rủi ro, như những con số. Nơi hội tụ là một quán nhỏ bên đường, thường được xem là nơi nghỉ chân, trú ẩn, nhưng khi màn đêm buông xuống thì quán "phải" trở lại vắng lặng, không thể chứa tạm cả kẻ lữ độ đường. Nơi đó có ba gã đàn ông đánh cá nhau về những chiếc xe trên quốc lộ, họ làm chứng nhân cho những cuộc lữ hành, những người đi làm lịch sử, có thể chính họ làm lịch sử - nhưng với những con số và may rủi. Nhưng người đàn ông không tên ấy biết đến đó làm gì, để gặp thẳng em, người thân, tình thân gia đình, cứ xem như là cứu cánh cuộc đời, nhưng gặp thẳng em để làm gì thì hình như không ai biết, mà biết để làm gì. Đây là nội dung truyện ngắn dùng làm tựa tập truyện, cũng là truyện tiêu biểu về bút pháp và nội dung - từng chi tiết và đối thoại đều có ý nghĩa đúng chỗ của chúng.

Những truyện còn lại là những mảnh rời về con người và cuộc sống. Tư là chuyện cô gái làng chơi trẻ, không đẹp nhưng có lúc biết buồn và biết yêu, bắt chọt (Tư thấy yêu đương bỗng bột, tr. 20) một chàng tên Phương, rồi cô nhưng bỏ lại cái ví, vật trở thành kỷ niệm cho Tư ("... từ bây giờ Tư đã có kỷ niệm. Tư đã có dĩ vãng để mỗi lần muốn nhớ, Tư có thể gọi ra được" tr 25). Người Gác Cổng thì thua bạc, rình xem một cặp trẻ tình tự, cho họ thuê phòng và nửa đêm lão Chà nổi cơn tán tỉnh cô gái, và bị gã tình nhân dùng thanh sắt đập ngất đi. Trên Mây kể chuyện giới vũ nữ và một phi công tên Hội và Chim Cú là chuyện một cô gái tên Huệ trong một xóm lao động.

Tiếng Động (1970) được tác giả ghi là truyện tình chỉ gồm hai chương. Truyện mang hình thức trích đoạn của một tập nhật ký và vài lá thư tình lãng mạn. Nhân vật rất thu gọn, chỉ có một nhân vật xưng Tôi và một vài bóng dáng gặp gỡ trong cuộc sống cùng mẹ con hàng xóm nhìn qua khe vách. Một loại Cuồng nhân nhật ký của Lỗ Tấn hay Gogol. Hiện đại hơn dĩ nhiên với quan niệm khắc kỷ kiêu căng (narcissism) kiểu ??? "Tôi mắc chứng tật nguy hiểm" (tr. 58). Một con người cuồng, tự thỏa mãn về nếp sống vật chất cũng như tình dục, chỉ hài lòng với những khuôn mặt đã quen và với những tiếng động than thuộc khu xóm. "... Anh bỗng nghĩ đến nếu một buổi nào anh giật mình thức giấc và quanh anh lặng lẽ tuyệt tích mọi tiếng động, anh sẽ kinh hãi đến chừng nào. (...) Anh hiểu đời sống chính nằm trong sự khua động mỗi ngày, khua động không ngừng nghỉ cùng với người và vật ở quanh mình" (tr. 132-133). Người sống trong vỏ ốc thường ham triết lý suy tư! Ngoài thế giới của hắn, hắn không cần ai khác, hắn "mất tích" đối với mọi người và mọi người cũng "mất tích" đối với hắn!

Cát Lầy (1967) là đời sống và triết lý sống của một số thanh niên năng nổ lý luận muốn và phải làm cái gì có ý nghĩa cho cá nhân và tập thể, nhưng sống vào thời đảo chánh như cơm bữa ở miền Nam, họ đã đi từ thất vọng đến tuyệt vọng, cuối cùng là những cái tự chết phi lý như của Diệp, của Trí, nhân vật xưng Tôi, như những tình cờ dựng không xảy ra!

Một Chủ-Nhật Khác (1975) có thể xem là tiểu thuyết cuối cùng của Thanh Tâm Tuyền đã được xuất bản. Nhân vật trí thức hoặc du học ở Pháp về, nhập ngũ sống đời chiến tranh. Kiệt sống bất thường, ngoại tình như điều nên làm, có lúc tự nhận sa sút tinh thần (tr. 17), sau rõ ra bị tâm thần, phải vào dưỡng trí viện. Nhân vật nữ tên Ly thì bị bệnh ám ảnh (schizophrénie), có những cơn hôn ám mê cuồng, nhưng sống buông thả khi khác! Những Kiệt, Thùy, Duy, Nghiêm, Ly, Hiền, Oanh, .. những con người Việt Nam sống trong âm nhạc cổ điển Tây phương và phim ảnh Âu Mỹ! Và họ đã gặp nhau vào một ngày chủ nhật có thể có thật, khoảng sau những trận chiến khốc liệt của mùa Hè 1972! Kiệt là người đã nghĩ rằng "con người ta cũng chỉ là loài thú quen sống bầy. Chàng rời chốn ẩn núp lẻ loi đi tìm đồng loại để được che chở an toàn.." (tr. 22), nhưng chính chàng lúc bệnh điên trở nặng đi lang thang trong rừng để bị đồng ngũ bắn chết, một cái chết nhiều câu hỏi nhưng không trả lời!

Ba Chị Em gồm 3 vở kịch, hai vở kia là Bão Rớt và Cửa Đêm. Thu, Nguyệt và Hương, ba chị em mà như ba kẻ lạ với nhau, trong tương quan với người mẹ. Liên hệ và tình cảm mỗi người con là một thế giới riêng, nhiều khúc mắc. Hương thương tất cả người thân nhưng "chưa bao giờ con giám thương con cả. (...) Tôi không giám thương tôi, không giám nghĩ đến tôi và tôi đau khổ. (...) Tôi không được quyền sống với chính tôi, người ta nghĩ về tôi thế nào thì tôi phải sống như thế sao?" (tr. 12). Hương, "đưa con gái hiền lành ngoan luôn luôn nghĩ đến hạnh phúc của kẻ khác đã ngoại tình. Vì tôi muốn người ta không thể bắt tôi sống theo ý nghĩ cố định của người ta, dù phải giá đắt, cái chết, tôi vẫn làm" (tr. 13). Thu xưng tôi với mẹ và khinh thường mẹ đã không là người đàn bà chung tình. "Tôi là con mẹ, tôi thương mẹ nhưng nhất định phải khác mẹ. Tình yêu bất lực gây ra thù hận và trong thâm tâm càng thương nhau đau đớn" (tr. 15). "Người đàn bà phải chung thủy với một người. Tôi đã chọn làm người để chung thủy, lỗi ở tôi, tôi gánh chịu nhưng tôi không phản bội chân lý tôi tìm thấy" (tr. 16). Nguyệt bỏ nhà ra đi khi 18 tuổi và trở về với tên Cẩm Vân. Nhưng cả đều rơi vào tay một tên đàn ông mà không biết, chồng Thu, người chị cả, tình nhân của Hương cô gái út và là người đã quỳ xuống chân Nguyệt "... nếu không yêu anh thì em hãy giết anh để anh được chết trong tay em" mà nàng vẫn xem như "một bãi đờm" (tr. 20). Doãn Quốc Sỹ, Trần Lê Nguyễn, Thanh Tâm Tuyền, là thời của những lý tưởng chính trị, nhắm hành động, dần thân. Họ đóng vai chính trong vở kịch, diễn lại phần nào đời họ qua văn chương, phần tinh yếu nhất, chôn kín nhất. Vở kịch Ba Chị Em của Thanh Tâm Tuyền cũng là bi đát của thế hệ ông, những nghịch cảnh ở buổi giao thời kháng chiến, đi ở, bắc nam, vùng kháng chiến vùng tề,.. Ba Chị Em kịch độc thoại hay kịch về con người thời đại cô đơn mất niềm tin nơi tha nhân, kể cả người thân và người yêu, mất cả tự tin. Nhân vật như quen thuộc nhau, nhưng vẫn đóng kịch, đối thoại của họ như căn cứ trên cái gì đó như có đó. Người vắng mặt ... Không ngạc nhiên trước những tiết lộ tưởng là bất ngờ!

*

Thanh Tâm Tuyền khởi đầu sự nghiệp viết văn khi ông di cư vào Nam. Một thanh niên nơi vùng đất mới, xa quê hương và người thân, bạn bè. Mất hết. Những nan đề tại sao và tại sao. Bị cú bất ngờ, phải lựa chọn sự sống còn. Ở bước khởi hành, họ đã bị cáo. Như lời ông viết trong Tựa tập Bếp Lửa: "Hắn lớn lên cùng bè bạn, vượt qua mau tuổi trẻ để suy nghĩ và mơ ước hành động. Mỗi đứa một lối lẩn mình theo mỗi cảm dỗ lớn lao của hư vô..." vì họ đã "tìm thấy cuộc hiện sinh tự do và lựa chọn" với Sartre. Và ông đã lựa chọn làm nhà văn vì "mỗi nhà văn chính là một kẻ sống sót" khơi từ "Cái chết lựa chọn không bao giờ phi lý, nó sẽ làm nảy sinh sự thật, sự thật của những người chết truyền lưu cho kẻ sống sót" (Bếp Lửa, tr. VII).

Cái chủ đề của Thanh Tâm Tuyền là nói lên sự vô nghĩa nguyên ủy của sự vật. Để đạt mục đích đó, ông dùng ngôn ngữ để phá hủy ngôn ngữ: trong các tiểu thuyết và truyện ngắn, nhân vật của ông phó mặc cho dòng đời trôi, sự việc qua, có khi họ không tin đã thấy sự việc sự vật, như Nghệ trong Khuôn Mặt chứng kiến một người đàn bà thò tay lấy bút máy trước mặt nhiều

người trên xe buýt, anh tự nhủ "chỉ thấy những bóng ma". Như Meursault xa lạ đến quái đản thì nhân vật của Thanh Tâm Tuyền tuyệt đối sống ngoài ngôn ngữ của con người. Thanh Tâm Tuyền cũng là người dẫn đầu với thơ tự do, đưa đến khủng hoảng của ngôn ngữ, thơ tự do đã là một công trình phá vỡ ngôn ngữ và văn hóa!

Con người chạy theo hạnh phúc nhưng trước hết phải đảm nhận trách nhiệm đối với chính bản thân, tự do hay dân chủ chỉ có khi mỗi cá thể tự đảm nhận và tôn trọng tha nhân, phải sống đầy đủ và trọn vẹn cái hiện sinh của mình.

- Thanh Tâm Tuyền có cái nhìn lạnh lùng, thân nhiên có thể vì thiếu tự tin thật sự dù đã tỏ ra dứt khoát và tự tin. Trong những truyện như Thềm Sương Mù đăng trên Sáng Tạo số 4 (b.m. 10-1960) nhưng sau không thấy in lại, cho thấy một thái độ coi thường những căn bản luân lý cũ, một biểu lộ tình dục bất thường!

- Thanh Tâm Tuyền tỏ ra dứt khoát trong sự lựa chọn bó buộc một bên là ý thức hệ cộng sản, một bên là tự do dân chủ. Con người tự do, tự tin, không nhìn lại quá khứ, chối bỏ đàn anh. cộng sản là ý thức hệ có hấp lực vào thời đó, thuyết hiện sinh cũng phát xuất từ một gốc nhưng không đủ hấp lực bằng, có thể vì không viễn tượng và chương trình ! Trong Khuôn Mặt đầy những suy nghĩ của người trẻ tuổi trước lịch sử và đất nước. Đề tài Hà Nội thời tạm chiếm và những thanh niên trước ngã ba đường (Bếp Lửa và những truyện Đại Lộ, Isabelle trong Khuôn Mặt).

- Không thiếu thốn vật chất, nhưng tinh thần trống rỗng, những giấc mơ Hà Nội đổ vỡ, vắng thiếu ý nghĩa cuộc sống và hành động. Nhân vật trong thế giới tiểu thuyết của Thanh Tâm Tuyền tự kỷ, ái kỷ đôi khi đến bệnh hoạn, muốn phá hủy tha nhân, trở nên nguy hiểm vì chúng biết hóa trang, nguy tạo! Bên cạnh có nhân vật đã dám chân thực, dù bị cáo buộc. Chân thực để tìm lại cái vô tội nguyên ủy, cái vô nhiễm nguyên sơ, thời mà ngôn ngữ chỉ là xáo, không cần thiết. Yên lặng nguyên ủy. Không lý trí, không ý thức hệ cũng không tư duy. Không cần cả có bị lịch sử đè bẹp hay vượt qua! Nhị nguyên xuất hiện và thế bí đến với con người. Nơi nài có lý và ngôn ngữ thì không thể có thực thể và phi lý, phải là con người lịch sử thì phải bỏ rơi con người muôn thuở! Thành ra đa phần con người sống theo lý và lịch sử, muốn yên, đã phải "nín thở qua sông", giả tự nhiên và giả lương thiện - do đó đã phải xa vườn địa đàng, như Hòa trong Bếp Lửa, Quang trong Cuối Đường (Khuôn Mặt). Thanh Tâm Tuyền qua Bếp Lửa và Khuôn Mặt đã chấp nhận làm một con người gãy đổ, sống với chân thật, kể cả tự vạch mặt !

Cái xấu cũng là cái dễ yêu, như trong cuộc đời đầy buồn nôn không có gì là lạ, là phải bất ngờ. Hấn gần người con gái đêm trước phẫn sấp làm cho dung nhan tạm được, và cũng hấn sáng hôm sau tỉnh táo hơn nhưng nghiêm chỉnh hơn, hấn nhận ra cái hấn ư, cái xấu của người con gái: ".. ánh nắng lộ liễu của nửa sáng chiếu vào phòng đã phô ra trước mắt tôi một con người khác đêm trước. Tôi hơi ngạc nhiên nhưng không thất vọng. Cái mặt rỗ của Hợi làm xấu hấn đi nhưng tôi ư cái xấu đó, cái xấu làm cho người ta trở nên tầm thường hèn mọn và dễ yêu hơn" (BSNBB, tr. 92). Cái phải-dễ-yêu giữa những người thân, như một tất nhiên!

Thanh Tâm Tuyền đã chứng tỏ tài đi sâu vào tâm trạng nhân vật, cả con người nói chung, có khi cầu kỳ khó hiểu. Nhân vật trong tiểu thuyết của ông luôn lạc loài, cô độc, đầy hoài nghi tư duy và tiêu cực hành động. Ngay từ Bếp Lửa, nhân vật đã già sớm thường trực ước mơ hành động. "Hấn lia bỏ quê hương, chia tay với bè bạn, dẫn mình vào lịch sử, đuổi theo giấc phiêu lưu của trí tuệ... (tr. 11). Nhân vật của ông đã đem cái hoài nghi và niềm tin gãy đổ của con người Hà Nội thời kháng Pháp cuối vào miền đất mới Sài Gòn, xuống Vũng Tàu, lên Đà-Lạt, qua Thủ-Dầu-Một, ... mất niềm tin nhưng cao ngạo và rơi vào bi đát của ám ảnh bệnh hoạn ở những tập tiểu thuyết cuối. Từ làm dáng trí thức đi đến bi quan trước thực tế cuộc đời, nhưng Thanh Tâm Tuyền luôn có ý muốn lột trần lịch sử và thực chất con người qua thế giới nhân vật

riêng của ông. Về thơ, dù không là người khởi xướng và không thành công về thơ, nhưng ông đã đẩy thơ tự do tiến bước. Thanh Tâm Tuyền đã để lại cho văn học thời 1954-75 những tập tiểu thuyết với những nhân vật tiêu biểu thời đại./.

Chú-thích:

* Các trích dẫn từ các ấn bản Sài Gòn: Bếp Lửa (Sáng Tạo, 1965), Khuôn Mặt (Sáng Tạo, 1964), Dọc Đường (Sáng Tạo, 1966), Cát Lầy (Giao điểm, 1967), Tiếng Động (Hiện đại, 1970), Mù Khơi (Kẻ Sĩ, 1970); ấn bản California : Một Chủ Nhật Khác (Culver City, CA: Văn, 1983).

(6-1999)

Phụ đính I:



Người gác cổng - Ông ánh hư ngụy - Le Poète Maudit
Giải đề: Chữ trình còn một chút này - Tư - Đại lộ - Isabelle

Người gác cổng

Lão Chà nhìn thẳng Sáu; cái môi dưới của hắn trề xuống dày và đen, cặp mắt khiêu khích, bộ ngực để trần nhập phòng theo hơi thở. Thằng Sáu hỏi:

- Bất không tía?

Lão Chà vẫn điều thuốc, tay hơi run rẩy. Lão vừa đặt điều thuốc liệng trên môi, thằng Sáu đã lần cái quẹt máy lặn trong cặp quần, chòm qua chiếu bài, hắn ngồi đối diện với lão Chà, bật lên châm thuốc cho lão nhìn sát vào mặt lão một cách vũ phu:

- Con châm lửa cho tía môi tía bất nghe tía.

Hơi thuốc khét lẹt, lão Chà cúi xuống nhìn vào đồng tiền giữa những lá bài bừa bộn, ván bài thật lớn. Thằng Sáu tổ cạ lảng của lão hai trăm bạc; thằng Tám và thằng Bông đã bỏ từ lá thứ tư khi thầy Hai - thầy thư ký trong hãng sửa xe mà lão Chà làm gác dang, thằng Sáu thằng Tám và thằng Bông làm thợ máy - kéo lên một đôi đi mới đi năm mươi đồng; lá thứ năm rút lên thầy Hai bỏ vì thằng Sáu đánh quá mạnh, chỉ còn lại một mình lão Chà với hắn. Lão Chà tính rất mau trong đầu, bốn lá bài mặt của thằng Sáu không có đôi nào hết và lớn nhất là con đầm rô, tẩy của hắn đúng là tẩy ách nên hắn theo để mua lấy một đôi, trong khi bài của lão đôi đầm trên mặt và tẩy đầm, hắn chỉ còn một nước sinh tử là đồng hoa. Lão Chà đếm bài của địch thủ: tám rô, mười rô, bồi rô, đầm rô, nhưng bài của lão chưa ván nào được như ván này: ba đầm. Lão quyết định không thể bỏ được; lão mang hết hy vọng và chọi nhau với thằng Sáu. Lão ném điều thuốc ra sân, gạt đầu rồi đẩy tiền ra giữa chiếu bạc, mặc những tiếng lao xao xung quanh. Con bài tẩy của thằng Sáu lật lên: ách rô, chiếu bạc ồn ào, thằng Sáu vợ tiền cười một cách đắc chí trong khi lão Chà đứng dậy chán nản mệt mỏi hết sức:

- Để tôi ra coi chừng ngoài cổng cho mấy người chơi.

Lão Chà bước khỏi vài bước nghe thằng Sáu nói:

- Tía tôi chịu không thấu mà.

Một sự giận dữ nổi lên tiếp theo là cơn dâm dục trong thân thể lão già, lão nhấc chân nặng nhọc khó chịu, đầu cúi xuống lúi thủi như một con chó thiến; lão thua thằng nhỏ một cách cay cú, ván bài hên nhất của lão trong suốt buổi tối gặp đúng ván bài hên nhất của thằng nhỏ, lão chửi thề cho đã nư giận. Chợt lão dừng lại giữa sân si măng bên cạnh một vòi nước, sau lưng lão là phòng thường trực của ga ra chỗ đánh bạc, bên mặt là dãy nhà chứa xe lù lù những dáng xe cam nhông, cuối dãy gian phòng nhỏ chỗ ngủ của lão trong xưởng. Lão mở vòi nước lom khom lấy tay vỗ nước lên mặt, bàn tay đầy đặn nhưng răn reo vuốt làn da mặt nhờn chạm vào hàm râu cứng đã hoa râm: đáng lẽ không nên bắt ván bài ấy, nó mời lửa cho mình mà mình không nhận ra nó nóng lòng muốn ăn. Không phải. Biết là thua lão vẫn phải đánh, thà thua còn hơn phải bỏ ba con đằm. Lão tiếp tục con đường ra cổng với cơn say chưa tỉnh của thân xác, thò tay vào túi quần sờ thịt mình, cuối cùng lão lấy cả hai tay ra ván thuốc, điều thuốc khét lẹt và lão liệng ngay xuống mương. Lão Chà kê ghế ngồi tựa lưng vào tường dưới mái hiên cong hình vòng cung thụt vào trong xưởng. Đó là một buổi tối cuối mùa mưa ở Saigon, trời chuyển cơn cả buổi chiều, lão nhìn lên trời thấy một vầng trăng úa với một hai ngôi sao chập chờn lúc hiện lúc mất. Trước mặt lão là dãy phố sang trọng, hàng rào cây cối um tùm, lão không thể đoán lúc ấy vào mấy giờ. Lão vắn điều thuốc lá thứ ba hút một hơi rồi liệng như hai điều trước, miệng lão khô gầy gầy muốn ói. Theo thói quen lão biết lão sắp ngủ ngồi cho đến nửa đêm sẽ thức giấc và khi buồn rầu lão gọi lại mối hạnh phúc độc nhất trong đời lão. Lão Chà nhắm mắt lại, lão đã sống ngoài năm mươi năm, trí tưởng tượng già nua bắt đầu vận động, ngót ba mươi năm bỏ xứ sang Việt Nam kiếm ăn; hai tay lão thọc vào bụng dưới, những ngón tay cựa quậy mơn trớn, lão thở những hơi dài, lão không thể nào nhớ lại mùi dầu thơm xức trên tóc, trên cổ, trên gáy, trên vành tai của con đàn bà; lão đang nghĩ thấy chính trong hơi thở nóng của mình, mùi da thịt của chính mình, mùi da đen "chà và", mùi mấy mươi năm chặt vật khốn khó bám chặt ở lỗ chân lông không tắm sạch. Có lẽ cho đến chót đời, lão chẳng còn được Thượng Đế ban cho hạnh phúc ấy lần nữa, lão chỉ được một lần và cố giữ lấy nhưng trí tưởng tượng mỗi mòn mỗi ngày mỗi làm lão xa dần báu vật, một ngày nào đó nó chỉ còn là một ý nghĩ khô khan của trí nhớ mà thôi. Gió bỗng lay động mạnh mẽ những cành lá ngoài trời, đầu của lão nóng bừng trong khi tóc rối bù lên; lão đang cố hình dung lại con đàn bà đã ngủ với lão và làm cho lão tận hưởng một sự sung sướng tràn trề trong cái hành động tội lỗi mà Đấng Tối Cao ban xuống cho muôn loài để bắt chúng trở về với Ngài; chưa bao giờ được như thế và không bao giờ được như thế nữa. Lão Chà thở dài trút hết nỗi ám ức đè nặng trên lồng ngực. Lão thấy mình đương quỳ xuống dưới chân của con đàn bà còn trần truồng ngồi trên giường buông thõng chân xuống đất, lão đọc một đoạn kinh Koran kính dâng Thượng Đế và nắm lấy tay ả tỏ lòng biết ơn, ả kinh ngạc không hiểu, ả chỉ là một gái giang hồ lúc nhúc hàng bày trong thành phố và lạc lõng trong những kẹt hẻm tối tăm; nhưng ả cũng vuốt tóc lão trong khi lão để cho những giòng nước mắt ứa ra từ trái tim rất hiếm hân hoan rục rờ... Lão Chà thiếp ngủ. Lão thức giấc, mưa đang lớn và lão ngồi vắn thuốc hút, hơi thuốc êm êm làm lão tỉnh ngủ. Hút xong điều thuốc, lão chợt nhớ tới bọn đánh bạc ghé mắt ngó vào trong xưởng: ngọn đèn sáng trưng, bốn người vắn quây quần sát phạt không nghe thấy tiếng nói, nước xối trên mái tôn, họ cử động chập chạp như đang mê ngủ. Quay ra lão Chà bắt gặp một đôi trai gái ngồi trú mưa phía trong kẹt tối của hàng hiên, đưa con gái ngược mắt nhìn lão chừng muốn nói điều gì lại thôi, lão mỉm cười rồi trông ra lộ mặc cho chúng tình tự. Đưa con gái mới chừng mười sáu mười bảy tuổi, vận áo bà ba màu xanh lơ, khuôn mặt dễ thương, cặp môi hồng nũng nịu, mắt sắc có đuôi, tóc nó bị ướt và rối, tay nó cầm một gói giấy đưa cho đứa con trai. Thằng này, nét mặt hung ác, quần áo chải chuốt có lẽ đó là đồ mặc đi o mè, bàn tay thô kệch chừng là dân thợ thò vào trong gói giấy bút một trái nho để vào môi đứa con gái. Lão Chà giật mình, đứa con gái đứng bên cạnh lão nói:

- Chú ăn với tụi tôi chơi.

Giọng nói ngọt hơn cả nho tươi, môi của nó chìa ra duyên dáng. Lão Chà không từ chối, lượm mấy trái đã rụng và lúng túng trong miệng:

- Cám ơn em.

Con nhỏ thông thả về chỗ ngồi, hai đứa trẻ chiếc áo mưa nhà binh trên sàn gạch, và thềm thì với bờ của nó. Lão Chà ăn hết mấy trái nho thì thằng này tới gần mời lão hút thuốc lá, hẳn lấy túi áo trên một gói thuốc Lucky, nhưng lão bảo:

- Qua hút thuốc vắn.

Thằng nhỏ tỏ vẻ không bằng lòng, lão nhìn cái dáng bước khuyhnh khuynh của nó và tiếng giấy để da nện trên sàn gạch làm lão khó chịu. Lão hỏi:

- Mấy giờ rồi em?

- Mười hai giờ - giọng nói của thằng nhỏ thật ngọt ngào.

- Chú cho tụi tôi ngồi đây đợi hết mưa nghe - đứa con gái lên tiếng như muốn dàn hòa - mưa dữ quá.

- Được các em cứ ngồi đó.

Lão Chà vắn thuốc và ngó mông về cuối phố. Một lát lão thấy trời hơi hửng lên nhợt nhạt như sắp sáng, mưa vẫn dai dẳng lẫn tiếng rầm rì của đôi trai gái. Canh bạc vẫn tiếp diễn ở trong xường thỉnh thoảng vọng ra tiếng nói lớn của thằng Sáu.

- Đứng anh, tiếng đứa con gái.

Lão Chà quay nhìn thấy đứa con gái trở tay về phía mình, né mặt tránh sang một bên, trong khi thằng con trai đang muốn hôn nó. Thằng nhỏ ngoái cổ trông lại phía lão và lão mỉm cười với tia mắt của đứa con gái một cách đồng lõa, thằng con trai cũng toét miệng ra cười. Lão quay mặt đi mặc cho bọn nhỏ tự do, lão nghe thấy chúng nút lưỡi nhau liên hồi, lão nhắm mắt lại muốn ngủ nữa nhưng đầu óc thì bay lượn quẩn trong cái hàng hiên tranh tối tranh sáng. Lão ngồi im khoanh tay trước ngực không dám cựa cựa và lắng nghe hơi thở dồn của đứa con gái mặc áo xanh. Trong một khoảnh khắc, lão rơi hẫng vào chỗ trống không vô tận, choàng mở mắt. Hình như đã lâu lắm rồi: mưa coi bộ còn lâu, bọng đánh bạc chưa chịu thôi, đứa con gái đã nằm gối đầu lên đùi bờ của nó. Thằng này ngồi tựa lưng vào tường quay về phía lão nhưng cúi mặt xuống không cần biết, nó hôn hít đứa con gái ngửa mặt nhìn nó và tay thì vuốt ve khắp thân mình bạn làm cho con nhỏ nhiều lúc không tự chủ phải vặn mình níu chặt lấy cánh tay nó. Lão Chà nhìn trần trời cảnh ấy có chừng đến năm mười phút, lão tưởng nghe được tiếng kêu ù ù nén trong bộ ngực chập chờn trước mắt. Thốt nhiên đứa con gái nhồm dậy, trông thấy lão Chà đang nhìn, nó e lệ vuốt lại mái tóc; thằng bờ thì đứng lên hút thuốc với vẻ thản nhiên.

- Mưa lâu quá chú há - đứa con gái nói với lão Chà như muốn xin lỗi chữa thẹn.

Lão Chà mỉm cười, một nụ cười biết ơn, mà thằng bờ không trông thấy.

- Buồn ngủ quá, làm sao mà về được - câu nói bằng quơ nói cho Lão Chà.

Lão chậm rãi hỏi:

- Các em có cần nằm cho đỡ mệt qua cho mượn chỗ nằm, ở ngoài này mưa tạt ướt ráo.

Thằng nhỏ vức vội điều thuốc còn một nửa, sẵn đón:

- Ờ, chú có phòng cho chúng tôi mượn đi.

Lão Chà lắc đầu:

- Không, qua cho các em mượn chứ không cho mượn. Qua mền các em qua cho các em mượn.

- Chú tốt quá xá.

Lão Chà ghét cái bộ mặt hờn hờ của thằng con trai không thềm ngó, đứa con gái thì cúi gằm không muốn ngừng lên. Lão chờ đứa con gái lên tiếng, lão sẽ từ chối thôi không cho mượn nữa, nhưng nó im lặng một cách khó hiểu.

- Ở đâu chú? Thằng nhỏ nắm lấy tay lắc hỏi.

- Trong ga ra.

Lão dẫn hai đứa nhỏ men theo mái hiên vào gian nhà gác của lão, hẹp chỉ kê một ghế bố, một cái bàn gỗ thấp và bừa bộn ở số một đồng vật liệu hư. Lão dặn:

- Tắt điện đi không mấy người bên kia ngó thấy. Đóng chặt cửa lại, và chỉ qua kêu là mở thôi

nghe.

Trước khi ra khỏi phòng, lão Chà bắt gặp nụ cười miếng chi e then của đứa con gái. Dưới ánh sáng điện về khuya nước da nó trắng hồng và lấp lánh chiếc răng vàng nơi cửa miệng.

000

Lối hai giờ khuya, canh bạc tan. Thằng Sáu đánh thức lão Chà ngủ ở ngoài cổng dậy, lão hốt hoảng mở mắt thấy bốn cái bóng đen quây xung quanh lão vùng dậy tính chạy thì một bàn tay giữ chặt lấy cánh tay lão và những tiếng cười rộ lên.

- Cha nội mới hả?

Lão định thần nhận ra thằng Sáu đứng cạnh, lão chửi:

- Thằng mọi.

Thằng Sáu nhe răng cười bảo:

- Hôm nay tía cho con ngủ đậu đây nghe tía? Con thua hết tiền rồi.

- Đứa nào ăn, thầy Hai ăn thua? Lão Chà hỏi, nhìn thấy thầy thư ký đang dắt cái xe mô bi lét xuống đường đạp cho máy nổ.

- Huề. Tiếng xe nổ và rồi khuất dần ở đầu phố, thầy Hai về tận bên Khánh Hội.

- Thằng Bông ăn hết trội. Đêm nay nó tính ẵm tiền về cho con vợ nhỏ nó đó, thằng Sáu than thở.

- Bông, mày lót tay cho nó ít tiền nước để nó về nhà mày. Lão Chà bảo.

Thằng Bông cho thằng Sáu hai chục, thằng này bảo:

- Cho tao năm chục, tao còn phải ăn cơm mấy bữa kia.

Thằng Bông và thằng Tám đi rồi, thằng Sáu còn năn nỉ với lão Chà:

- Cho tôi ngủ đậu đây nghe tía? Về Thị Nghè xa quá.

- Tao không ngủ chung với mày. Mày có tiền về nhà đi cho rồi.

Thằng Sáu vừa quay lưng đi, lão Chà gọi:

- Mày vô tắt điện rồi về.

- Tía vô mà tắt lấy nghe tía? Thằng Sáu ngoảnh mặt lại nói xong hồi hả băng qua lộ.

- Thằng Mọi, lão Chà la lớn, mai tới mày coi tao. Lão nghe tiếng cười của thằng Sáu vọng ở lề đường bên kia.

Lão Chà đứng lên, mông và chân tê dại, lão đi cà nhắc vô xưởng. Qua cửa sổ phòng gác, lão dừng lại nhìn vào thấy hai đứa nhỏ co quắp ôm nhau trên ghế bố, chúng phải nằm nghiêng cho vừa; thằng con trai ở trần chỉ mặc một cái quần xà lỏn, đứa con gái tóc xõa rơi ra ngoài thành ghế. Lão đứng ngoài cửa sổ rất lâu cho đến khi nghe rõ hơi thở của lão quá mạnh và lão phải nén lại. Mỗi lần một đứa nhỏ cựa mình lão nép sang cạnh tường và ghé mắt rình theo cử động ở trong. Lão nghe thấy tiếng đứa con gái gọi:

- Anh ơi...

Thằng con trai ậm ừ vẫn ngủ say.

- Anh ơi, hết mưa rồi, về đi.

Không thấy thằng bồ trả lời, nó ngồi nhòm hẩn dậy và lay vào ngực. Lão Chà rón rén, bỏ đi qua sân, vào phía sau tắt điện và tắt luôn ngọn treo ngoài cổng. Cả xưởng tối thui, trừ khoảng sân si măng có một vệt sáng của điện ngoài lộ soi vào, lão Chà đứng tựa vào cột nhìn quanh trong bóng tối, thuộc lòng từng lối đi, từng chướng ngại trong khoảng rộng non hai mẫu ấy. Lão nghe tiếng nước nhỏ giọt và lần men theo tường ra phía vòi nước khóa chặt lại, lão rửa:

- Đồ mọi rợ.

Rồi lão trông thẳng vào cái cửa sổ tối thui, vênh tai nghe ngóng; đầu đây rón rén tiếng chân người. Lão noi theo tiếng chân ấy và bước tới, men ra phía cổng rồi lại trở vào qua phòng gác, chỉ thấy một mình thằng nhỏ ngủ như chết, xuống nhà chứa xe, tiếng chân bỗng im bặt, lão bước tới vài bước ngó quanh quẩn. Hốt nhiên lão nghe tiếng hỏi của đứa con gái:

- Chú đi đâu mà tôi kiếm hoài không thấy?

Lão quay lại, đứa con gái đứng đằng sau lưng. Lão Chà hỏi:

- Em chưa về?

- Nó ngủ say quá. Tôi về một mình, kiếm chú để cảm ơn.

Lão tiến tới gần con nhỏ, nắm lấy tay nó bảo:

- Tới đây qua cho coi cái này.

Không đợi nó trả lời, Chà lôi nó theo mình, nó không cưỡng lại. Len giữa hai thành xe cam nhông, nó cười rúc rích:

- Tối thui mà thấy cái gì?

Đạp nhằm vũng dầu nhớt, lão Chà suýt té làm con nhỏ loạng choạng, nó kêu:

- Buông tay tôi ra, trầy tay rồi.

Lão Chà đã tới sát tường, thả tay nó, lão leo lên cái thùng xe lớn, đặt trên cái bệ cao cả thước để rửa và lau dầu, lão ngồi chồm hồm chia tay bảo:

- Lên đây.

- Ở trên ấy? Con bé hỏi.

Lão gật đầu, nắm tay con nhỏ kéo lên, nó đánh đu và té vào người lão Chà trong thùng xe.

Nó chống tay ngồi dậy bảo:

- Đâu?

Lão Chà lết lên gần đầu máy và ghé mắt vào một kẻ hở của thành xe bảo:

- Ngó đây thấy hết cả ga ra.

Con nhỏ ghé dòm và cười vui thích, lão Chà cũng ghé sát vào cổ con nhỏ và bàn tay vụng về của lão ôm lấy vai con nhỏ. Trời ơi, tới lúc đó lão mới ngửi thấy mùi dầu thơm con nhỏ xức, đúng là cái mùi của hạnh phúc độc nhất trong đời lão. Lão ghì lấy con nhỏ nhưng nó cự:

- Em xức dầu thơm kỳ quá.

- Sịt, con nhỏ thúc cùi chỏ vào bụng lão, coi kìa.

Thằng bò của nó vừa ra khỏi phòng, mặc thêm cái áo thun, ngơ ngác kêu nho nhỏ:

- Em à, em à.

Con nhỏ ngừng lên ngó lão, chúm chím cười, con mắt rợn lên. Chà gục vào cổ nó hít và nhấc lại:

- Em xức dầu thơm kỳ quá.

- Chú muốn xức hả? Nó xô đầu lão Chà ra.

Nó lấy trong túi áo bà ba một cái ve nhỏ và xức cho lão Chà, ngón tay để móng nhọn của nó vuốt lên tóc lão chạm vào da đầu, xuống hai bên màn tang rồi xuống cần cổ, lão Chà ngây ngất với mùi thơm và cảm giác tê điếng. Xong nó lại cúi dòm qua khe hở, lão Chà làm theo nó.

Thằng bò từ cổng đi nhanh vào giữa sân đứng vào khoảng sáng, vẻ mặt sợ hãi, nó quay trước quay sau kêu:

- Em à, em à, chú Chà à, chú Chà à...

Con nhỏ lấy tay bịt miệng lão Chà sợ lão lên tiếng, bàn tay nó sực nức mùi dầu thơm, lão Chà ngo nguậy cái đầu cho hàm râu cứng cọ vào bàn tay mềm của đứa con gái: nó cố nín cười và tiếng cười nghẹn trong cuốn họng rinh rích giống như chuột. Thằng bò ngơ ngác một hồi, rồi quay trở vào phòng, con nhỏ ngừng lên nói với lão Chà:

- Để coi nghe.

Lão Chà ngồi bệt hẳn xuống ván và kéo ngã con nhỏ vào lòng nói:

- Em ở đây với qua nghe.

Con nhỏ vùng vằng nói:

- Tôi la bây giờ.

Nhưng lão Chà không thể buông mùi thơm ấy ra được, lão ghì riết lấy nó. Đến lượt lão bịt miệng nó, nó cắn tay lão cũng không tha nó nhay tay lão tưởng đến tóc máu, lão càng ôm chặt. Nó ú ớ thờ hào hên. Thằng bò bận xong quần áo đang bỏ đi, lão Chà nghe tiếng giày đế da của nó dạo mấy vòng quanh sân rồi ra ngoài cổng và rẽ về phía trái sang lộ. Lão buông tay bịt miệng con nhỏ, nhưng vẫn ôm nó ở trong lòng, lão cúi xuống cọ hàm râu cứng vào má vào cổ nó - chính con điếm ấy đã dạy lão rằng cọ râu như thế rất gọi tình - lão mặc cho nó cào cấu lão. Có lúc lão dứt cả cái cằm vào mồm nó cho nó cắn để nó khỏi la, trong khi ấy lão nói:

- Em ở đây với qua nghe. Qua khổ lắm, qua thương em lắm. Em lấy qua, qua sẽ đưa hết tiền cho em sai, qua thề không đánh bài, qua không uống rượu nữa. Em đừng bỏ qua, tội nghiệp

nghe em.

Lão Chà nói đi nói lại có chừng đó và không làm gì hết, nhưng lão cũng không buông con nhỏ. Lão nói thét tới chán nản muốn khóc, và con nhỏ nằm im và kinh ngạc. Lúc không nói lão bắt chước vuốt ve con nhỏ như hồi tối đã thấy thằng bò của nó làm trước mặt lão, nhưng con nhỏ chẳng xúc động chút xíu nào, nó nằm im như khúc gỗ dương mắt thao láo nhìn lão Chà. Nó sợ không cử động được.

- Em bằng lòng qua không? Nếu em không bằng lòng thì qua không ép em đâu, qua thương em thật tình mà. Thượng Đế không cho phép qua làm bậy, qua tuân lời. Em bằng lòng qua nghe em?

Thấy con nhỏ lắc đầu, lão vội nói tiếp:

- Em không thương qua thôi thôi, em cho qua vuốt tóc em vậy. Tóc em thơm quá. Em xúc dầu thơm cho qua như hồi nãy đi.. Thôi để cho qua xúc cho em vậy...

Lão móc túi áo bà ba lấy ve dầu thơm, run rẩy mở nút làm đổ hết lên người con nhỏ, ướm cả một khoảng ngực, lão úp mặt xuống đó hít đầy vào lỗ mũi, con nhỏ rung mình muốn đứng dậy nhưng lão níu xuống, lão làm bằm nói một mình:

- Trời ơi, không ai thương tôi hết. Tôi chết đi cho rồi.

Lúc ấy từ ngoài cổng lại nghe tiếng giầy của thằng bò đi vào, lão Chà bị mùi dầu thơm làm choáng váng vẩn gục đầu trên ngực của con nhỏ, lão nói:

- Em cứ nằm vậy và cho qua được nằm gần em vậy.

Thằng bò nhặt một thanh sắt cầm tay đứng giữa sân rình rập. Con nhỏ lắng tai thấy tiếng giầy im lặng, bất thành lình nó xô lão Chà vung dậy, nhảy xuống đất, ngã chúi va đầu vào tường và la lên:

- Anh ơi.

Nó hốt hoảng chạy vội ra giữa sân ôm lấy thằng bò. Thằng này hỏi:

- Nó đâu?

Con nhỏ chỉ tay về phía xe hơi nhưng níu tay thằng này lại, lấp bắp trong hơi thở:

- Không có gì hết, chưa có chuyện gì hết.

Thằng này dằng tay ra xăm xăm bước tới, con nhỏ chạy theo níu kéo không được. Lão Chà vịn vào thành xe nhảy xuống, té và đóng dầu nhớt, thằng nhỏ cầm thanh sắt đập liên hồi, con nhỏ bưng mặt khóc. Thấy lão Chà chỉ còn thoi thóp, nó bảo con nhỏ cùng nó khiêng xác lão Chà để lên thùng xe. Con nhỏ thút thít nói:

- Thôi chạy đi anh ơi.

Nó quát mắt dữ tợn bảo:

- Đừng lồi thôi.

Đặt lão Chà vào đúng chỗ nằm lúc trước của con nhỏ, nó đập bẻ ve dầu thơm ở bên cạnh, lột hết quần áo của lão liệng vào góc.

- Anh làm gì vậy?

Nó không đáp và truyền lệnh:

- Cởi cái sù chiêng liệng vào đóng quần áo đó.

Con nhỏ còn ngần ngừ, nó bật tung nút áo và nắm tay dật đứt cái bao vú liệng vô đóng đồ của lão Chà. Vừa lúc ấy lão Chà hồi tỉnh một vài giây, người thấy mình nằm trên dầu thơm, thân thể trần truồng và con nhỏ đang nhìn xuống, ngực nó không cài trắng muốt.

Rồi tiếng thanh sắt liệng xuống thành xi măng...

Óng ánh hư ngụy

Mỗi phen cầm bút viết về văn chương — làm một thứ văn chương trên văn chương — tôi hiểu rõ mình đang sống thời buổi khủng hoảng. Văn chương nhất thiết là hồn nhiên, ngây thơ hay

không, tôi chẳng rõ. Nhưng đối với tôi khi nó cần trông thấy nó qua phản ánh của nó, không thể phủ nhận là nó đang truy lạc, sa đoạ. Nhất là buồn bã.

Mỗi phen, tôi đều lập lại với tôi khẩu hiệu: *Enfin, j'écris. Enfin*, đó là tín hiệu của người bạn thân phát ra giúp tôi nhận biết anh ta bắt đầu say. Trong cuộc rượu của chúng tôi đã tới một thời điểm gay cấn, hãy nhận *Enfin*, báo động cho bạn bè, những kẻ ngồi chung cuộc, rằng: bất ổn, bất ổn, chán quá, chán quá, tôi quyết định đẩy cơn say đến cùng, đánh đắm mình vào mông lung, mù mờ, hỗn độn. Như Hamlet kêu: "The time is out of joint" (Thời gian đã ly tán). Như Hamlet, chẳng còn hiểu đời sống, hơi gươm đâm chết nàng Ophélie. Con khủng điên óng ánh những mảnh minh trí vỡ nát, những mảnh sao băng miệt mài, không một giây đốn ngộ, từ khước đốn ngộ — chẳng thể ôm ấp đời sống mệnh mông vô hạn. Đó định mệnh của văn chương trên văn chương, nỗ lực soi rọi mù mờ bằng những ánh mù mờ, nỗ lực kết tập thời ly tán bằng những đụn đầy ly tán.

Enfin, j'écris. Enfin, je crie.

Thảm thiết chưa, cũng lố bịch chưa, văn chương kêu la tắt tiếng trên văn chương. Văn chương soi bóng làm bộ làm tịch trước văn chương. Mỗi phen tôi đều nổi da gà, nhòm tởm, thấy mình đang đóng vai chủ chứa trong tấn kịch *Bao Lơn* (Le Balcon) của Genet. Trong nhà chứa của mù này, mỗi phòng được bài trí một kiểu dành riêng cho một vai nhất định mà khách chuộng đóng — tu sĩ, tướng lãnh, quan toà, cách mạng — với đầy đủ y trang và các thứ phụ tùng cần thiết để đóng trò — mọi trò diễn hình của dục tính thác loạn — nữ nhân là phụ tùng thiết yếu, nhưng phòng nào cũng có gắn gương để cho các đương sự có thể nhìn ngắm mà sửa bộ. Ngôi nhà chứa ở trong một thành phố dấy loạn. Và trên bao lơn của nhà chứa, khách làng chơi và gái giang hồ đẹp loạn.

Le Poète Maudit

"Tôi viết chỉ bởi lẽ tôi không thể nào làm khác." (*Je n'écris que parce que je ne puis faire autrement*) và "Đáng nguyên rửa thay con tim không biết đường tự chế." (*Maudit soit le coeur qui ne sait se contenir — "Penthésilée"*). Đó là những lời than thở của Kleist, đối cực của Goethe.

Tôi tự hỏi còn không cái tông giống thuần khiết kia? Gương mặt ngưỡng cao dưới bầu trời giống bão, trán hứng nhận sấm sét và cất giọng gào ca một điệp khúc hân hoan thịnh nộ của con người, ganh đua cùng trời đất quỷ thần. Quả nhiên là cái tông giống đáng nguyên rửa, dập vùi. Đáng nguyên rửa cái hào quang của tuyệt vọng, đáng dập vùi cơn đam mê khốn cùng của một tông giống.

Keats hát: "Hạnh phúc thay ở trần gian này lại còn có nấm mồ (*Je suis heureux qu'il y ait ici bas une chose telle que la tombe*).

Nhưng còn không, còn không những vàng trán hiện lộng mệnh mang của một cõi ngoài, những cửa miệng há mở cho nhảy thoát con tim đỏ ối, những đôi mắt căng banh dập dòn ánh lửa uy linh một đời khác? Còn không một tấm lòng trinh bạch? Còn không chút thơ ngây đại đột, chẳng làm tuồng?

Nhận chịu bị nguyên rửa (không phải được bị nguyên rửa) - chẳng hiểu sao, bởi không thể khác — như con chim thất lạc giữa mùa đông băng giá, cất tiếng kêu thảm thiết gọi nắng, gọi hoa và đợi chết? Chim bị nguyên rửa, chẳng nguyên rửa. Còn không? Còn không?

Dường như sau buổi tân hôn bi tráng của Kleist, tấm đờm niềm hoan lạc phi thường — Từ thần lẫm liệt uy nghi đã bị Kleist nặn thành tượng trưng bày — cái tông giống kia không thể tồn tại bởi không thể vượt hơn. Hãy nghe Kleist viết thư từ biệt cô em gái:

"Que le ciel t'accorde une mort qui ressemble, ne fût-ce qu'à moitié, à la mienne en joie et en sérénité; c'est le voeu le plus sincère et le plus tendre que je puisse former pour toi."

(Cầu trời ban cho em một cái chết hân hoan và thanh tịnh giống như cái chết của anh, bằng phân nửa thôi cũng được; đó là lời cầu chúc chân thành nhất, âu yếm nhất mà anh dành cho em.)

Chàng thơ ấy bình thản nhìn lần cuối mớ bản thảo của chàng, một quyển tiểu thuyết đã hoàn tất, hai vở kịch - tất cả giông tố mê mải của hồn chàng đó — nhưng bây giờ lặng thinh mọi tham vọng — không ai màng những của nợ ấy và chính chàng cũng chẳng còn thiết (... *J'ai cru savoir. Je savais toujours. Je sais peut-être mais personne ne veut ce secret et je n'en veux pas moi-même.* Tôi từng tưởng biết. Tôi hằng vẫn biết. Bây giờ có lẽ tôi biết nhưng không một ai màng đến điều thầm kín ấy và ngay chính tôi, tôi cũng chẳng thiết — Camus — Trở Lại Tipasa). Và chàng thiêu huỷ đồng giấy lộn kia (như Gogol, Kafka). Chàng viết gửi nhà chức trách bản tường thuật diễn tiến cuộc tự sát, mở đầu bằng câu: “Chúng tôi nằm chết trên con lộ...”

Kleist với một người đàn bà xấu xí bệnh hoạn và cũng cô đơn như chàng, thoả thuận chết cùng chàng, hờn hờ như đôi uyên ương cùng rủ nhau đến Wannsee. Họ ngồi uống cà phê giữa trời. Người ta còn nghe họ cười ròn tan, đi khuất vào đồng cỏ. Đúng giờ đã ghi, hai phát súng nổ. Kleist đã kề súng bắn vào trái tim của người đàn bà đồng hội đồng thuyền rồi ngậm họng súng trong miệng mình nổ phát thứ nhì. Tay chàng không hề run rẩy.

“Tôi đã làm tất cả những gì thuộc quyền năng của một người... Tôi đã thử thách đến điều bất khả. Tôi đã mang đặt thời vận cuối cùng của đời tôi trong một tiếng bạc. Mấy con xúc xắc định mệnh đã thấy lăn, tôi cố tìm hiểu... Tôi thua. (*J'ai fait tout ce qui est dans le pouvoir d'un homme... J'ai tenté l'impossible. J'ai mis ma dernière chance dans un coup de dés. Les dés fatals ont roulé, j'essaie de comprendre... J'ai perdu!*) — “Penthésilée”.

Tôi thua! Tôi thua! Và “tôi nghĩ tôi có quyền chết”.

Sau Kleist, không còn *poète maudit*. Mọi người đều bị nguyên rủa, đều được nguyên rủa, đều cùng nguyên rủa, đều tự nguyên rủa. Khốn khổ, thảm hại thay tuồng nguyên rủa. Tuồng văn chương truy lạc đầy thôi. Coi kìa Dostoievski đeo thánh giá, đọc diễn văn dưới chân tượng Pouchkine. Henri Miller khoác áo mô phạm đứng trên bục giảng đường thuyết pháp. Sartre từ khước Nobel, xuống đường tranh đấu, tự đoạ mình trong tự do... Nhiều vô xiết kể. Tất cả những người ấy, hết thảy những người — ít nhiều chần nuôi ảo tưởng của văn chương nghĩa lý đều đã mang giấc mộng tốt cùng / khốn cùng: trở thành *maudit*, đều từng đóng các tuồng tích và đều trở thành hề. Không chừa ai.

Đã tuyệt giống *poète maudit*. Còn chẳng là những chàng thơ bị ám toán, “triệu triệu chúa Kytô có đôi mắt u sầu và hiền hậu” (*O, million de Christ aux yeux sombres et doux*) (Rimbaud).

1973

Giai đề: Chữ trình còn một chút này

Bạn ta — “Xuống núi” không tìm gặp bạn, nghĩ cũng tẻ. Thật thì chẳng có lý do nào ngăn trở hết. Mỗi lần đáp xuống thành phố, vẫn chỉ ngần ấy thói quen: Ngồi quán, gặp vài khuôn mặt thân thuộc và ngày dứt trong khuya ngất ngưỡng. Thế thôi, không gì khác. Ta chẳng thích mất những thói quen.

Xuống, nghe bạn ta lại phải dấn thân vào trường “gió tanh mưa máu”, còn mắc nạn nữa. Hơi buồn. Biết làm sao được, phải không? Đúng là “ma đưa lối quỷ đưa đường, lại tìm những chốn đoạn trường mà đi.” Cái nhà ông Nguyễn Du, lâu lâu sực nhớ ông, bắt giật nảy mình. Ngày xưa, ngày xưa, ta đã cứ thắc mắc hoài về mấy câu nói của nàng Kiều khi tái ngộ chàng Kim... *Chữ trình còn một chút này, chẳng cảm cho vãng lại dầy cho tan.* Giờ mới thấm thía, tội cho nàng Kiều biết mấy. Ông Nguyễn Du là chúa đọc, hơn cả anh chàng Tây Độc (hỗn danh của bạn ta đó). Nàng Kiều trầm mình xuống sông Tiền Đường, tưởng đã thoát nợ kiếp này, ông lôi cổ lên đẩy về nhà, bắt phải mở mắt mà trông: *Này chồng, này mẹ, này cha; này là em ruột, này*

là em dâu... Cô ngồi xuống đó đi, trước mắt đông đủ mọi người — hết thầy mọi người, yên ổn và êm ấm nhưng không thể quên cô — và trước mắt tình lang mười lăm năm cũ cô ngồi đó trong kiếp đoạn trường nào đâu đã dứt. Cô đã trả món nợ hồng nhan cho ông trời già cay nghiệt, nhưng chưa xong. Còn cái món nợ tình với chàng Kim nữa, cô ơi. Ôi, cái món nợ tình, món thế tục cầm chân ta lại trong vòng khiến ta bắt buộc ngồi đó với bề bàng. Cái “bước trần ai” ta cứ động lòng. Nhưng mà động lòng đến chừng nào, hỡi bạn ta. *Còn một chút này....* thật là thâm, bạn ta nghĩ mà coi. *Chút này* là chút nào? Chàng Kim chỉ có thể hiểu đến chỗ: *Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình*. Thiệt kỳ cục.

...

Giả như gặp nhau, ta cũng đến lặng ngắt. Hoặc giả ta khua inh sự lặng ngắt. Thế thôi. Mà ta rõ đã lẫn thân vào chốn ấy, bạn không muốn nghe sự lặng ngắt. Ta cũng đang khua gióng sự lặng ngắt đây. Bạn ta nghe chằng?



Hơn 120 người đã dự buổi Tưởng Niệm Thanh Tâm Tuyền đêm Thứ Năm 30-3-2006 tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Việt Báo.

Trong buổi lễ thân tình và cảm động, các nghệ sĩ và thân hữu vùng Nam California đã cùng nghe lại một số bài thơ của thi sĩ Thanh Tâm Tuyền, một số ca khúc phổ thơ ông bởi Cung Tiến và Phạm Đình Chương, và lời kể về các kỷ niệm với nhà thơ quá cố từ các thân hữu.

Trong vai trò người điều hợp, nhà thơ Đỗ Quý Toàn, tức nhà bình luận Ngô Nhân Dụng, đã hướng dẫn một cách linh động, không theo chương trình nào có sẵn, nhưng đã mời được nhiều nghệ sĩ lên kể về thời quá khứ nhà thơ Thanh Tâm Tuyền và các kỷ niệm với các ca khúc, bài thơ của ông -- trong đó, ông Toàn kể về nguyên do vì sao nhà thơ chọn bút hiệu “Thanh Tâm Tuyền,” và nhắc rằng chuyện kể này bí mật “giữa trong phòng này thôi.”

Trong những người tham dự có các nhà báo, nhà thơ, ca sĩ, nghệ sĩ và thân hữu như Đỗ Quý Toàn, Huỳnh Hữu Ủy, Đỗ Việt Anh, Trịnh Cung, Kiều Chinh, Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Lê Bi, Nguyễn Hương, Phan Quốc Sơn, Nguyễn Chí Kham, Bùi Mạnh Cường, Nguyễn Xuân Nghĩa, Thái Thanh, Mai Hương, Quỳnh Giao, Lệ Thu, Phạm Phú Minh, Đông Duy, Nguyễn Ngọc Chấn...

Kiều Chinh kể về lời nhà văn Mai Thảo khi nói là chỉ yêu thơ Thanh Tâm Tuyền và Tô Thùy Yên. Thái Thanh đã hát “Đêm Màu Hồng,” ca khúc do Phạm Đình Chương phổ thơ Thanh Tâm Tuyền. Bài này là bài mở đầu và cũng là bài kết thúc dùng cho vũ trường Đêm Màu Hồng ở Sài Gòn hơn 30 năm trước. Ca sĩ Thái Thanh kể rằng thường thì sinh nhật Thái Thanh làm ở Đêm Màu Hồng, và nhà thơ Thanh Tâm Tuyền thường tới dự, gọi nữ ca sĩ ra mà nói, “Bạn tôi ơi, chúc sinh nhật vui vẻ nhé, nhớ hát nhiều nhiều cho chúng tôi nghe nhé...”

Nhà văn Thảo Trường đang nằm bệnh, không tới được, đã gửi một bài viết đề nhờ Trần Dạ Từ đọc cho đêm Thanh Tâm Tuyền, trong đó nói rằng CSVN chỉ có thể giam được đại úy Dzur Văn Tâm, nhưng không thể nào giam nổi nhà thơ Thanh Tâm Tuyền.

Nhà báo Đông Duy lên kể chuyện từ thời xứ Bắc, khi quen với Chất, em của Thanh Tâm Tuyền, và rồi vào Nam cũng gặp lại.

Ca sĩ Lê Thu được mời hát bài Dạ Tâm Khúc, một bản nhạc được Phạm Đình Chương phổ từ thơ Thanh Tâm Tuyền. Chị kể thời còn ở Sài Gòn, cứ nhằm “đưa em vào quán rượu” lại hát thành “đưa em vào quán trọ” và một lần được nhà thơ ghé tai vừa chỉnh vừa đùa... Đó cũng là những dòng thơ và dòng nhạc bất tử:

Đi đi anh đưa em vào quán rượu

Hay nửa đêm Hà Nội

Ôm em trong tay mà đã nhớ em ngày sắp tới ...

Tiếp theo, ca sĩ Quỳnh Giao hát bài Lệ Đá Xanh, do Cung Tiến phổ thơ Thanh Tâm Tuyền. Ca sĩ nhắc một kỷ niệm khi hát bài này năm 17 tuổi, đã nói với Thanh Tâm Tuyền, “Thưa chú, về già chắc chú đau lòng mà chết vì bài này toàn là khóc không thôi...”

Rồi tới ca sĩ Mai Hương kể về từng làm học trò Thầy Tâm, khi học năm Đệ Tứ (lớp 9 bây giờ) ở Trung Học Nguyễn Bá Tòng. Sau đó, 3 ca sĩ Thái Thanh, Mai Hương, Quỳnh Giao hợp ca bản “Ngợi Ca Tình Yêu,” nhạc Phạm Đình Chương phổ thơ Thanh Tâm Tuyền.

Nhà báo Bùi Bảo Trúc và nhiều người khác cũng lên kể về nhà thơ quá cố.

Đặc biệt, Đỗ Quý Toàn nói về trường hợp nhà văn Võ Kỳ Điền, một học trò cũ của Thanh Tâm Tuyền thời trung học Nguyễn Trãi, Thủ Dầu Một (sau này là Bình Dương). Lá thư họ Võ kể những kỷ niệm cảm động, bùi ngùi.

Thanh Tâm Tuyền có một vị trí đặc biệt và độc đáo trong văn học Việt Nam -- một nhà thơ lớn, một nhà văn dị thường, một người đi đầu cho phong trào Thơ Tự Do. Nhưng trước hết, Thanh Tâm Tuyền đã dùng đời mình để nói lên khát vọng sống tự do, khát vọng sáng tác tự do... ông đã đau cái đau của người sinh viên Budapest khi xe tăng Liên Xô tràn vào, rồi ông đau nỗi đau của toàn dân Việt bị áp bức khi vác nửa trong trại tù CS, và rồi ông đã chứng tỏ được không một công xiêng nào buộc được người thi sĩ. Luôn luôn.

Nơi trong mắt nhà thơ vang vang trời vào xuân...

Vẫn còn mùa xuân

Dù mùa xuân đã đến đây

Vẫn còn tiếng khóc thầm,

Triệu nụ hoa đang thoát thai,

Viên đạn vẫn trên nòng...

(Xanh lòng phai tàn - Trịnh Công Sơn)

Cô gái bị kéo vọt lên. Vạt áo trắng nát nhàu như một lời cầu xin. Người lính ngoại quốc cao lớn nắm tay cô chạy băng qua khu phố ngùn ngụt lửa, băng qua những thân cây đổ, xe cộ đổ đặc ngổn ngang, rồi một xác chết, thêm một, thêm một nữa. Có tiếng rít trên đầu. Người lính đẩy cô ngã xấp xuống mặt đường, nằm đè lên. Cô chưa kịp phản ứng thì, xầm một cái, đất chỗ cô nằm đột nhiên chao đi, chung quanh rừng rực nóng, bụi và khói cay xộc vào mũi. Cô ngạt thở, lật người, vùng vẫy tuyệt vọng, muốn gào thét kêu cứu nhưng miệng chỉ còn đủ sức ngáp tìm chút dưỡng khí như loài cá mắc cạn. Xầm một tiếng nữa, cô thấy mình bay tung, rã ra từng mảnh, nhẹ tênh...

Khi tỉnh dậy, bên tai cô gái văng vẳng tiếng còi hú dài. Còi báo động, còi xe cứu thương, còi xe cứu hoả. Chúng hoà vào nhau như một bản đại hợp xướng của loài chó tru trắng. Chúng xoáy vào tai, kéo căng cứng những đầu dây thần kinh, rách toác màng nhĩ, đâm thẳng lên óc. Đau. Sợ. Cô toan vùng dậy chạy. Chạy đi đâu? Không biết! Chạy đã! Chạy thoát tầm ảnh hưởng của tiếng còi, của lửa, của khói, của những xác chết. Nhưng người cô nặng trĩu, tay cô như bị giữ rịt lại. Cô dướn người về phía trước lấy đà. Vô ích. Cô vùng vẫy. Vô ích. Cô khuyu xuống, trong trí óc mù mịt bỗng loé sáng một lần chớp, thôi hết, mình chết mất, con chết mất, mạ ơi! Nhưng, khi đã định thần, quay lại nhìn, cô bắt gặp một nụ cười. Nụ cười bình yên và đôi mắt trong veo

như những viên bi ve. Người lính ngoại quốc vẫn còn giữ chặt cổ tay của cô. Mấy ngón tay thô, to lớn kỳ dị. Bỗng dưng, cô gái cảm thấy yên ổn. Niềm sợ hãi dần chìm xuống giữa im lặng. Những tiếng còi đã dứt.

- Tôi tên Jim. Cô có bị thương ở đâu không?

- Ông... ông có thể làm ơn bỏ tay tôi ra được không?

- Ồ, xin lỗi cô, tôi vô ý quá!

Cô gái rút vội cổ tay vẫn còn đỏ ửng vì bị giữ quá chặt. Tê rần. Cô lấy bàn tay còn lại xoa xoa lên đó.

- Tôi... tôi xin lỗi cô nhé! Tôi có làm cô đau lắm không?

- Không sao đâu! Cảm ơn ông đã cứu tôi. Không có ông, chắc tôi chết lâu rồi!

- Thấy cô tỉnh lại, tôi mừng lắm! Thế cô tên gì?

- Mai.

- Mai? Tháng Năm?

- Không, mai là tên một loài hoa ở xứ tôi, nở vào dịp Tết.

- À, à, tôi biết rồi. Có năm, sáu cánh, màu vàng, mọc chi chít trên cành to, phải không?

- Đúng đó, ông quả có tài quan sát.

- Ồ, không đâu, tại tôi thích hoa, thích cây cỏ, nên hay để ý.

Cô gái nhìn người lính. Những vết khói nám bay dần đi, để lộ khuôn mặt đỏ gay. Vì nóng, chắc vậy! Hàng chân râu lờm chờm, óng ánh phản quang những tia nắng cuối ngày. Và đôi mắt nhạt như màu dòng suối nhỏ cô vẫn hay qua, trong veo, nhìn thẳng như muốn hút tuốt cô vào giữa khoảng thủy tinh bé xíu ấy. Lần đầu tiên, cô gái nhìn vào tận mắt một người lính Mỹ, nghe thấy hơi thở và ngửi được mùi mồ hôi của anh. Anh còn trẻ quá, chắc chỉ hơn cô đôi ba tuổi là cùng, và đẹp trai như một tài tử xi-nê. Dù biết người đối diện cũng đang nhìn mình chằm chặp, cô gái không hề cảm thấy thẹn thùng, trái lại, một niềm vui thanh bình, êm ả loang dần trong cô. Họ, cô gái Việt và người lính Mỹ, thân ái ngồi nhìn nhau giữa hoang tàn đổ nát. Họ, trước đây có thể đã lướt qua cạnh nhau, vô tình như những cái bóng màu của chiếc đèn kéo quân, nhưng chưa bao giờ thực sự đối mặt, gần gũi nhau như lúc này. Cô gái vén mớ tóc bay loà xoà trước mắt, nói bằng quơ:

- Tôi chạy về đây tìm mẹ...

- Chắc mẹ của cô đã theo người dân tản cư lâu rồi. Chẳng còn ai ở lại trong khu vực này đâu. Cháy tiêu hết cả! Tôi là người lính cuối cùng, thấy bóng áo dài của cô loáng thoáng nên chạy đến...

Cô gái nhìn quanh. Quả thật vậy. Khu phố thân yêu từ tấm bé của cô chẳng còn lại gì ngoài những đống hỗn độn đang bốc khói khét đây đó. Phải, chẳng còn gì cả!

- Cô đừng quá lo lắng. Sớm muộn gì rồi cũng sẽ gặp lại mẹ cô. Thế... cô bao nhiêu tuổi? Còn đi học không?

- Ông buồn cười thật, tại sao lại hỏi tôi những câu như vậy, lúc này? Đây đâu phải hội quán sinh viên, cũng không phải snack bar, hay party...

- Câu hỏi của tôi làm cô khó chịu à?

- Không, trái lại. Chúng làm tôi có cảm tưởng mình đang không đứng giữa chiến tranh, và tất cả những đổ nát quanh đây chỉ là ảo ảnh của một cơn mộng dữ.

- Thì cô cứ nghĩ là không có chiến tranh đi!

- Làm sao tôi lại có thể nghĩ như ông nói được! Mỗi đêm, tôi thấy loảng ngoảng ánh sáng hoả châu, tôi nghe âm ý tiếng vọng đại bác. Mỗi ngày, tôi nhận được tin bạn bè, người thân chết trận, chết pháo kích, chết mìn gài, chết bom rơi. Tất cả, như những điếm gờ báo trước ngày hôm nay, ngày tận thế... Không có chiến tranh à? Nếu không có chiến tranh, chắc ông cũng chẳng có mặt ở đây mà làm gì, phải không?

Jim cúi mặt, bối rối chớp mắt:

- Cô nói đúng, tôi được lệnh động viên, bao nhiêu dự định phải dẹp hết qua một bên, chắc rồi cũng chẳng thực hiện được nữa. Nhưng, cũng nhờ vậy mà tôi khám phá ra được bao nhiêu

điều mới lạ ở xứ sở này, tôi tự hiểu tôi hơn, và - anh nhìn cô, cười thật tươi - hôm nay, tôi mới có dịp làm quen với cô.

Cô gái đỏ mặt. Anh chàng GI lại còn dám láo lếu tán tỉnh mình lúc này à! Giọng Jim vui hẳn lên: - Mai, cô biết không, tôi coi vậy chứ... nhát lắm! Cô là người con gái Việt Nam đầu tiên tôi bắt chuyện đó, nên nếu có những câu hỏi ngớ ngẩn, không phải phép, cô bỏ quá cho tôi nhé! Tôi con một, mẹ mất sớm, sống thui thủi một mình với cha, nên xưa nay lộc ngà lộc ngọc, vụng về lắm! Cứ như con gà tây vậy!

Buồn cười nhĩ, vụng về như một con gà tây! Cô gái nhìn những ngón tay thô tháp của anh lính Mỹ, cười vu vơ, ừ, chính mấy ngón tay vụng về ấy đã kéo cô vượt khỏi những tối ám của chiến tranh, những khoảng cách của định kiến, những xa lạ của ngôn từ. Cô đột ngột hỏi anh, bằng một giọng thật chân tình. Thật thân tình:

- Thế... anh chưa có vợ à?

- Bạn gái tôi còn chưa có nữa là... Bọn học cùng lớp cứ gọi tôi là Jim chicken die, tôi nhát hít...

- Vậy tại sao hỏi nãy anh lại liều mạng chạy vào cứu tôi? Jim, anh can đảm lắm đó chứ!

- Giữa những hoàn cảnh khác nhau, con người phải có những cách ứng xử khác nhau chứ! Có thể lúc nãy, bản năng của tôi phản ứng trước khi lý trí kịp suy xét. Cũng có thể do thói quen mà cha tôi đã rèn từ bé, phải biết cứu giúp những con vật yếu đuối đang gặp khó khăn, một chú chim non rơi khỏi tổ, một cô mèo bé tòm xuống giếng...

- Vậy, tôi giống chú chim non hay cô mèo bé?

- Cô giống hoàng hậu Nam Phương.

- Anh nói gì? Hoàng hậu Nam Phương? Tôi mà giống hoàng hậu Nam Phương? Chưa bao giờ tôi dám nghĩ đến điều đó cả!

- Thì bắt đầu từ bây giờ, cô cứ tập nghĩ như vậy đi. Nghĩ mãi rồi cũng sẽ có ngày thấy giống. Mai, cô biết không, cô đẹp lắm!

Cô gái mỉm cười để đáp lại lời khen. Ừ, tại sao lại không thể là lúc này, ở đây? Giữa những cánh đồng đầy tử thi, bên những vạt rừng già cháy nám, lũ mầm non tươi mơn vắn gọi nhau lặng lẽ vươn lên kia mà? Cô chợt nhớ bây giờ đang là mùa xuân, là tháng Tết, là lúc mọi người chúc tụng lẫn nhau những điều tốt đẹp nhất. Cô cúi xuống, vuốt vuốt lại tà áo bản nhàu.

- Anh khéo tài nịnh, thế nào cũng sớm có bạn gái cho mà xem. Ai mà được làm bạn gái hay vợ của anh, tôi nghĩ, chắc chắn thế nào cũng sẽ sống hạnh phúc.

Jim định mở miệng nói điều gì, nhưng khựng lại, thay bằng một nụ cười thật tươi, răng trắng đều.

- Cảm ơn lời chúc tốt lành của cô. Ngày sắp hết rồi, chúng mình đi thôi, Mai ạ.

Anh lính đưa tay. Cô gái tin tưởng, đặt bàn tay bé nhỏ của mình vào đó. Như một điểm tựa. Bàn tay to lớn dềnh dàng ấy nâng cô lên, sẽ dắt cô đi qua những đống vỡ. Có thể sẽ đi qua chiến tranh, về phía mặt trời lặn, nơi sắp nhô lên những ánh sao, yên bình như một dạ khúc. Mai quay lại nhìn lần cuối khu phố nát, hơi sững người trước đôi mắt trợn trừng của xác cô gái mặc áo dài trắng bết máu nằm ngửa. Vất ngang thân cô, lệch góc bốn mươi lăm độ, thêm xác một anh GI úp xấp mặt, trên lưng tua tủa những mảnh bom ghim, trông như con nhím khổng lồ, vằn vện. Chợt hiểu, Mai ngước lên. Jim cũng đang nhìn những xác chết, nụ cười bình thản, đôi mắt trong veo. Khi anh chuyển hướng, cúi xuống cô, khi bàn tay anh xiết nhẹ, dắt đai bông vạt ngạt hoa, những đôi cánh to, trắng muốt vụt mọc ra kỳ diệu giữa lưng Jim, giữa lưng cô. Và họ thanh thoát, mắt trong mắt, tay trong tay, bay lên, bay lên cao. Lên cao...

ooOoo

Đèn trong rạp đã bật sáng, tôi vẫn ngồi dán lưng giữa ghế, hai tay bấu chặt vào chiếc áo khoác đặt trên đùi. Có cảm giác mọi cặp mắt đang đổ dồn vào mình, mọi lời tán thưởng đang rơi ngập xuống chung quanh. Nhưng không, đó chỉ là ảo tưởng. Chẳng có ai quan tâm đến tôi cả. Mọi người rào rào đứng dậy, ào ào bàn tán khen chê. Không có chấn động. Không phải hiện tượng. Một bộ phim khá trên mức trung bình. Có lẽ sẽ chóng rơi vào lãng quên... Khoác áo bước ra ngoài. Tôi đã chọn đúng tuần lễ hoa đào nở để ghé thăm thủ đô Hoa-Thịnh-Đốn. Ba ngày qua, tôi dành trọn mỗi ngày một tiếng đồng hồ để quanh quẩn với con đường anh đào, để

bước trên thảm hoa, để đắm trong mưa hoa, để ngợp dưới một trời trữu hoa, để nhìn sắc hồng phơn phớt mà nhớ về màu đỏ rực của đường phượng bay ngày cũ. Hôm nay, tôi quyết định sẽ không đến đấy, vì kỷ niệm tràn về sau khi xem xong bộ phim đã quá thừa thãi cho một ngày. John vẫn còn nhớ tôi nhiều đến như vậy sao? Hơn ba mươi năm rồi còn gì! Cuộc chiến đã tàn. Số phận những con người Việt, Mỹ ít nhiều dính líu đến, phần bị chôn vùi, phần bị đổi dời, thất tán muôn phương. Tôi nay là kẻ thiếu quê hương. John trở thành đạo diễn kiêm biên kịch, đã qua bộ phim mà thỏ lộ một phần đời, một phần tình cảm của anh. Đến riêng tôi, đến chung những khán giả mộ điệu. Nhưng trong đời sống thực, tôi không rực rỡ đẹp như nữ tài tử Mỹ gốc Việt Thảo Hương, đang là trung tâm mọi sự chú ý của Hollywood, John không diễn trai cao to như anh chàng Richard Dawson thủ vai Jim. Trong đời sống thực, tôi đã chạy trốn, John phải tống cho một quả gòn bất tỉnh trước khi vác tôi lên vai để băng ngang vùng lửa đạn. Trong đời sống thực, đất không rực rỡ hoa ngày Tết, những nhân vật chính không chấp cánh bay lên, Mai và Jim đã không có đủ thì giờ để tìm những phút đồng cảm giữa cơn hãi sợ. Trong đời sống thực, làm sao John biết được, ngày ấy, anh đã lọt trọn vào tầm nhắm của tôi, Phượng, bí danh Út Hường, nữ sinh viên hoạt động nội thành. Nhưng do ngẫu nhiên, khẩu súng kẹt đạn. John thoát chết, và sau đó, có lần, trong đời sống thực, tôi đã thầm nói yêu anh.

Tư

Thiệt cất tiếng ca: *"Đêm đông gió bắc lạnh lòng người viễn khách dừng chân nơi quán trọ nhìn cây trúc lá trên hè vắng và lòng buồn mơ quay về nơi dĩ vãng. Ôi những ngày thơ mộng đã qua không bao giờ tìm thấy nữa..."*

Thiệt ca nức nở như những tiếng nấc nghẹn ngào. Đầu Thiệt nghiêng nghiêng bên tay đàn, những ngón tay buông bất hấp tấp trên hàng phím trũng. Hết một câu, Thiệt gõ nhịp xuống mặt cây "ghi-ta" đã tróc sơn. Gian nhà trần, nền đất đập ẩm mốc. Ngọn đèn dầu lung lay treo ở cột trên đầu Thiệt. Trên cái ghế bố, ngoài Thiệt còn ba người khác: con Lai, chị Sáu và Tư. Lai nằm co gối đầu lên đùi Thiệt, chị Sáu hút thuốc lá, Tư ngồi thu ở đầu ghế. Xóm khuya dần và trận mưa tới. Bài ca dứt thì Tư cũng đã khóc. Con Lai cười:

"Anh làm tiếp bản nữa nghe chơi".

Chị Sáu nói:

"Rầu thấy mẹ, lại mưa rồi".

Tiếng hát của Thiệt lẫn trong tiếng mưa hiu hắt, khuôn mặt Thiệt xa lác. Tư ghét con Lai, nó lớn tuổi hơn Tư, ngộ hơn Tư, lão luyện hơn Tư. Con mắt nó xanh, tóc nó hoe vàng, nó có phần máu Tây trong người. Chị Sáu đã già úa không còn ngực, mặt nghiền nặng. Tư muốn không còn hai người ấy để được một mình ngồi gần nghe Thiệt ca, những bài vọng cổ ấy thấm tậ vào lòng Tư không bao giờ có được. Tư cũng muốn bắt chước "viễn khách" quay về tìm dĩ vãng nhưng dĩ vãng của Tư ở đâu? Ai biết? Năm nay Tư mới mười bảy tuổi, Tư mồ côi cha mẹ năm được bảy tám tuổi gì đó. Ở với cha mẹ nuôi rồi trốn đi năm mười lăm tuổi để làm điếm. Dĩ vãng đâu phải là những hình ảnh mà người ta không muốn nhớ. Tư ở ruột cho vợ chồng chị Sáu – cả hai người này đều ghiền – đi khách về đưa tiền cho chị Sáu, chị nuôi cho Tư ăn mặc. Khi Tư bị bắt, vợ chồng chị lo lắng cho Tư, còn hơn là cô thân trong trường hợp hoạn nạn. Lâu lâu chị Sáu cũng biết điều mua cho Tư chỉ vàng lúc dư dật. Chị Sáu cũng thương Tư, thỉnh thoảng chị an ủi hứa hẹn với Tư sẽ lấy Tư cho thằng con trai độc nhất của chị khi nó lớn lên. Năm nay nó mới có mười ba tuổi, giữ việc canh gác cửa ngõ. Tư chẳng có một ý nghĩ nào.

Thiệt không ca nữa ngồi yên. Anh chẳng ngó Lai cũng chẳng ngó Tư. Bốn người không biết nói gì với nhau. Đầu xóm không có lấy một tiếng chân người. Lát sau chị Sáu nói:

"Tư này, con Phương chết rồi mà mày biết không?"

Tư lắc đầu. Con Lai lên giọng:

"Ho ra huyết mà không chết sao được?"

Chị Sáu chép miệng:

"Tội nghiệp, nó lấy được thằng chồng tốt mà trời không cho hưởng".

Chồng của Phương là một anh chàng khách trú làm thợ sửa xe hơi, đã ngủ với Tư một lần và có cho thêm Tư mười đồng bạc.

"Anh ca nữa đi anh Thiệt". Con Lai kéo tay Thiệt ngồi xuống vì Thiệt muốn đứng lên.

"Thôi mày ơi, ca cho mày nghe hoài tao ngán lắm".

Thiệt lấy tấm áo mưa trùm lên người. Chị Sáu hỏi:

"Đi đâu thế mày?"

"Đi kiếm chồng cho mấy con này".

Con Lai bảo:

"Nè em bảo anh lên xin ca trên đài phát thanh được đó nghe".

Thiệt mò mẫm tránh những vùng sinh lợi. Mưa giở giọt gianh. Trời có ánh sáng màu sương đục. Thiệt lách hàng rào của trại cưa vào trong. Cả cái xưởng lớn chỉ treo một ngọn điện nhỏ, máy móc nín thình và gỗ xẻ nằm ngửa trên đất. Thiệt kiếm một cây gậy cầm tay chống rồi lại theo khe hở ra ngoài. Những khóm nhà lá nhấp nhô làm ngõ không thành lối. Ra đến lộ Thiệt đứng dựa núp sau một gốc cây. Tiệm cà phê ở đầu phố còn đông người. Thiệt đứng chờ đợi và chữa rửa trời đất.

Còn lại ba người đàn bà trong gian nhà, Lai nằm dài chiếm cả cái ghế bố, Tư vẫn ngồi dưới chân Lai. Chị Sáu ra đứng tựa cửa hút thuốc lá.

Chị Sáu hỏi Tư:

"Hồi chiều mày có mua thuốc uống không Tư?"

"Dạ, rồi".

"Đúng tên thuốc không mày?"

"Dạ đúng".

"Phải coi chừng bệnh, khổ nghe con".

"...Những dòng nước mắt cứ từ con tim đau khổ dâng lên nghẹn lời..."

Phải, Tư cảm thấy đúng như câu ca của Thiệt hồi nãy. Con Lai đang nghe ngao một mình:

*"Một mai thiệp có xa chàng,
Đôi bông thiệp trả đôi vàng thiệp xin".*

Rồi nó kêu lớn:

"Rầu thúì ruột chị Sáu ơi!"

Chị Sáu gắt:

"Mày cũng biết rầu sao mày?"

"Trời ơi! Bộ tôi không là người sao chị".

Con Lai nhồm nừa người nói xong lại ngã xuống. Nó trêu Tư, nhái một câu "chuồn chuồn" trong tuồng "Hoa rơi cửa Phật": *"Em Tư ơi! Ôi chưa đầy hai năm mà một vẻ đẹp thùy mị kín đáo đáng yêu trước kia nay đã biến thành một nạn nhân khốn khổ. Em Tư ơi! Tội tình chi mà... em phải... ơ... ơ... đọa... đây".*

Con Lai khoái chí cười ngất. Tư òa khóc. Chị Sáu la:

"Tư, bộ mày điên sao Tư?"

Tư vẫn khóc, nước mắt ẩm cả cổ họng. Con Lai cười, mắt nó nhắm hết lại:

"Đồ quý, có im đi không, khuya rồi".

Một lát chỉ còn tiếng thút thít của Tư, và Lai chuyển sang bản vọng cổ "Đêm đông gió bắc lạnh lòng" của Thiệt.

Từ xa một người đàn ông đi lại, dáng thiếu nã. Đến ngang chỗ Thiệt núp, người ấy bật quẹt châm thuốc không trông thấy Thiệt. Thiệt rút thuốc đến gần nói:

"Thầy cho em xin chút lửa".

Người khách bật cây quẹt khác cho Thiệt. Trông vẻ mặt khách dữ, Thiệt hỏi:

"Có phải hồi hôm thầy dặn em đón thầy không?"

Khách không trả lời, Thiệt tiếp:

"Món này ngon lành lắm, em cam đoan thầy phải hứng. Lai mà".

Khách ngần ngừ một phút khẽ gật đầu và theo chân Thiệt, Thiệt bắt đầu ngán sự im lặng của khách, nói:

"Thầy coi chừng lộ".

Thiệt bỗng nghe tiếng hỏi sau lưng:

"Phương còn ở đây không?"

Giọng nói người miền ngoài. Thiệt yên bụng đáp:

"Món này ngon hơn Phương mà thầy".

Khách hỏi sang chuyện khác:

"Xóm này chưa bị dỡ?"

"Đông thêm thầy ơi! Để gì mà đi".

Đất của xóm là đất của một hăng cửa máy nghiêng mãi xuống mé sông. Trại cửa bị xóm này vây bọc xâm lấn trông cũng tiều tụy. Chị Sáu ra cửa nghe ngóng. Thiệt và khách vào đến nơi đứng ở cửa. Con Lai ngồi dậy sửa lại đầu tóc. Tư cúi gằm đầu, mắt còn cay. Chị Sáu vồn vã:

"Mời thầy vô".

Khách vẫn đứng yên giữa cửa, người dong dỏng cao, khoác áo mưa xám nhà binh, đầu không chải, da mặt nhờn mồ hôi. Thiệt ra hiệu chỉ Lai cho khách. Khách không nói và nhìn chăm chăm vào Tư. Tư không cựa cựa. Chị Sáu vội thúc:

"Kìa Tư".

Khi đứng lên thì người khách đã ra ngoài. Lai nhìn Tư căm tức. Lần thứ nhất Tư không ngờ đã thắng Lai. Tư thấy sung sướng. Chị Sáu đi trước dẫn lối, Tư đi gần khách phía sau. Tư hết khóc tỉnh táo, tỉnh thoả liếc nhìn khách. Tư chẳng phân biệt được nét mặt. Càng vào sâu xóm càng tối càng yên tĩnh. Người khách phải cúi đầu qua những mái thấp. Căn nhà của chị Sáu gần mé sông. Thằng con chị Sáu đang ngủ trên bộ ván sát cửa vào. Nó choàng dậy khi nghe chị Sáu kêu:

"Dậy mày, ra ngoài trông cửa".

Gian ngoài hẹp thông sang nhà bếp chỗ chứa nước kê bộ tủ thờ và một bộ ván. Gian trong vuông vức kê một cái giường – của anh chị Sáu – kém một tấm "ri đồ" bần thủ. Khách ném áo mưa trên ván, Tư đi thẳng vào trong giường. Chị Sáu khóa trái cửa và cùng thằng con trai ra ngoài ngõ.

Tư thấy ngọn đèn được vắn sáng lên và hình như khách ngồi xuống bộ ván ở ngoài. Không hiểu sao Tư không dám lên tiếng kêu. Tư nằm xuống giường lăn vào quay mặt vô vách. Nước trên cao đập vào những chân cừ ở dưới, mùi bùn nồng nồng. Tư ngủ quên trong vài phút ngắn. Tư tỉnh dậy nhẹ nhàng, người đàn ông nằm bên cạnh. Hấn ngửa mắt nhìn mái nhà im lặng. Tư e dè sán lại gần giúi đầu vào vai hắn. Người đàn ông quay lại với Tư, hỏi:

"Em sợ anh phải không?"

Tư gật đầu:

"Việc gì mà sợ? Anh hiền không?"

Người đàn ông ôm lấy Tư hỏi tiếp:

"Em biết Phương không? Lần trước anh gặp Phương. Em hỏi Phương thì biết".

Rồi người đàn ông hỏi tên của Tư, Tư đáp. Tư tin giọng nói ngọt ngào của người ấy. Mưa rào xuống trên sông, gió thổi tắt ngọn đèn, nhà tối thui. Người đàn ông hôn rất lâu trên môi Tư. Tư thờ nhiều trong mũi. Khi Tư đã quen với hơi của người đàn ông, hắn bỗng nằm im và vuốt tóc Tư, nói:

"Em giống như em gái của anh".

"Hay em là em gái của anh". Tư nói rõn.

"Nếu em là em của anh thì anh đánh đòn".

Tự dưng Tư thấy buồn. Tư hỏi:

"Em gái của anh ở đâu?"

"Ở ngoài Bắc với mẹ anh".

"Anh vô đây một mình?"

Người đàn ông gật đầu.

"Hồi nào?"

"Di cư".

Người đàn ông kể cho Tư nghe chuyện gia đình:

"Em gái của anh ngoan lắm, anh hay ăn cắp tiền của nó, nó khóc. Nhưng khi nào anh không có tiền hỏi vay nó lại cho, chẳng bao giờ anh trả cả".

"Đến bao giờ anh tính về ngoài ấy?"

"Anh tính về?" – người đàn ông cười gằn – "Anh tính sao được, phải đợi thống nhất chứ".

Tư không hiểu thống nhất là gì. Người đàn ông tiếp:

"Nhưng anh không sống đến ngày ấy".

"Anh chỉ nói bậy nào".

Tư hôn vội lên môi người đàn ông vì không muốn nghe người ấy nói nữa. Khi Tư buông môi dựa tai vào ngực, Tư nghe giọng nói ở trong ấy:

"Mai anh chết mất rồi".

"Anh nói em sợ lắm".

Người đàn ông ôm ghì lấy Tư và người Tư thu nhỏ lại.

"Em ngoan lắm. Em ngoan như Phương vậy".

Tư gỡ tay bạn, hỏi:

"Anh biết Phương nhiều không?"

"Một lần".

"Phương lấy chồng rồi".

"Tốt, rồi em cũng sẽ lấy chồng như Phương".

"Phương vừa mới chết. Ho ra huyết".

Người đàn ông nín thình. Tư hỏi:

"Anh hôn Phương không?"

"Sao lại không?"

Tư thành thật bảo:

"Vậy mai anh phải về uống thuốc, ngừa bệnh đi".

Người đàn ông bỗng nhiên cười dài, cười lớn vang động cả đêm khuya tĩnh mịch.

"Cám ơn em, nhưng mai anh chết rồi còn đâu".

Tư rùng mình sợ hãi.

"Em biết anh đã hôn Phương, em còn dám hôn anh nữa không?"

Tư choàng riết lấy lưng người đàn ông và hôn say đắm. Rồi Tư quờ tay sờ lên mái tóc ướt sũng của chàng. Những ngón tay của Tư lần theo viền mắt chàng đọng lệ.

"Em thương anh".

Tư thấy yêu đương bỗng bột.

"Thật sao? Tư".

"Dạ".

Đó là tiếng nói tự con tim của Tư. Giờ phút trôi qua và người yêu của Tư vẫn chưa trở về làm người khách. Chàng vẫn ôm ấp Tư như ôm đứa em gái. Mưa đã ngớt một cơn và bắt đầu một cơn mới. Tư hỏi:

"Hồi nãy sao anh không đi với cô kia? Cô ấy đẹp hơn em".

"Anh không cần đẹp, và anh trông thấy em khóc".

Tư nhõng nhẽo áp má vào má người yêu.

"Anh muốn ở lại suốt đêm nay với em nhưng anh không có tiền để trả".

Tư tủi lẩm đáp:

"Bốn trăm".

"Anh còn trăm bạc cuối cùng".

"Anh biết là em muốn anh ở lại với em, em thế nào cũng được. Nhưng em ở ruột cho chị Sáu, tiền chị ấy lấy em chẳng có quyền gì hết".

Tư kể lể tình cảnh với người yêu và Tư khóc.

"Giả tử em có tiền..."

Người đàn ông vỗ về an ủi Tư, lấy tay lau nước mắt cho Tư, sờ trán Tư, chàng bỗng kêu lên:

"Em đau?"

"Không sao đâu anh". Tư sợ chàng sẽ hết yêu, vội nói.

"Không phải, anh nghĩ là em phải uống thuốc cảm".

"Em không có tiền".

"Em biết là anh nghèo. Anh có bao nhiêu anh đưa hết cho em".

Chàng trở dậy đốt đèn mang vào giường. Chàng dở ví soi lên. Cái ví da đen già cũ rách bươm không có một tấm ảnh nào. Chàng mỉm cười hỏi Tư:

"Ví cũ quá hả? Của cha anh để lại cho anh, mấy chục năm đó". Chàng lục hết các ngăn dưới mắt Tư, chàng nói:

"Một trăm đồng nhất này để trả chị Sáu, còn lại của em tất cả là bao nhiêu, em đoán xem nào?"

"Em không biết?"

"Sáu đồng, sáu đồng đủ mua thuốc cảm".

Tư cất sáu đồng bạc vào túi, chàng nằm xuống dặn:

"Mai sáng nhớ mua thuốc ngay nghe không?"

"Dạ".

Chàng bỗng ngồi dậy nói:

"A! anh còn để gia tài lại cho em. Em có thích không?"

Tư ngỡ ngác:

"Một tấm vé số. Hy vọng là trúng".

Tấm vé số gấp làm tư giấu một ngăn kín. Chàng bảo Tư:

"Tất cả hy vọng của anh đó. Anh cho em hy vọng của anh. Em sẽ trúng nghe không. Chỉ cần độ một trăm ngàn thôi. Em trả nợ độ mười ngàn, còn lại em ra mở tiệm làm ăn, lấy chồng, đẻ con và sung sướng".

Tư hỏi lại:

"Biết bao giờ em được sung sướng như vậy?"

"Được chứ, mai anh chết rồi. Cái hy vọng của người chết cộng với cái hy vọng của em to lớn biết bao nhiêu. Anh chết để cho em trúng số. Em phải trúng nghe không?"

Tư hỏi ngây thơ:

"Anh chết thật? Tại sao anh chết?"

Chàng cười:

"Anh chết chứ. Chết cho em trúng số mà. Nếu anh không chết làm sao em trúng được".

Tư không biết làm gì hơn là ôm người đàn ông vào gần mình. Tư nói:

"Em nhớ mặt anh. Trúng số em đi kiếm anh".

"Không thấy đâu, em ơi!"

Tư khóc nức bất ngờ:

"Anh chết thật sao anh?"

"Anh chết thì em có mất gì đâu, đừng khóc nào, Tư".

"Nhưng em muốn anh sống".

"Ừ thì anh sống nhưng anh không bao giờ gặp em nữa cũng thế".

Tư cứ muốn được nằm mãi, mặt úp vào cổ người yêu và mặt người yêu áp vào tóc Tư. Ngoài cửa có tiếng chị Sáu kêu:

"Xong chưa Tư, sao lâu dữ?"

Tư đáp:

"Chưa, một chút nữa".

Chàng bảo:

"Thôi người ta đuổi anh đi rồi. Em có đuổi anh không?"

Mắt Tư mờ đi sau màn lệ:

"Không, em không đuổi anh. Em muốn giữ anh ở lại mà không được".

Chàng mỉm cười:

"Em gái anh ngoan lắm. Đến gần ngày mở sổ em nhớ dò cho kỹ nghe. Em phải trúng số".

Tư níu tay người yêu:

"Anh nằm nói chuyện với em thêm một lát nữa".

Tiếng thằng con chị Sáu nói dóng bên ngoài:

"Này, nó đang ruồng ở ngoài nghen".

Có cả tiếng con Lai nói:

"Du dương lâu vậy".

Chị Sáu bảo Thiệt:

"Mày đờn ca lên một khúc để chúng khỏi nghi mày".

Thiệt dạo mấy cúng trầm nhất, lên giọng: *"Ôi những ngày mơ mộng đã qua không bao giờ tìm thấy nữa, người viễn khách sau cuộc giang hồ phiêu bạt đêm nay chỉ còn biết than khóc cho bao mộng đẹp tan vỡ..."*.

Người đàn ông bảo:

"Thôi cho xong đi".

Tư nhìn trân trân người đàn ông cởi quần áo, nằm im không nhúc nhích. Chàng âu yếm cúi xuống cởi nút áo cho Tư. Tư vui sướng thấy mình không còn là một gái điếm vì Tư không tự mình làm lỏa thể mình. Nhưng khi người đàn ông ôm lấy Tư thì Tư cố gắng nói:

"Em có bệnh anh à".

Chàng mỉm cười tha thứ nhìn vào mắt Tư, trong mắt chàng có cả sự âu yếm đủ cho một đời người.

Chàng trở dậy chưa kịp nói thêm lời nào với Tư thì chị Sáu đã mở khóa lỏng vắng ở gian ngoài. Chàng mặc quần áo đi ra, hình như chàng có nhìn Tư lần cuối nhưng Tư không trông rõ mắt

chàng. Tư theo ra đứng nép bên cửa. Chàng đứng ngoài sân giữa chị Sáu và Thiệt, móc ví trả tiền cho chị Sáu. Tư bước vội ra vòng sau lưng chàng đi ra ngõ. Tư nghe chị Sáu nói:

"Lần sau thầy đến chơi, đây là nhà của tôi".

Tư ần vào ngách tối giữa hai căn nhà thấp. Tư nghe tiếng giày của chàng bước tới gần mình. Khi chàng đi ngang qua chỗ núp, chàng dừng lại châm thuốc lá, Tư khẽ gọi:

"Anh".

Que diêm chộp chờn. Tư thấy chàng mỉm cười. Tư vẫn không rời chỗ núp sợ chị Sáu bắt gặp. Tiếng chị Sáu kêu ở nhà:

"Tư ơi! Con quý đi đâu mất rồi".

Thiệt cũng kêu:

"Tư ơi!"

Chàng tiến lại gần ôm lấy Tư mà hôn, Tư dựa cả người vào vách nhà, muốn ngã quy vì yếu đuối. Chàng đặt vào tay Tư cái ví da đen:

"Anh để nốt cho em cái gia tài của cha anh, trong ấy không có gì hết, chỉ có thẻ kiểm tra của anh. Em giữ để cất tấm vé số cho chắc. Nhớ nghe không, em phải trúng số nghe".

Cái ví da đã mủn lép kẹp. Chàng bỏ đi không nhìn lại, dáng người cao cúi xuống. Tiếng chân của chàng đã khuất Tư linh cảm chàng chết thật. Chàng không nói rõn. Tư cố gắng nhớ lại khuôn mặt chàng nhưng không được, hình ảnh mờ mờ tan thành khói, Tư cố gắng nhớ lại giọng nói của chàng như chỉ còn văng vẳng hơi gió trên sông. Tư nhét cái ví da vào bụng rùng mình lo lắng. Đến mai Tư sẽ không thể nhớ ra chàng được nữa. Tư khóc, không dám khóc thành tiếng.

Nhưng một điều chắc chắn là trong bây giờ Tư đã có kỷ niệm. Tư đã có dĩ vãng để mỗi lần muốn nhớ Tư có thể gọi ra được.

Chúc em may mắn, Tư ơi! Anh từ biệt.

Đại lộ

Hôm ấy là một buổi chiều mùa đông, cách một năm trước khi Hà Nội lọt vào tay V.M. Tôi sắp sửa đến thăm Lan thì Vinh gõ cửa. Tôi đã khoác áo ngoài chỉ đợi ấm nước trên bếp còn sôi pha cốc cà phê rồi mới ra ngoài lạnh. Trời thấp và tôi nghĩ có lẽ Lan đã bật điện để đun hoặc sửa soạn cơm chiều vì gian nhà tối. Tôi sẽ ngồi vào ghế như thường lệ quên cả tiếng kẹt cửa nhẹ nhàng của Hà ở trường về. Nếu không việc gì bận tôi sẽ ở ăn cơm cùng hai chị em Lan quanh tấm phản. Trời sẽ tối sâu mãi, Lan tiếp tục công việc, tôi hỏi chuyện Lan hoặc Hà. Lúc trở về có thể khuya và rơi mưa lạnh. Lan đưa tôi ra ngõ. Chúng tôi nắm tay nhau và một đôi khi chúng tôi từ biệt nhau bằng cách trao đổi môi hôn. Nhưng sự có mặt đột ngột của Vinh xáo trộn dự tính của tôi buổi chiều không hề làm tôi khó chịu vì Vĩnh, Ngọc và tôi là ba người bạn tâm giao. Từ ngày Ngọc bỏ ra hậu phương tôi ít gặp Vĩnh. Tôi chỉ biết Vĩnh bận công việc buôn bán và tôi

cũng có những công việc riêng. Bao giờ gặp nhau Vĩnh hoặc Ngọc cũng là người nở nụ cười đầu tiên, trái lại tôi rất tiết kiệm sự biểu lộ cảm tình. Vĩnh cởi cái áo dạ choàng thấm nước đã cũ và hỏi:

"Bạn đi đâu không?"

Tôi trả lời gặp Vĩnh là vui rồi còn phải đi đâu. Vĩnh đến hơi bàn tay – tôi nhận thấy hơi gầy – gần bếp cồn và nhìn thẳng tôi nói:

"Không nịnh đấy chứ?"

Chúng tôi cùng cười. Trong khi Vĩnh lục soát bàn giấy làm việc của tôi, tôi loay hoay với phin cà phê. Cà phê nhà chỉ còn đủ pha một cốc, nhưng điều ấy không quan trọng đối với chúng tôi. Chúng tôi xẻ đôi cũng như có thể chia ba nếu còn có Ngọc. Vĩnh cho tôi biết dạo này Vĩnh thường bận rộn những chuyến đi xa. Vĩnh hỏi về công việc của tôi. Lúc ấy tôi chưa có ý định thành một người viết văn. Tôi đọc cho Vĩnh nghe hai bài thơ của tôi làm tặng Lan nhưng tôi không cho Vĩnh biết về Lan. Đọc thơ chúng tôi nhắc đến Ngọc vì Ngọc là một thi sĩ, theo ý riêng của chúng tôi. Ngọc hay làm thơ và thơ Ngọc tha thiết lắm. Theo tin tức Vĩnh nhận được thì Ngọc bị giữ và chịu những phương sách thi hành cho một người thay đổi tư tưởng.

"Nhất là người đó giàu tâm hồn thơ" – Vĩnh vỗ vào vai tôi và cười.

Tôi và Vĩnh đều phản đối sự bỏ đi của Ngọc nhưng vì trọng sự chọn lựa của bạn nên chúng tôi không ngăn cản. Vĩnh cầm cốc cà phê chỉ còn cặn giờ ngang tầm mắt:

"Tiếc không có nó hôm nay. Câu chuyện sẽ vui biết mấy. Vừa bắt đầu một mối tình và cần nói".

Tôi bảo cần những hơi thuốc lá để nhớ Ngọc được đầy đủ. Tôi khóa cửa và chúng tôi đi ra đường. Buổi chiều không hiểu bắt đầu từ lúc nào vì màu trời không sao phân biệt. Những chùm lá tối bí mật và những hàng dây điện mảnh như tóc. Chúng tôi cúi xuống mũi giày và lá ở ven đường. Thuốc lá đốt lên nghĩ đến Lan và cho rằng Lan đang nghĩ đến tôi. Còn gì sung sướng hơn được cạnh một người bạn thân và biết người yêu đang nhớ đến mình? Vĩnh cho tay vào túi quần tôi và kéo bàn tay tôi ra ngoài, xen những ngón tay Vĩnh qua những ngón tay tôi và nắm lại. Vĩnh và Ngọc thường thích nắm tay như thế, tôi thì không, nhưng tôi không phản đối.

"Cậu sẽ mến Châu, tôi tin chắc như thế. Châu không đẹp nhưng đôi mắt của Châu hoang đường quá lắm".

Tôi cười:

"Thi sĩ thế".

"Thật đấy, hoang đường quá lắm. Tìm ở thế giới này một cặp mắt hoang đường và một tâm hồn hiền dịu quả khó nhưng không phải hoàn toàn không có như thằng Ngọc bí quan. Nếu gặp Châu, nó sẽ phải nhận điều phán đoán của nó là sai lầm".

Tôi nhớ một lần tôi đã tranh luận với Vĩnh và Ngọc về đôi mắt của người đàn bà. Vĩnh và Ngọc về một phe cho là đôi mắt của người đàn bà có dự một phần quan trọng trong tình yêu của người đàn ông, nhưng chưa đủ. Tôi quá khích nhất định cho rằng đôi mắt của người đàn bà là cửa ngõ đầu tiên độc nhất để vào tình yêu, người ta chỉ yêu vì đôi mắt và những cái khác đến sau. Tôi nhắc lại với Vĩnh ý kiến của tôi và Vĩnh nắm chặt tay tôi thêm.

"Tôi gặp Châu trên những chuyến xe hàng về tỉnh nhỏ nguy hiểm và gian truân. Châu rất can đảm và hy sinh. Châu chỉ còn hai chị em, một đứa em gái nhỏ còn đi học".

Tôi muốn nói tới Vĩnh tại sao Châu lại giống Lan đến thế. Đôi mắt hoang đường ư? Cũng có thể nói thế với Lan. Có những buổi tối, biết thói quen của tôi, Lan pha cho tôi một cốc cà phê. Sau làn khói tím của thuốc lá và cà phê tôi nhìn vào cặp mắt Lan qua một khoảng không gian nhỏ hẹp gần gũi được phóng đại. Cặp mắt lòng đen to và sâu, mi mắt hơi sừng lên. Tôi nhìn thấy thật xa như ở quá khứ một đứa em gái nhỏ còn đi học? Chắc cũng giống Hà, vợ bên cạnh chị và những đồ đạc trong gian nhà. Tôi thường vuốt mái tóc Hà mềm để theo lối Nhật Bản và giảng cho cô bé những ý nghĩa của bài học thuộc lòng ngộ nghĩnh. Hà ôm lấy chân tôi và trong mắt thật cảm động. Tôi hổ thẹn vì vẫn giấu giếm những điều ấy với Vĩnh.

"Tôi hiểu Châu và Châu cũng rõ tôi. Nhưng chắc là không được bằng các cậu. Nhân thể đến thăm Châu nhé".

Không ước định với nhau, chúng tôi theo đường đi qua những đại lộ.

*

Nhà Châu ở một phố nhỏ gần ngoại ô tôi chưa qua lần nào. Đường không trải nhựa nhưng sạch vì dưới đế giày tôi cảm thấy sự tròn trĩnh của những viên đá xanh lộ nhô mặt đường. Phố gồm hai dãy nhà giống nhau. Tôi dò theo mặt Vĩnh để đoán nhà Châu. Trời đã sụp xuống đột ngột tôi chỉ nhìn thấy gò má của bạn. Vĩnh buông tay tôi và tiến lên trước. Đứng sau Vĩnh nhìn qua tấm kính cửa sổ mờ tôi không phân biệt được gì. Châu đón Vĩnh bằng một chuỗi cười hồn nhiên dài và ấm. Tôi nghe tiếng cười trước khi gặp mặt Châu và tiếng cười ấy chạy qua da thịt tôi khiến tôi cảm thấy lạnh.

"Anh giới thiệu với Châu đây là anh Tâm mà anh thường nói chuyện với Châu".

Châu đứng lui vào bên cửa nhường lối vào vừa chào vừa dò xét. Tôi không trông rõ mắt nàng.

Nàng mời chúng tôi ngồi xuống những chiếc ghế gỗ có dựa theo kiểu cũ và điện đã bật lên. Mắt nàng to và sâu, buồn lạ lòng mặc dù lúc ấy nét mặt nàng đang vui. Có một cái gì quyến rũ trong mắt ấy. Tôi rất kín đáo khi quan sát Châu.

"Em vừa về chiều nay, anh đến sớm thì không gặp".

Nàng còn mặc trên người tấm áo dài dạ đen.

"Thu đâu?"

"Nó chơi ở trên dì em".

Vĩnh đứng lên đi lại gần Châu nói:

"Chúng ta lên phố đi".

"Ồ ngoài lạnh lắm phải không anh?"

Nói câu này Châu có ý muốn tôi trả lời vì nàng nhìn tôi rất ý nhị. Tôi chỉ hơi mỉm cười và lấy tay lật mấy trang sách. Tôi ngồi gần bàn uống nước và trên ấy có một cái cặp trẻ con ở dưới là một vài quyển vở và sách.

"Đi gần anh còn ngại gì".

Châu quay người đi nên tôi không rõ ý Châu thế nào. Buồng không hẹp kê được một bộ phản, một tủ gương đứng, một bàn uống nước và còn thừa một khoảng rộng làm luôn luôn hơi lạnh. Phía trong là sân tối. Châu đi vào đổi áo dài. Tôi cầm lấy cuốn sách đã lật và đọc băng quơ. Cuốn sách giảng về quan niệm luyến ái theo chủ nghĩa cộng sản. Thấy sự tò mò của mình đi quá xa, tôi đặt trả cuốn sách xuống dưới cặp. Vĩnh nhìn vào gương và cười với tôi nhưng tôi tin chắc Vĩnh không chú ý đến cử chỉ của tôi vừa rồi.

Ra đến ngoài trời tối hẳn. Chúng tôi đi dưới ánh điện Châu khoác thêm áo choàng. Nàng kể cho Vĩnh về cuộc hành trình buổi chiều của nàng. Xe bị mìn đổ, chết người. Ngày mùa đông lạnh lẽo ở vùng tiền tuyến. Châu rất có khiếu kể chuyện. Tôi đi bên cạnh Vĩnh chú ý nghe như được nói cho riêng mình. Đến một ngã tư, Châu bảo Vĩnh:

"Anh biết không, suýt nữa em không về nhé. Có người hứa bảo đảm đưa em qua bên kia sông".

Giọng Vĩnh hài hước:

"Nghĩa là qua bên kia thế giới chứ gì".

"Đúng rồi, bên kia thế giới" – Châu nói rất ngây thơ.

"Nghĩa là không bao giờ về" – Vĩnh cười thật vui. "Mời cô đưa tay, tôi sẽ đưa cô qua bên kia thế giới".

Vĩnh nắm tay và dắt Châu qua đường. Tôi đi sau nhìn dáng Châu. Tôi nghĩ đến đến cuốn sách tình cờ đọc ở nhà Châu. Tôi tin rằng Châu còn tất cả sự ngây thơ.

Chúng tôi đi vào hè rộng của đại lộ nhiều cây lớn. Ánh sáng điện không đủ sức hắt vào hè. Những biệt thự đã ngủ sâu ở trong. Tôi nghe tiếng giày và giọng của Châu. Một lát, Châu hỏi Vĩnh:

"Anh Tâm ít nói nhỉ?"

Vĩnh hơi suy nghĩ:

"Vì anh ấy là thi sĩ".

"Ồ thi sĩ nghĩa là làm thơ, vậy chắc anh đương làm thơ, anh đọc cho Châu nghe xem nào".

Cả Vĩnh và Châu đều quay về tôi. Tôi bước thêm vài bước. Đến một chỗ ánh sáng rõ tôi nhìn xuống hè đường. Một dòng số ghi trên viên gạch lát: 1934. Suốt trong buổi ấy tôi chỉ nói một lần như thế này: *Viên gạch của bờ hè đại lộ này hôm nay được 18 tuổi khi chúng tôi đi qua.* Tôi tưởng sẽ nghe tiếng Châu cười, nhưng không trong luồng gió lạnh chỉ có một tiếng Vĩnh. Châu im lặng lạ lùng. Tôi hối hận vì câu nói vô nghĩa của tôi. Tôi nhìn mãi những viên gạch đi qua nhưng không tìm thấy dòng số nào nữa, cho đến khi qua khỏi đại lộ ấy. Vĩnh và Châu lại bắt

đầu nói chuyện nho nhỏ. Tôi cố không tin sự im lặng đã qua của Châu vì tôi không hiểu nó.

Tôi từ biệt hai người ở ngã ba rẽ về nhà tôi. Vĩnh cố mời tôi cùng đi ăn. Châu đứng khuất sau vai Vĩnh. Nàng cúi chào khi tôi bắt tay Vĩnh. Tôi vượt qua hàng cây xuống đường và tiếng bước của hai người bắt đầu. Tôi bỏ đại lộ vào phố nhỏ.

*

Từ ngày ấy tôi không gặp lại Châu nữa. Còn Vĩnh cho đến ngày Vĩnh mất tích, chúng tôi gặp nhau hai lần. Lần nào tôi cũng đều hỏi thăm Vĩnh về Châu. Cái cảm giác buổi đi chơi tay ba còn rung động mãi lòng tôi. Và câu nói của tôi hôm ấy là đầu đề một bài thơ của tôi. Lần thứ hai Vĩnh cho tôi biết là Châu hoạt động cho ngoài kia. Tôi không ngạc nhiên về điều ấy. Vĩnh tâm sự:

"Châu hay nói dối quá. Tôi không dám tin vào đôi mắt Châu nữa. Người ta có thể mang một tâm hồn trái nghịch với đôi mắt người ta ư?"

Tôi quả quyết với Vĩnh rằng Châu không dối, Châu thực thà. Và nếu Châu có hoạt động cho ngoài kia cũng vì sự thực thà ấy, vì lòng yêu nước nhiệt thành thiếu ý thức mà thôi. Tôi tin Châu, tin vào đôi mắt Châu. Vĩnh lắc đầu:

"Không, còn những chuyện khác nữa".

Nói xong Vĩnh đốt thuốc lá trầm ngâm. Tôi không muốn hỏi những chuyện ấy và chỉ cố gắng nhấn mạnh là nên tin Châu, tin đôi mắt của Châu.

Đêm ấy Vĩnh ngủ lại với tôi và đôi mắt của người đàn bà lại là dịp để chúng tôi tranh luận đến gần sáng.

Vĩnh được dịp phơi bày những sự hiểu biết về phái yếu. Những lúc ấy tôi biết Vĩnh đang đau khổ dữ lắm.

Mãi sau khi Vĩnh biệt tích, tôi mới hiểu đêm ấy là đêm Vĩnh đến từ biệt tôi. Đó là vào mùa hè năm sau. Sự biệt tích của Vĩnh đột ngột, gia đình Vĩnh không hay biết, đến ngay tôi là bạn thân cũng vậy. Mẹ Vĩnh tìm tôi, và nhất định cho đó là lỗi ở Châu. Bà cụ không biết Châu, chỉ biết Vĩnh có liên lạc với Châu và Châu hoạt động cho ngoài kia:

"Tôi chắc em nghe lời dụ dỗ của nó mà bỏ ra ngoài kia hay là bị ngoài ấy bắt".

Tôi cố gắng phân giải cho mẹ Vĩnh biết điều ấy không thể có được. Vĩnh không bao giờ bỏ ra ngoài. Tôi tin Châu hoàn toàn vô tội. Tôi cố an ủi bà và hứa sẽ dò xét tin tức của Vĩnh. Sau này khi vào đến Sài Gòn, tôi được tin Vĩnh ở ngoại quốc. Đưa bà cụ ra về, tôi đến Lan. Không khí mùa hè oi ả, chúng tôi đặt ghế ngồi ở ngõ. Bao giờ Lan cũng với cuộn len đan để tìm sự tương tự với mắt Châu. Tôi buồn nhớ Vĩnh. Tại sao lại có sự gây đổ giữa Vĩnh với Châu? Liệu tôi với Lan có giống thế không? Tại sao tôi yêu Lan? Mà không yêu Châu chẳng hạn? Tôi xưa đuổi ý nghĩ này. Nhưng tôi cảm thấy sự ngọt ngào từ mắt Lan và giọng nói tiếng cười Châu buổi ấy lẫn lộn cùng sự im lặng của Châu sau câu nói vô nghĩa của tôi...

Tôi hỏi Lan giả thử có một cuộc chia cắt đất đai Lan sẽ đi hay ở lại. Lan ngừng lên rất lâu trả lời:

"Em chưa rõ nhưng có lẽ em ở lại. Nhưng tại sao anh lại hỏi em như thế?"

Tôi trả lời đó chỉ là câu hỏi và tôi hỏi tiếp giả thử tôi đi thì Lan nghĩ sao.

"Em không biết. Đó là quyền của anh. Chúng ta chưa phụ thuộc vào nhau".

Tôi bỗng cảm thấy tôi yêu Lan lắm, yêu muốn phát khóc. Tôi bảo cho Lan biết tin Vĩnh mất tích. Lan ngừng công việc hỏi:

"Ồ anh Vĩnh mất tích, sao thế?"

Tôi vẫn thường nói về Ngọc và Vĩnh với Lan, nhưng chưa bao giờ nói về Lan với Ngọc và Vĩnh. Tôi vẫn tự trách như thế là một thái độ thiếu thành thực.

"Anh có rõ nguyên do không?"

Tôi trả lời là không được rõ và tôi cũng kể cho Lan nghe về Châu.

"Chắc chị ấy buồn lắm".

Khuya lắm tôi mới từ biệt Lan. Tôi không về thẳng nhà mà lang thang ngoài phố. Tôi nhớ cùng một lúc mắt Lan và mắt Châu trên những lùm cây.

*

Mùa hè năm sau, sự chia cắt đất đai thành sự thực. Cũng như chúng tôi đã nói chuyện với nhau, tôi quyết định bỏ đi và Lan ở lại. Hình như sự chia rẽ giữa chúng tôi không đau khổ mấy vì chúng tôi cảm thấy điều đó ngay từ lâu. Yêu nhau trong thời loạn không bao giờ nên tính đến sự bền vững. Tôi không nài ép Lan theo tôi cũng như Lan không giữ tôi ở lại. Chúng tôi nhận sự chia cách thật tự nhiên và chua xót. Căn nhà của Lan lặng lẽ thêm, khuôn mặt Lan và Hà càng ủ rũ. Lan quyết định trở về quê với cô vì nàng còn người anh lớn đi theo kháng chiến.

Buổi tối trước khi khởi hành tôi hẹn ăn cơm với hai chị em Lan và chúng tôi sẽ nói chuyện như thường lệ. Sau khi thu xếp mọi công việc, trời còn sáng, tôi dạo qua các phố để thu lần cuối những ánh hình kỷ niệm vào trí nhớ. Và sự tình cờ đã khiến tôi gặp Châu. Nàng gầy hơn lần gặp trước cách đây hai năm. Nàng đi bên đường và cũng nhìn tôi nhưng có lẽ không nhận ra tôi. Tôi gọi tên nàng trước. Nàng đứng lại hơi ngạc nhiên. Sau khi tôi tự giới thiệu và nhắc lại kỷ niệm cũ, nàng tỏ ra vui mừng được gặp một người bạn của Vĩnh:

"Đã hai năm đấy anh nhỉ và anh Vĩnh bỏ đi hơn một năm rồi".

Nàng không thay đổi chỉ gầy đi một chút nên cặp mắt thêm lạ. Tôi hỏi thăm nàng xem nàng có biết tin tức gì của Vĩnh không và tôi nói thẳng cho nàng biết nhiều người nghi nàng có dính đến vụ mất tích ấy. Nàng mỉm cười rất nhẹ và hồi lâu sau nói:

"Nhưng tôi mong rằng anh còn hiểu tôi".

Chúng tôi cùng bước song song trên đường về nhà Châu. Tôi nói tôi là người bảo vệ cho nàng. Đáng cảm động, Châu hơi nghiêng sang một bên:

"Cám ơn anh".

Tôi hỏi về sự quyết định của nàng trước thời cuộc. Châu nhìn vào tôi hỏi lại:

"Anh biết là tôi hoạt động chứ?"

Tôi mỉm cười gật đầu, bảo với nàng rằng tuy thế tôi tin ở con người nàng hơn là những hành động của nàng đã qua hay sắp tới. Nàng cúi đầu đáp khẽ:

"Có lẽ anh nhận xét đúng nhưng tôi không đi vì nhiều có khác".

Tôi nói với nàng tôi rất hiểu tâm sự những người ở lại. Tôi so sánh Châu với Lan. Buổi chiều vàng bệch vài phút rồi tắt hẳn. Chúng tôi đi vào đại lộ cũ. Chúng tôi cùng bước trên bờ hè ấy. Đèn thành phố đã nhoi lên. Đến một chỗ, Châu dừng lại hỏi:

"Anh còn nhớ một câu anh đã nói ở đây hôm ấy hay không?"

Tôi nhìn xuống viên gạch. Dòng số 1934 lật ngược trước mắt tôi. Tôi nói gần như thì thầm: *Viên gạch của đại lộ bờ hè này hôm nay được hai mươi tuổi khi chúng tôi qua*. Và tôi nắm chặt bàn tay Châu, hai bàn tay run cảm động. Sự im lặng này giáng nghĩa sự im lặng hai năm trước.

Tôi đưa Châu về tận nhà, vẫn gian nhà cũ, nhưng không vào. Tôi bảo với Châu ở cửa rằng tối nay là tối cuối cùng của tôi ở Hà Nội. Châu mỉm cười và tiễn tôi bằng cặp mắt hừng hực của nàng.

Tôi không quay về nhà Lan mà đi mãi trên những bờ hè đại lộ. Sáng hôm sau tôi lên đường khi thành phố chưa dậy.

Isabelle

Lưu ngồi trên chiếc cối đá dưới gốc măng. Con chó già nằm xuống trước những thân rễ xoài ra chạy trốn. Nước đầy con kính như buổi chiều chập. Bên kia bờ thấp thoáng ánh đèn dầu và tiếng nói. Isabelle phải chết, Isabelle phải chết. Lưu đến gần vuốt ve con vật già để nó liếm lên tay và chàng vạch bằng những chữ hoa xuống mặt đất mịn nước mưa những trận qua: Isabelle phải chết. Một giọng hát trầm, những dây đàn trùng một bản vọng cổ bay qua trên mặt nước. Nhưng bằng cách nào? Isabelle phải chết, nhất định như vậy rồi, nhưng bằng cách nào? Phải chọn cho nàng cách chết, một lối chết, một trường hợp chết cho riêng nàng. Như cho Lưu? Lưu và Isabelle! Có cái gì trong hai tiếng ấy? Isabelle sẽ tự tử. Nhưng bằng gì? Một viên đạn, liều thuốc ngủ hay mở ngỏ mạch máu cổ tay. Không. Isabelle không tự tử. Isabelle vẫn đi một mình dọc theo bờ sông trên kê đá nghiêng, môi phớt hồng. Rồi một quán cà phê hiu quạnh ở đây nó, phải *chính nó*, nó sẽ giết Isabelle trước cặp mắt kính ngọc của người gái già thu tiền. Phải *nó* sẽ hạ sát Isabelle, không ai ngoài *nó* cả, dù người ấy là Isabelle cũng không có quyền về cái chết của Isabelle. Và cách chết nữa. Nó sẽ chọn cho Isabelle cách chết. Nó sẽ bắn một viên đạn vào tim nàng như trong phim trinh thám, không vào giữa trán nàng chỗ chấm trang điểm của người thiếu nữ Ấn Độ. Nó sẽ bỏ vào đầu Isabelle bằng một cái búa Raskolnikov, như Raskolnikov bỏ vào đầu hai người gái già úa héo, nó bừa đôi đầu Isabelle, người con gái mắt to như hòn bi thủy tinh và đôi môi sẵn sàng. Bàn tay Lưu đau tê; chàng không để ý con chó già đã nhay bàn tay ấy rất lâu, dẫu đỏ bầm. Lưu đập mạnh tay vào giữa đầu con chó, nó sợ hãi và dúi

vào lòng chàng. Lưu đứng lên lấy chân xóa hàng chữ "Isabelle phải chết" trước khi theo lối có trong vườn. Con chó già thần thò theo sau. Bài vọng cổ vẫn đều hiu lắt lất sau hàng dừa và khoảng không gian những cây xanh.

Isabelle nép đầu vào ngực nó và nói:

"Em hoàn toàn thuộc về anh".

"Như?"

"Như em hoàn toàn thuộc về cái chết".

Nó đặt cả hai tay lên cái cổ tròn Isabelle và nâng nhẹ như ve vuốt. Cho tới khi đôi mắt Isabelle mở to nhìn nó và nó nhìn Isabelle, trông thấy hai hồn bi thủy tinh đến chết. Isabelle chết.

Lưu thờ dài. Con chó già quay trở lại trong vườn, Lưu bước vào nhà. Đó là gian nhà gỗ lợp ngói kiểu cổ. Những cây cột to và hoành phi câu đối. Hai bộ phản dày nặng và già như rui kèo, đồ vật, súc vật, người, ở đây. Mái ngói cao căn nhà rộng Lưu ngồi xuống bàn trước tập giấy trắng. Cuốn lịch xếp không cần năm tháng không cần thay đổi cùng thời gian, đứng đó. Ngoài đường xa vọng vào những tiếng kèn ve vang. Lưu nói lên một mình:

"Ồ mình về Sài Gòn chứ".

Để gặp Isabelle. Từ một xóm nhà con mèo đi đến phía Lưu ngồi, nhảy lên nằm cuộn tròn trong lòng chàng rên nho nhỏ.

Bữa cơm ăn bên trái bếp một cái bàn mộc, ở đó trông lên trời mờ đục hơi nước. Cụ Tám, giáo học về hưu, rót hai ly bia bọt ngẫu. Đàng xa cụ bà lui cui với luống hoa tím. Lưu mời lớn:

"Cụ vào xơi cơm".

Bữa cơm sẽ qua đi với truyện mưa nắng vườn cây và cuộc sinh hoạt. Nhưng Lưu hỏi:

"Giờ này còn xe về Sài Gòn không nhỉ?"

"Ông tính về?" Cụ Tám hỏi. "Ừ cũng nên về chơi ít bữa".

Bà cụ vun xong luống hoa trở vào nói với Lưu:

"Trời muốn mưa mà ông đi?"

"Có khi Sài Gòn không mưa".

Bà cụ móc túi lấy tiền đưa cho Lưu và bảo:

"Ông mua dùm tôi với cô Ba ít tấm vé số dưới Sài Gòn, đổi nơi coi có hên không".

Lưu ngạc nhiên:

"Cô Ba mua giấy số?"

Bà cụ cười:

"Cô ấy muốn trúng độc đắc mà".

Cụ Tám trở vào Lưu:

"Cho cô ấy cái số độc đắc này".

Bà cụ tiếp:

"Hay ông có tính thật tôi lo cho".

"Cụ không sợ nay mai thống nhất vợ cháu nó "bất thường" cụ sao?"

Mặt bà cụ buồn hẳn, cụ có một đứa con trai tập kết miền ngoài, nhưng cụ vẫn nói:

"Cô Ba hiền khô à. Cô ấy trông nom cho ông. Tôi sẽ dành cho hai người miếng đất góc kia cất nhà".

Theo tay chỉ Lưu trông ra những tùm cây xanh.

Đột nhiên Lưu nảy ý kiến:

"Hay cụ cùng đi Sài Gòn với cháu?"

Cụ Tám trợn mắt:

"Ông không có việc gì sao?"

Lưu lắc đầu:

"Cháu sẽ đưa cụ đi dạo đêm Sài Gòn".

"Thôi để ông đi một mình. Tôi không thích, Sài Gòn rộn lắm".

Vẻ lặng lẽ của khuôn mặt lời nói buổi chiều với những tấm phản dày, mái ngói nghiêng, cột lớn khu vườn rộng đã như thế sáu mươi năm liền không một đổi. Cụ Tám sinh ra ở đây lớn lên và chắc sẽ chết nơi đây. Vẫn đi dạo những con đường ấy trong những buổi tối ấy mà không bao giờ chán, cuộc đời là tha thiết như thế chẳng? Bây giờ bà cụ muốn cắt một mảnh thân thể, một mảnh đời ấy cho Lưu nhưng Lưu còn phải nghĩ tới Isabelle.

Lưu còn nghĩ tới Isabelle.

*

Hai người đứng trên thềm nhà hát lớn bắt đầu hiu quạnh ngó mông vào những con đường lớn đầy bóng cây và ánh sáng chập chờn gió về đêm giữa thu. Tấm áo dài trắng dính sát vào thân Yến gầy không có ngực. Khán giả đã về hết, những lời bình phẩm cũng im xa trên vỉa hè.

Lưu nắm lấy bàn tay Yến, xương xẩu không có lấy chút hơi ấm và bước từng bước xuống

đường. Yến rút tay ra và Lưu cho tay vào túi quần chờ đợi. Yến cất tiếng hỏi:

"Anh nghĩ thế nào về vở kịch?"

Lưu đếm thầm trong trí bảy bước rồi mới nói một ý nghĩ đã có sẵn:

"Anh mê tiếng hát trên sân khấu".

Yến chậm rãi:

"Và anh mê luôn cả người hát?"

Lưu biết đã đến lúc phải hút thuốc lá. Ánh diêm xòe rồi vụt tắt, vĩa hè như sáng rõ lên và đốm lửa nháy trong mắt Yến. Lưu bình tĩnh:

"Quỳnh Giao".

Giọng Yến gần và thản nhiên:

"Người như Quỳnh Giao hợp với anh, phải không anh Lưu?"

"Người nào? Người trên sân khấu hay người ngoài đời?"

Yến không trả lời mà im lặng. Xác lá khuya khuya động trên mặt đường. Càng sâu vào khuya Lưu càng thấy Yến mỏng như tờ giấy. Mớ tóc uốn rối lên. Giữa hai người vẫn khoảng cách một hàng gạch. Lưu bỗng thổi sáo một bài hát Tây cũ kỹ. Yến gất:

"Em không thích anh khuấy động như vậy".

Lưu bực mình vì bao thuốc rỗng không; chàng vo tròn ném xuống vĩa hè và đá nó một quãng xa như lửa bóng. Đến ngõ rẽ về nhà, Yến bước thẳng sang đường không ngoái mắt. Lưu gọi:

"Về thôi chứ?"

Yến không đáp. Lưu lẳng lặng theo sau. Đoạn đường còn sâu hút và tối lạnh. Yến hỏi từ đằng trước không ngoái lại:

"Anh viết xong cuốn tiểu thuyết của anh chưa?"

"Em là vợ anh em phải biết điều đó chứ".

Yến đợi cho Lưu đến ngang hàng nhìn thẳng vào mắt Lưu hỏi tiếp:

"Tại sao anh bỏ dở?"

Lưu buột miệng trả lời cũng không hiểu vì đâu:

"Vì anh vừa tìm thấy một nhân vật mới rất đẹp: Isabelle".

Yến nghiêm nghị:

"Em nhắc anh mãi là em không thích nói đùa".

Lưu bướng bình cãi:

"Anh không nói đùa. Anh vừa nghĩ tới Isabelle. Ồ! Israel. Ta sẽ giết mi vì hạnh phúc của mi. Nghe thấy không?" Lưu hoa chân múa tay như đang đóng kịch trên sân khấu.

Yến nhìn thẳng tiếp tục đi với ý nghĩ của nàng. Lưu cụt hứng và xuống đường một mình, Yến trên vỉa hè. Đêm Hà Nội bỗng nặng nề những tiếng ì ầm đâu đây. Lưu muốn quay về nhà chui vào chăn ấm. Yến thức dậy nói lớn:

"Anh có biết tại sao không bao giờ anh viết trọn được tác phẩm nào không?"

Lưu chán ngấy đến mang tai nhưng vẫn trả lời:

"Vì lẽ giản dị anh không phải là nhà văn chuyên nghiệp, lúc nào thích thì viết. Mà anh chẳng thích cái gì trọn vẹn cả".

"Không phải. Anh sợ trách nhiệm". Yến gần giọng. Lưu bỗng cười ngất, tiếng cười vang động cả chòm cây suốt dọc phố vắng. Nhưng Lưu im bật vì thấy tiếng cười vô nghĩa mặc dù nó còn kéo dài trên môi và trong đầu. Lưu nói:

"Trách nhiệm? Trách nhiệm với ai mới được chứ? Với em? Hay với hàng phố này? Em phải nhớ anh có thể viết xong và đốt đi cũng chẳng thiệt hại gì cho ai..."

Yến cắt ngang lời:

"Anh là một thứ *raté* của cái xã hội này".

Lưu im bứt, không ngờ Yến có thể tàn nhẫn đến thế. Mặt Lưu nóng bừng tưởng muốn vỡ ra thành nước mắt, cổ họng bị nghẹt cứng. Yến dịu giọng không nhìn Lưu:

"Anh chui vào tháp ngà sống một mình xa cách mọi người. Không ai hiểu anh ngay cả vợ anh". Ngừng một chút giọng Yến lại sôi nổi hơn: "Tại sao lại Isabelle? Cái xã hội chiến tranh đau khổ này không liên lạc gì với anh hay sao? Lúc nào anh cũng mơ tới một nơi anh chưa đặt chân đến những người anh không gặp và không cùng sống như họ. Anh có thấy như thế là không tưởng không? Để rồi anh sẽ chết vô ý thức như con sâu cái kiến".

Lưu xúc động vô cùng muốn la lớn cho Yến thôi không nói nữa.

"Anh biết rằng em rất ngay thẳng. Em vẫn tự hỏi: Không biết còn cái gì ràng buộc chúng ta?" Yến tiếp.

Lưu trấn tĩnh xong đi sát gần Yến nắm lấy tay Yến, vẫn không chút hơi ấm nào. Yến không rút tay và Lưu bắt đầu nói:

"Anh cảm ơn em đã thành thật với anh. Hôm nay thì anh hiểu cái nguyên nhân ngăn cách vợ chồng chúng ta ngót năm nay, từ ngày em hoạt động lại theo lý tưởng của em. Anh biết nhưng anh không muốn nhúng vào vì trọng sự tin tưởng của em. Nhưng tới bao giờ thì chính em muốn phá đổ sự tin tưởng của anh. Có thể là em có lý: anh là một thứ *raté* đầy rẫy trong cái xã hội này, không tưởng, bất lực".

"Chỉ có điều này anh cần cho em rõ là anh không sống một mình xa cách mọi người. Anh đã kể cho em biết đó: anh là con hoang, mẹ anh là đào hát. Đào hát chỉ có những phút sống thực ở những nhân vật mình đóng, ngoài ra khi sống với mình thì chán chường quá lắm. Anh thừa hưởng cái di sản quý báu và vô phúc ấy của mẹ anh. Anh chỉ muốn sống và sống được khi anh nghĩ nhập được với cái sống của kẻ khác. Mẹ anh đuổi theo những nhân vật và chìm vào trong ấy và không muốn bao giờ màn buông xuống đèn tắt đi. Anh cũng vậy, anh đuổi theo cuộc đời của kẻ khác muốn nắm lấy, muốn lấy làm mình như thất bại. Ừ anh không tưởng, *raté*. Nhưng nếu anh sống cho riêng anh thì anh tự tử từ lâu rồi, người đào hát sẽ chết rũ khi xa sân khấu. Anh sống bên cạnh em tưởng như xa cách nhưng thật anh đang cố sống cái đau khổ của em: người con gái mồ côi thiếu thốn mọi thứ, đã tự cướp lấy cho mình một số vốn tri thức và quay lại trả thù xã hội. Chúng ta yêu nhau vì chúng ta hiểu nhau nghĩa là chúng ta sống lẫn được cuộc đời của nhau. Khi đã không thể nào nhập được nhau tất nhiên tình yêu kia cũng chết đi. Đến bây giờ em không yêu được anh nữa nhưng anh vẫn yêu em tha thiết vì anh đang sống tất cả cái day dứt vò xé của tâm hồn em như chính trong thân thể anh. Đau đớn nữa là anh đã cho anh cái ảo vọng muốn rằng tất cả mọi nỗi đau khổ của mọi người anh yêu anh phải chịu đựng. Chỉ một anh đau khổ là đủ. Có phải là ngộ cuồng không?"

"Isabelle hay Yến cũng thế, hãy trao cho anh cái đau khổ của em, anh muốn và anh sinh ra để như vậy. Còn nữa, anh nghĩ rằng trong xã hội phải có những kẻ chết như con sâu cái kiến vô tội hồn nhiên mới làm cho người ta ghê tởm. Nếu mọi người ý thức và cầm lấy khí giới thì cuộc tàn sát sẽ thân nhiên và thú vật như thế nào. Nếu cần, anh biết nhận thất bại và mãi mãi là thú *raté*".

Đêm ấy Lưu dựa đầu vào ngực khô héo của Yến mà ngủ.

*

Sài Gòn mưa, Lưu bước mau trên vỉa hè phố lớn, nghĩ Sài Gòn ít mái hiên hơn Hà Nội. Trước hết Lưu dừng lại ở một hàng bán vé số, xé ba tấm trong ba tập khác nhau. Rồi Lưu tìm đến một tiệm nước sang trọng có âm nhạc giúp vui vào buổi chiều. Căn phòng đương trống. Tiếng kèn đồng áo nã, dương cầm buồn tẻ và đại hồ cầm như tiếng đập yếu ớt của mạch máu. Tấm màn sau lưng ban nhạc màu tím của hoa héo. Ghế ngồi trải màu huyết dụ. Điệu Blue buồn, Isabelle khiêu vũ, chết trong tay nó. Hình như đã xảy ra ở đâu rồi? Bên quầy rượu là những khách hàng ngoại quốc. Lưu không trông thấy mặt những người đàn bà rót rượu. Bản nhạc hết rơi vào khoảng trống không nhạt nhẽo. Nhạc công xuống quầy giải lao. Ngoài Lưu còn năm người khách nữa trong tiệm. Ba người lính thủy dựa lưng trên ghế dài chéo góc đang nói chuyện. Đôi vợ chồng già, người Việt Âu hóa, trầm ngâm. Người vợ bưng ly nước cam uống; màu vàng tươi quá không hợp với bà. Ly người chồng là cà phê nước đá đen trong. Không ai chú ý đến người nữ ca sĩ đã lên tiếng hát trước máy vi âm. Màu hồng của áo và bài hát kể một sáng Chúa nhật trời mưa với một đám tang. Nó đi trong đám tang ấy cúi đầu, nói chuyện với Isabelle trong áo quan:

"Em thuộc hoàn toàn về anh như thuộc hoàn toàn về cái chết. Em có ân hận không?"

"Không".

"Bây giờ chỉ riêng mình anh chịu đựng đau khổ thôi".

"Vâng chỉ riêng mình anh thôi".

"Bây giờ anh sung sướng?"

"Vâng, em sung sướng".

"Như?"

"Như hai bàn tay không".

Không ai vỗ tay cả. Ba người lính thủy mỗi người nhìn về một phía theo đuổi ý nghĩ riêng. Người chồng già ngược mắt lên trần; người vợ trông ly nước cam. Gần bàn Lưu thêm một thiếu phụ. Nàng mặc áo dài màu hoa cà đơn sơ, mái tóc rối thân người mảnh. Một thoáng Lưu bắt chợt thấy mình đã sống trong cảnh này lúc nào rồi và người thiếu phụ kia thật quen thuộc. Tiếng kèn đồng xé khoảng chật hẹp mở đầu khúc nhạc huyền ảo. Có thể Isabelle ngồi đúng chỗ ấy, áo mưa xắn lộ đôi cổ tay tròn trĩnh. Nó ngồi đây và nó đã bước sang bên Isabelle cúi xuống.

"Thưa cô hôm nay trời mưa thật buồn".

"Nếu không khoác áo choàng. Nhưng tiếc rằng, thưa ông, tôi lại khoác áo từ nhà" – Isabelle cười ngất.

Mưa đổ mạnh bên ngoài làm xa hẳn tiếng kèn. Lưu bắt gặp cặp mắt thiếu phụ nhìn chàng. Thiếu phụ cúi xuống ngó mặt bàn, mặt bàn vẫn còn trống như sàn nhảy về khuya, như sân khấu về khuya. Lưu chợt kêu lên trong trí:

"A! Quỳnh Giao!"

Khi người bồi mang đặt cốc nước lên bàn Quỳnh Giao, nàng trao cho hắn một mảnh giấy nhỏ. Bên kia người thủy thủ ngồi giữa – còn trẻ lắm – đã ngửa sau ghế ngủ. Còn hai người bạn cố tình chụm đầu vào nhau thì thầm che khuất cho bạn. Gian phòng rộng bỗng tỏa không khí hải cảng mà đôi vợ chồng già là chủ quán, Quỳnh Giao người gái giang hồ thất nghiệp và Lưu gã con buôn khánh kiệt tài sản.

Anh chàng thổi kèn đồng mặt choắt giới thiệu một bài hát do khách hàng yêu cầu. Người nữ ca sĩ cất tiếng, giọng vút lên đột ngột khiến anh thủy thủ trẻ giật mình ngỡ ngác. Lưu nhận ra đó là bài hát của vở kịch Quỳnh Giao đã đóng. Lưu biết mình sẽ nói những gì với Quỳnh Giao sau bài hát này. Ôi Isabelle! Ta sẽ giết mi vì hạnh phúc của mi. Nghe thấy không?

*

Đi được một đỗi xa khỏi quán nước mà hai người vẫn chưa nói lời nào. Lưu đã nắm tay Quỳnh Giao tránh một vũng nước – mưa đã tạnh – và giữ im bàn tay, bàn tay xương xấp xấp mồ hôi giá lạnh. Tới một chỗ rẽ Quỳnh Giao rút nhẹ tay và nói:

"Tôi cảm động lắm. Không thể ngờ còn có một khán giả nhớ ra tôi. Đó là lần thứ nhất lên sân khấu và chắc cũng là cuối cùng".

"Cô không biết hôm ấy cô làm tôi xúc động vô cùng?"

"Tôi hay nhân vật tôi đóng?"

Lưu hơi mắt tự nhiên:

"Tôi không trả lời được. Điều chắc chắn là không bao giờ tôi quên được giọng hát và giọng nói của cô hôm ấy".

"Giọng ấy hôm nay còn không?" Quỳnh Giao hỏi hết sức thản nhiên.

"Vẫn còn".

"Cám ơn ông".

Hai người ra đến bến tàu. Mặt sông lạnh lùng sau trận mưa. Những thân tàu trầm mình nặng nề trong bóng tối. Bên kia sông một vài đốm lửa trôi vật vờ.

"Cô có dự định trở lại sân khấu không? Tài nghệ của cô để quên đi thật ảm đạm".

Quỳnh Giao cười gọn:

"Không có sân khấu để trở lại và chẳng có kịch để đóng".

Lưu bỗng nảy ý kiến:

"Tôi có kịch cho cô đóng. Tôi sẽ viết kịch".

Quỳnh Giao lại cười:

"Còn sân khấu?"

Lưu khoả tay làm một cử chỉ rộng:

"Đâu chẳng có thể là sân khấu được? Như cô đứng đó tôi đứng đây trước có thể bắt đầu khai diễn một vở kịch".

Quỳnh Giao thấp giọng:

"Như thế hơi mệt đấy ông ạ".

Hai người bỏ bến tàu sau lưng, ngược vào thành phố theo một đường hè rộng. Họ im lặng cho tới khi đến một phố sáng hơn. Quỳnh Giao hỏi:

"Ông thử kể cho tôi nghe vở kịch của ông?"

Lưu không suy nghĩ đáp:

"Vở kịch của tôi nhan đề là: Isabelle".

"Cái tên quyền rũ đấy chứ".

"Nhưng nó giết Isabelle".

"Nó giết Isabelle? Nghĩa là..."

Lưu cúi đầu trầm tư. Những ý nghĩ quen thuộc bỗng trở thành xa lạ không ràng buộc. Lưu, Isabelle. Nó, Quỳnh Giao. Yên, càng không nói ra được.

Quỳnh Giao vẫn đều bước.

Mưa đã tạnh hẳn từ lâu, không khí trong mát. Lưu hít lấy khoảng trống vào ngực. Mặt đường bóng cẳng như ngực dậy thì. Phố nhỏ này hiện lên một vài mái hiên thấp. Lưu nói:

"Chúng ta hãy tìm một chỗ nghỉ chân".

Đó là một quán cà phê thân mật ánh sáng dịu dịu bàn ghế xinh xắn, những chiếc phin trắng và nóng. Cho đến lúc mà đầu óc Lưu rỗng tuếch toang. Lưu muốn khóc nức nở. Trên mặt kính mờ ngăn cách với đường phố Lưu ngó thấy mặt mình là một kẻ xa lạ. Bây giờ thì Isabelle chỉ còn trơ là một cái tên. Ba âm cách biệt: I-Sa-Ben. Nó đã ngỏ hết Isabelle. Nó không phải là Lưu, Isabelle không phải là Yên, hẳn nhiên không thể là Quỳnh Giao. Nước thừa trong phin tràn khỏi nắp hứng ra bàn và nhỏ xuống sàn, màu đất loăng Quỳnh Giao nói:

"Theo ý tôi, thưa ông, như thế chưa gọi là kịch được. Đó chỉ là một cuộc phiêu lưu của tâm hồn trên những miền đất hoang của nó".

"Cuộc phiêu lưu ấy có bao giờ ngừng không?"

"Không".

"Kịch đã bắt đầu từ đây, thưa cô".

Cuối cùng Quỳnh Giao từ biệt lúc hơn mười giờ. Khi Quỳnh Giao sang bên kia đường không còn bóng trên mặt kính, Lưu biết không bao giờ được gặp người đàn bà ấy nữa. Nền trời thấy xuất hiện lốm đốm sao.

*

Mưa buổi sớm làm rêu rĩ thành phố. Hè đường nhớp nháp vắng người. Những sạp báo chụp lên những tấm toại kín mít. Lưu mệt mỏi vì một đêm ít ngủ nhưng không muốn ở lại Sài Gòn. Rời khỏi hàng điếm tâm Lưu và Quang đi nép qua những mặt nhà đến bến xe. Nước làm mờ khúc phố xa. Quang dắt Lưu băng qua đường ở ngã tư với một mắt đèn đỏ, một chiếc ô-tô nhỏ lè loi dừng sát lề. Hai người đứng lại dưới mái hiên lấy khăn tay lau mặt – mưa rơi dày hơn. Mai sáng cứ lặng lẽ đi buồn nản. Chiếc xe nhỏ rồ máy hực hực, thông thả lăn bánh vào khoảng hơi nước, Lưu hơi chóng mặt buồn nôn, thềm chỗ nghỉ lưng, Lưu thấy mắt chùng trũng xuống, mặt nhớp nháp khó chịu.

Quang hỏi:

"Anh cần về lắm hay sao?"

Lưu gật đầu. Một cơn gió hất nước mưa vào chỗ hai người đứng. Lưu nói trong trạng thái tâm thần mê mẩn:

"Tại sao mình lại đứng đây nhỉ?"

Lưu từ chối không hút thuốc khi Quang mời vì Lưu biết chỉ một ngậm khói thuốc đủ làm chàng mưa ngay tại chỗ. Quang khó khăn mới đốt xong điếu thuốc ầm ròi thả tầm mắt sang tận bên kia góc phố – mảnh tường vàng thẫm nín loang lổ những bích chương – nói trầm trầm như mãi theo đuôi ý tưởng:

"Tôi nghĩ cái tội của mình đối với chính mình là chúng ta đã dùng đời chúng ta để tạo thành tiểu thuyết ngay trong khi sống. Chúng ta muốn đời chúng ta phải là một câu chuyện có thể kể được mà chính ta là nhân vật chính. Bởi thế chúng ta không sống, chúng ta chỉ luôn luôn tự hỏi phải sống như thế nào? Phải sống như là chẳng sống gì cả. Chọn lựa thái độ chính trị, lịch sử thì được nhưng không có chọn lựa khi sống..."

Ngực Lưu nhỏ lại rỗng không, Lưu chẳng thể nói nhiều được. Lưu búi lấy vai Quang thều thào:

"Anh làm ơn đưa tôi về dùm".

Rồi cố phát nụ cười trên khuôn mặt tái ngắt.

Lưu tiếp:

"Tôi có thể chết hôm nay".

Quang vẫy tắc xi dìu Lưu lên, đưa ra bến xe. Trên chuyến xe lô vắng khách hai người ngồi phía trước gần tài xế. Ba mươi cây số đường chạy trong mưa trắng và trời đục. Lưu ngoẹo đầu vào ngực Quang thỉnh thoảng hé mắt qua làn nước mắt. Tim của Quang nhảy đều. Tiếng máy êm vì xe chạy chậm. Đôi khi Lưu muốn ngồi lên nhìn xuống những khoảng ruộng vườn cây cối bên đường nhưng cảm thấy không còn sức lực. Có nhiều phút Lưu tỉnh hẳn trông thấy nét đăm chiêu của Quang và xa hơn màu da cháy nắng của người tài xế. Hình như chuyến xe dừng lại ở giữa đồng không, một chỗ nào rất lâu để cho mưa rào rạt trên mũi lẫn những tiếng xầm xì ầm áp. Ít nhất mình cũng là nhân vật của Quang chứ. Ý nghĩ chợt tỉnh dậy ở Lưu, rồi lại chìm xuống cơn sốt. Lưu hơi tỉnh khi được đặt nằm trên giường dưới lán chần đơn. Trước khi thiếp đi lần nữa Lưu còn biết gần mình có Quang, hai vợ chồng cụ Tám và thoáng thân hình của cô Ba hiền khô.

Chiều thì Lưu tỉnh hẳn. Mồ hôi đã khô đầu nhẹ nhõm. Ngoài nhà Quang đàm luận với cụ Tám. Trời không mưa chừng như có nắng. Lát sau Quang vào bảo với Lưu:

"Thôi tôi phải về Sài Gòn".

Lưu bắt tay cảm ơn Quang. Quang nắm tay Lưu nhìn thẳng trong mắt Lưu nói:

"Tôi quên chưa cho anh biết chị Yến gửi lời thăm anh".

Không hiểu sao Lưu lại mỉm cười.

Quang ra về Lưu bước xuống giường. Qua vài giây hoa mắt, Lưu bước với cảm giác không vững vàng. Lưu xuống bếp, bà cụ Tám đang sửa soạn dọn cơm chiều.

"Ông mạnh rồi sao?"

Lưu cười, tìm đưa cho ba cụ mấy tấm vé số và nói:

"Cháu cũng mua một tấm kỳ này. Nếu trúng độc đắc cháu sẽ đi hỏi cô Ba cụ à".

Rồi Lưu ra vườn. Cây cối còn ướt. Lưu tìm đến ngôi trên cối đá mà gần đây con cho già đã nằm phục từ bao giờ. Khoảng đất sũng nước con kính đầy. Bên kia bờ lạnh ngắt. Isabelle đã chết.

Nguồn: *Sáng Tạo*, 1964. Lần xuất bản thứ nhất, sách này in 100 bản quý dành cho tác giả và Nxb. 10 bản ghi dấu MHI đến MHX; 10 bản ghi dấu STI đến STX; 80 bản ghi số từ 1 đến 80. Bìa của *Khuôn mặt* do Thái Tuấn vẽ. In tại nhà in Tương Lai, 133 đường Võ Tánh, Sài Gòn. Xong ngày 25 tháng 4 năm 1964. Giấy phép số 699/XB ngày 7 tháng 4 năm 1964. Bản đánh máy do Lưu Đức Tiệp thực hiện, dựa theo bản thứ 47 do chính Thanh Tâm Tuyền viết tay số thứ tự và ký tên. talawas biên tập.

Một chủ nhật khác

Tuy mượn khung cảnh thật nhưng các sự vật và nhân vật trong truyện đều hoàn toàn bịa đặt. Mọi trùng hợp giữa việc và người trong tiểu thuyết với việc và người ngoài đời thật, nếu có, là ngẫu nhiên, ngoài ý muốn của tác giả.

1.

Thời tiết đang độ giao mùa. Tháng Tư, mùa xuân rắc mưa bụi. Trời nguyên vẹn sắc xanh trong. Những đám mưa thưa, viển vông thoáng chốc. Nắng mát mẻ, tươi thắm ngay cả khi trời đang mưa.

Những rừng cây biếc lục trên các triền núi cao phía Tây thành phố hiện rõ. Những đỉnh trọc phơi màu đá. Đêm tỏ ngời.

Cuối tháng tư, gió êm ngát trong ngày thỉnh thoảng nổi cơn lộng vào ban trưa hoặc ban chiều. Nắng reo vang trên đồi, trong các rừng thông, lá rộn rịp và trái khô rụng. Mây nắng rực rỡ, chất nắng óng quện như mật no ứ gió và phấn thông.

Kiệt bị ho mất tuần lễ có lẽ vì không khí đầy phấn thông.

Đầu tháng năm, đôi lúc ban ngày mưa rào nặng hạt, ngán ngủi, báo hiệu mùa hè. Đã có sương mù ban đêm. Những buổi sáng trời quang tạnh, gió hây hây đón nắng. Từ đây cho đến ngày đổ những trận giông lấp kín trời đất, gió còn ngả ngón giữa nắng, mưa êm dịu.

Kiệt êm tĩnh lạ. Êm tĩnh đủ mọi thứ. Những ngày làm việc trôi chảy. Thư từ tin tức gia đình đều đặn. Giấc ngủ không bị khuấy động. Mặc dù chung quanh không vậy.

Cuối tháng ba bước sang tháng tư, trận chiến bùng nổ quy mô khốc liệt tại các vùng giới tuyến. Quảng Trị mất, Kontum, Bình Long bị uy hiếp. Đầu tháng năm ấy hoà đàm Ba Lê lại đình hoãn vô hạn định. Hoa Kỳ tái oanh tạc miền Bắc, đội bom Hà Nội, Hải Phòng, thả mìn phong toả các hải cảng Bắc Việt.

Trong thị xã xuất hiện bóng dân chạy loạn từ Kontum đến, từ Huế vào. Lính tráng đi ngoài đường đội nón sắt, mang theo vũ khí. Quân trường, từng bị đột kích hồi năm Kiệt mới đổi lên, tăng cường bố phòng. Canh gác, tuần tiểu gia tăng. Báo động, phòng thủ nghiêm ngặt, có đêm hai ba lần. Các sĩ quan giáo sư đều bị huy động vào tiểu đoàn trợ chiến cho tiểu khu, các đại đội ứng chiến phân phối cho các cứ điểm thuộc phạm vi trường. Không khí căng thẳng, xốn xác.

Vẫn giữ thói quen riêng lẻ, trong một tuần thế nào Kiệt cũng ngủ nhà một đêm. Giá của chút tự do ấy là những ngày phạt ghi vào hồ sơ.

Nội trong tháng tư Kiệt ký lãnh mười sáu trọng cấm, trừ lương. Kiệt như quen với hình phạt và các thủ tục của nó. Hơn hai năm về quân trường này, Kiệt chưa hề thấy một ngày xả trại hoàn toàn. Bình thường là bảy mươi lăm phần trăm, cứ ba đêm ngủ trại một đêm ngủ nhà, và lúc nào cũng sẵn sàng tăng lên trăm phần trăm, hãn hữu lắm mới xuống năm mươi phần trăm và không bao giờ lệnh này kéo dài đến hai tuần lễ. Tổng cộng đến đầu tháng năm, số ngày thọ phạt của Kiệt khoảng từ bốn đến năm chục ngày.

Kiệt lỳ.

Mỗi lần bị gọi trình diện phải đứng nghiêm trang hay được mời ngồi, bị khiển trách nhiếc móc hay được bảo ban khuyến dụ, Kiệt đều nín lặng. Mặc. Kiệt mong được đổi đi thoát quân trường, đi thoát thành phố buồn tẻ phát ngấy. Nhưng có lẽ vì chàng là giáo sư, người ta còn cần và còn thương hại chưa nỡ thẳng tay.

Vào đầu tháng năm Kiệt đã bỏ không đội nón sắt khi chạy ngoài phố.

Các trường sắp sửa nghỉ hè. Ngoài những giờ trong quân trường, Kiệt dậy một số giờ sinh ngữ tại các lớp buổi tối của Hội Việt Mỹ và phụ trách giảng môn Quản Trị Sản Xuất tại Viện Đại Học. Kiệt nghe nhẹ mình khi bước vào các lớp trong những giờ cuối cùng của khóa học. Không còn chiếc nón sắt úp chụp, đỡ về kỳ cục, và, đã trông thấy một thời gian thành thoi trước mắt, dù chưa biết sẽ làm gì.

Trong tình thế nghiêm trọng, Kiệt không còn cách gì về Sài Gòn thăm vợ con.

Mỗi buổi chiều, Kiệt đều ra phố, uống cốc cà phê, ăn hai ba cái bánh cam, đọc tờ báo hàng ngày với mớ tin trẻ hơn các đài phát thanh ngoại quốc ít nhất là 48 giờ. Những bạn đồng nghiệp đồng cảnh gặp nhau ngày một ngồi chung bàn bỏ mặc Kiệt trầm ngâm. Thường khi, nếu không bận đến lớp, Kiệt cùng vài ba người tản bộ quanh chợ, thăm thơi bên bờ hồ, rộn ràng những chuyện lớn lao và vật vãnh.

Những buổi chiều thật đẹp. Gió thấp, gió cao, trùng trùng như nắng trên những quãng rộng.

Kiệt bắt gặp mình mơ màng hắt hiu. Như thể gió cuốn bay mọi ý nghĩ ra ngoài trời. Kiệt húng hắng ho khi bắt chợt hớp phải một ngụm gió lùa.

Riêng chiều thứ năm và chiều thứ sáu, Kiệt ghé ty bưu điện.

Kiệt không gửi và nhận thư qua khu bưu chính, tuy dùng địa chỉ này có thể tiện lợi. Kiệt không hẹn ai vào chỗ làm việc kiếm mình, trừ các bạn đồng đội. Kiệt không ở trong cư xá sĩ quan độc thân, cũng không xin nhà trong cư xá sĩ quan có gia đình.

Từ ty bưu điện, Kiệt chạy về khách sạn P, nơi dành cho hạng du khách sang trọng.

Mấy lúc này vắng du khách. Từ năm chiến tranh tái phát, thành phố trở nên bản thủ. Trong gian phòng trà rộng thênh thang, kiến trúc có những cột lớn, Kiệt mặc sức ngồi suốt buổi không gặp một ai. Ngoài mặt tiền lắp kính trong là hàng hiên trồng hoa, dưới tầm mắt là hồ nước im và đôi cô. Khách sạn tọa lạc trên triền đồi có đường xe hơi lên tới trước cửa và một lối bực cấp bằng đá cho người đi bộ. Quang cảnh chỗ này còn giữ được vẻ thơ mộng.

Ngồi ngả trong ghế bành mây, Kiệt đọc thư Thùy hoặc ngắm trời xa trên đồi. Chàng cũng có thể trông thấy bóng núi in hình khuôn mặt người đàn bà nằm ngửa. Khi mây mù giăng phủ những chòm núi ấy, mưa sẽ đến. Cũng thường khi, Kiệt tới đây gọi điện thoại về Sài Gòn.

Tuần lễ đầu tiên của tháng năm, Kiệt mới nhận được thư Thùy viết từ giữa tháng tư. Trong thư Thùy nhắc hỏi Kiệt nhớ ngày gì sắp đến không. Kiệt nhớ vào cuối tháng tư là những ngày kỷ niệm hôn lễ của hai vợ chồng, sinh nhật đứa con đầu lòng và đứa con thứ ba. Đúng ngày kỷ niệm của hai vợ chồng, Kiệt đã gọi điện thoại cho Thùy, ngờ ý tiếc không thể về với vợ con cũng không thể làm sao gửi quà. Thùy nói hôm trước đi phố nàng có mua một cái tẩu hút thuốc định gửi tặng Kiệt, sau nghĩ lại nàng đành cất ở nhà, sợ Kiệt ngậm ống điếu chọc cho chúng ghét thêm. Kiệt bảo vợ cứ gửi lên nhưng nàng không nghe.

Trong một thư khác, Thùy hỏi ý kiến Kiệt định cho các con nghỉ hè ở đâu, về bên ngoại hay cùng mẹ lên thăm bố. Nàng sẽ xin nghỉ phép thường niên, đi thăm chàng. Kiệt đã trả lời vợ, trong tình hình này đi lại bất tiện, vả lại cơn bệnh xuyên của nàng gặp khí lạnh phát tác sẽ làm khổ nàng, lý do nữa, chàng đang bị cấm trại nghiêm ngặt. Kiệt an ủi vợ rằng kiên tâm chịu đựng, trận chiến quyết định đang diễn tiến, ngày chàng cởi bỏ quân phục gần đến.

Viết cho vợ nuôi hy vọng về trận chiến cuối cùng nhưng riêng Kiệt, chàng gạt bỏ ý tưởng ấy trong đầu mình. Bao nhiêu lần Kiệt trông thấy những cuộc chiến cuối cùng rồi? Chàng không thiết đến hy vọng.

Kỷ niệm hôn lễ của hai vợ chồng năm nay là năm thứ tám. Thực ra đó chỉ là ngày hôn lễ chính thức. Trước ngày đó hai người đã sống chung với nhau.

Kiệt và Thùy gặp nhau ở Âu Châu trong năm học cuối cùng của Thùy. Thùy bị gia đình gọi về khi bà mẹ ngã bệnh nặng hấp hối. Bà cụ qua khỏi nhưng lại bị bán thân bắt toại và giữ Thùy ở nhà. Thùy gọi Kiệt về. Kiệt chân chừ: về để làm gì? Làm gì ở đây? Em nhìn chung quanh em xem? Sang với anh. Thùy đáp: Em không thể bỏ má; anh không thể bỏ em; không phải anh chọn lý tưởng hay tổ quốc hay bất cứ thứ gì, anh chỉ chọn em, một mình em và đứa con sắp chào đời của chúng ta. Anh không nghe tiếng kêu xốn xang của em sao?

Kiệt nghe tiếng kêu xốn xang của Thùy. Chàng trở về.

Ban đầu Kiệt làm việc tại An Hoà Nông Sơn. Sau đó Kiệt bỏ Sài Gòn làm cho một công ty ngoại quốc và rồi bị gọi vô Thủ Đức. Từ ngày ấy, đã sáu năm, Thùy thế chỗ Kiệt ở sở cũng như ở nhà. Ra trường Thủ Đức, Kiệt về quân nhu, làm trong phòng thí nghiệm tại một kho dầu. Ở trong quân đội, Kiệt thấy mình hao mòn sa sút, vô công rồi nghề, Kiệt quyết định với sự đồng thuận và khuyến khích của Thùy xin một học bổng du học của quân đội. Chàng được truyền chuyển lên quân trường đợi ngày đi. Nhưng năm ngoái, phút chót đến ngày làm thủ tục xuất ngoại, Kiệt đổi ý. Khi có lệnh biệt phái, Kiệt được Bộ Kinh Tế xin, bị nhà trường ngăn chặn, trừng phạt tội cãi lệnh khước từ du học.

Bây giờ Kiệt chỉ thấy con đường duy nhất của ngày về với gia đình: giải ngũ. Nhưng đến bao giờ?

Gần đây Thùy báo tin cho Kiệt hay các bạn của chàng ở Bộ Kinh Tế lại làm thủ tục xin chàng lần nữa. Nàng cũng đã nhờ người thân trong gia đình vận động trên Bộ Quốc Phòng và Bộ Tổng Tham Mưu để lần này việc biệt phái được êm đẹp. Thùy rất hy vọng, nhưng Kiệt rùng rùng.

Trong thời gian này, Kiệt cũng nghe mình hờ hững, lạnh nhạt với vợ con. Chàng vẫn nghĩ tới Thùy, tới ba đứa con nhưng không tha thiết buồn khổ lắm. Dường như chàng mãi chú ý đến những điều gì mơ hồ đâu đó. Nhiều khi dưng không chàng sực nhớ những chuyện vụn vặt, vô nghĩa, và những nhớ tưởng ấy ám ảnh chàng triền miên. Có lúc Kiệt ngỡ ngàng thấy mình đang sống như một cái máy. Đầu óc chàng lơ đãng, chậm chạp. Nhưng đồng thời vang vọng ở chàng một niềm hoan lạc thầm thì khó dứt. Chàng bắt gặp những phản ứng bất chợt, kinh ngạc. Những lúc ấy chàng như tỉnh táo hẳn thấy cảnh tượng trời đất chuếnh choáng trong gió hoặc bấp bênh nhẹ bồng như thiếu khí thở.

Những trận gió vẫn la đà, mông lung. Tâm trí Kiệt phiêu lãng quanh những mép vực thẳm, có thể say ngã không hay.

Rồi cũng qua - Kiệt tự nhủ - cũng qua như lần trước. Chàng nghiệm hình như cứ đến mùa gió thần trí chàng lại bị lao đao, khốn đốn.

Riết rồi cũng quen, Kiệt tưởng vậy.

Lần trước còn học trong Thủ Đức, một chủ nhật được phép xuất trại, Kiệt không về nhà. Chàng thức giấc lúc trời tối mịt, không đợi xe buýt, ra khỏi doanh trại cùng vài người như những bóng ma. Một chuyến xe lam đưa chàng về Sài Gòn còn đèn thấp ngoài đường. Trên phố vắng vẻ, gió không lộng như ngoài xa lộ, nhưng hun hút xào xạc. Kiệt đứng trên hè ngó dây phố đóng im cửa, và như bị nhiếp hồn. Chàng tới bến xe lục tỉnh, bước lên một chuyến xe lô sắp rời bến. Chuyến xe đưa chàng tới Mỹ Tho. Kiệt lang thang trong tỉnh lạ, mượn phòng ngủ, rỗn nghịch với một lưỡi dao cạo. Vết sẹo trắng, nhỏ như vết cào xước trên cườm tay. Sáng hôm sau, Kiệt ngỡ ngác lên xe trở lại Sài Gòn, bị quân cảnh bắt giữ trả về trường.

Kiệt không sao giải thích được với vợ về sự mất tích trong suốt một ngày nghỉ của chàng. Sự thật quá kỳ quặc không cách nào bày tỏ với người khác, dù người ấy là Thùy, mà không mang vẻ giả dối, trơ trẽn.

Thùy tra vấn, Kiệt chối quanh, bịa đặt vụng về. Thùy ghen, nàng nghĩ Kiệt trốn đi với một người

đàn bà.

Cuối cùng Kiệt đành nhận tội lỗi theo ý muốn của vợ. Chàng đã gặp người tình cũ, người tình thuở mới lớn. Cô gái đã có gia đình, lập nghiệp tận bên Lào, nhân về thăm nhà tình cờ gặp Kiệt. Chủ nhật ấy là ngày cuối cùng của cô ở quê hương, sáng hôm sau cô đã lên máy bay rời Sài Gòn. Chàng yếu lòng, sa ngã, bị quyến rũ. Và chàng thề trên đầu ba đũa con không bao giờ gặp lại cô ta nữa.

Thùy chấp nhận chuyện đó như nàng hướng dẫn, sắp xếp bằng những câu gọn hời, rỗng rã hàng tháng. Nàng bằng lòng tha thứ, lần đầu và cũng là lần cuối, với đôi chút rẻ rúng khinh nhờn trong thái độ mà Kiệt đành chịu.

- Em trả tự do cho anh, anh chịu không?

-Anh đã nói anh không thể thiếu em.

-Nhưng anh cũng không thể thiếu cô ta. Tình đầu làm sao quên.

-Anh đã chẳng kể cho em nghe rồi về cái mối tình ngu ngơ này của anh từ hồi ấy. Có gì đâu, em biết chứ.

-Có gì đâu. Mới chỉ có một ngày một đêm em thất điên bát đảo lòng kiếm anh khắp nơi khắp chốn. Anh chỉ việc về bảo em một tiếng là anh cần đi, em sẵn sàng để anh đi. Em đỡ mắt công lo lắng. Có gì đâu mà mới gặp lại đã quên cả vợ con ngong ngóng suốt tuần ở nhà chờ ngày chủ nhật. Lần sau gặp chắc anh đi luôn quá.

-Anh đã bảo cô ta không còn ở đây. Không bao giờ anh còn gặp....

-Nghĩa là nếu cô ta ở đây thì anh sẽ đi?

-Không. Không bao giờ nữa. Lúc đó anh sa sút tinh thần. Em phải hiểu.... anh khổ tâm.

-Anh sa sút thật. Anh sa sút đến em cũng không ngờ.

Kiệt muốn sa nước mắt sau câu nói của Thùy.

Rồi một bữa Thùy ngó thấy vết sẹo trên cổ tay trái Kiệt khi chàng cởi đồng hồ đeo tay.

-Cái gì đây?

-Em không biết ư? Kiệt đùa, tưởng chuyện đã xếp từ lâu - Dấu tích của người tình cũ đấy.

-Sao? Trò gì vậy?

-Cô ta vẫn còn hận anh, đòi tự tử chung cùng chết với nhau. Anh không chịu. Cô ta cầm lưỡi dao cạo cửa anh luôn... Em thấy anh yêu em biết là chừng nào.

Mấy tháng qua, Kiệt vẫn chưa hoàn hồn hẳn. Kiệt cười hèn hếch, ngu độn. Sau đó, chàng chợt nghe sự im lặng trầm trọng của Thùy. Chàng đành tiếp tục cười, giả dối.

-Vui dữ hả? Em thật không ngờ.

-Em không ngờ sao?

-Mấy người không thấy là mấy người diễn trò dâm loạn, đòi bại...

Thùy bật la lên, chụp lấy Kiệt xâu xé. Kiệt chết sững, không phản ứng. Thùy rít lên: Đồ tòi bại, đốn mặt, *sadique... tu es sadique*, không ngờ, không tưởng tượng nổi. Tòm, tòm quá. Kiệt chảy nước mắt nhưng vẫn cười nôn.

Khi nguôi ngoai, Thùy hỏi:

-Có thật đàn ông các anh ngấm ngấm đều ưa những trò tòi bại? Có thật anh chán tôi, vì tôi không thể... bước vào khách sạn, hay nằm ngoài trời với anh như....

-Đừng bậy. Anh không phải thế....

-Thế anh là thế nào? Còn vết sẹo kia giải thích thế nào?...

Kiệt nghẹn lời. Chàng không thể hé môi. Làm cách nào chàng có thể mở miệng giải thích?

Rồi cũng qua.

Bây giờ, Kiệt tự đùa mình: một hôm nào tình cờ người tình cũ của ta có thể đột ngột xuất hiện chẳng? Chàng hơi trợn trợn trước câu hỏi.

Gió lớn vờn ngoài mặt kính lay những bông mỏng gà đỏ trong khi những bông đại đoá màu tím nhạt im lìm. Buổi chiều rục rờ ngoài đồi. Nắng vắt ngang thân núi biếc.

Kiệt ngồi trước cốc bia đã lắng bọt đợi điện thoại liên lạc Sài Gòn.

Chàng tưởng trước đến tiếng nói của Thùy sẽ nghe thấy. Tiếng nói điềm tĩnh, dịu dàng lan đến

theo bước sóng không bị rối loạn. Trời thật cao trong.
Chàng sẽ bảo Thùy: em lên với anh mau.